



TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI TÍCH HỘI AN
Add: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
3.864625 - 862946 - 862367
Fax: 05103.861779 - Email: ttqlbtdt@dng.vnn.vn

BẢN TIN
Số 2 (10) - 2010



Trao đổi chuyên môn - nghiệp vụ

- Di sản văn hóa cộng đồng làng xã từ góc nhìn Sinh thái - Nhân văn
- Để có một thiendường du lịch ở Cù Lao Chàm
- Di tích mộ táng ở Hội An
- Những vấn đề Phật giáo ở Hội An
- Từ các di tích, suy nghĩ về một số đặc trưng tín ngưỡng ở Cù Lao Chàm
- Tác dụng của trò chơi dân gian đối với trẻ em
- Yếu tố Triều Tiên của gốm sứ Hizen
- Nhật Bản
- Cù Lao
- Đôi dòng tản mạn về những ngôi chùa cổ ở Hội An

Tin tức - sự kiện

Bạn cần biết

Di sản văn hóa cộng đồng làng xã từ góc nhìn Sinh thái - Nhân văn

Nguyễn Chí Trung

Ở Việt Nam xưa, Làng - vốn là từ Nôm, chỉ đơn vị tụ cư nhỏ nhất nhưng chặt chẽ và hoàn chỉnh nhất của người nông dân. Xã - vốn là từ Hán - Việt, chỉ đơn vị hành chính nhỏ nhất của nhà nước phong kiến. Làng - xã là hệ thống ghép của một thực thể địa cư chịu sự điều hành của lưỡng quyền gồm: Bộ máy quản lý nhà nước (*xã trưởng/lý trưởng*) và tổ chức tự quản (*làng, họ*). Tự chung gồm bộ máy hành chính - Chức dịch và bộ máy tự quản - Sắc mục, gọi chung là chức sắc, tuy có phân biệt nhưng quan hệ mật thiết với nhau trong chức năng quản lý làng - xã.

Khẳng định về vai trò của làng - xã trong lịch sử, các nhà nghiên cứu lịch sử - văn hóa Việt Nam đều thống nhất cho rằng: *Làng - xã Việt Nam đã đóng vai trò chiến tuyến phòng ngự, lại vừa là pháo đài phản kích mọi mưu đồ đồng hóa, vừa là hậu cứ bất khả xâm phạm bảo tồn tiếng mẹ đẻ, giữ gìn những di sản tinh thần thiêng liêng nhất mà các thế hệ Việt Nam đã tạo dựng từ thời đại các Vua Hùng. Và đây cũng là cơ sở cốt lõi để trước bao kẻ thù xâm lăng dù hung tàn, thâm độc đến đâu chúng ta vẫn giữ được Làng và giữ được Nước, bảo vệ được chủ quyền quốc gia, dân tộc - Bản sắc văn hóa dân tộc. Trong sự nghiệp CNH -*

ĐDH đất nước hiện nay và đặc biệt trước những xu thế tất yếu của toàn cầu hóa - hội nhập, cơ chế thị trường, kể cả tốc độ đô thị hóa... Di sản văn hóa Làng quả đang đứng trước nhiều thách thức, biến đổi đáng quan tâm. Chính vì vậy, tìm hiểu Di sản văn hóa cộng đồng làng - xã từ một góc nhìn sinh thái - nhân văn phần nào sẽ giúp cho chúng ta có những giải pháp tích cực trước những xu thế nói trên nhằm bảo tồn Di sản văn hóa truyền thống của dân tộc và phát triển bền vững.

✿ **Ý thức về sinh thái:** Truyền thống về ý thức “*Hòa hợp với thiên nhiên*” được hình thành trong tâm lý, lễ sống của cộng đồng người Việt. Do xuất phát từ cuộc sống phải dựa vào thiên nhiên, khai thác nguồn thức ăn từ núi rừng, đồng cỏ, sông ngòi, đất bãi... nên đã hình thành nên ý thức quý trọng, giữ gìn chúng nguyên vẹn, lâu bền. “*Thần thiêng hóa thiên nhiên*” (*vạn vật hữu linh*) không chỉ là do tâm lý tín ngưỡng - tôn giáo nguyên thủy, mà điều chủ yếu hơn là từ kinh nghiệm lao động, nhu cầu cuộc sống cộng đồng người Việt dần dần hiểu biết hơn về lợi ích thiết thân được thiên nhiên đem đến. Việc thuần hóa, chăn nuôi gia súc, khai khẩn đất hoang, trồng lúa nước nhằm giảm áp lực của cái ăn thường ngày nhưng cũng là các hình thức tự túc lương thực tự phát nhằm điều hòa, cân bằng mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên xung quanh. Từ các công trình nhà ở, đền kiến trúc đình, chùa, miếu mạo, lăng tẩm... ngoài tri thức dân gian về phong thủy (*thực chất là ý thức về địa - sinh thái - văn hóa...*), bao giờ chúng cũng được hài hòa với thiên nhiên hay thiên nhiên quen thuộc bao giờ cũng chiếm một vị

trí đáng kể, lấp lánh một vẻ đẹp trong sáng, tươi vui và thiêng liêng, thông qua các bức tranh, phù điêu, chạm khắc trên đá, gỗ... và cả trên những hòn non bộ, cây cảnh, sân - vườn, cây đa, dòng sông, bến nước, cánh đồng... Tình người, hồn người luôn gắn với đề tài cảnh vật, tứ thời, bát tiết, cá nước, chim trời, cỏ cây muông thú,” *Ngư - tiều - canh - mục*... Hoặc trong cả những câu chuyện cổ tích, ca dao, dân ca, thi họa... Thiên nhiên đối với ông cha ta là tất cả những gì mà người ta thường ngày sống chung với chúng, sống nhờ

chúng do giá trị tinh thần và vật chất từ chúng mang lại. Người ta không thể sống không có thiên nhiên bên mình. Trời - đất (thiên - địa) là thành phần

không thể thiếu trong một thể thống nhất chặt chẽ “Con người - Trời - đất” (thiên - địa - nhân). Sống với thiên nhiên có tình, một thứ tình yêu sâu sắc, đậm thắm, đó còn là một nét đặc sắc nữa của ông cha ta trong mối quan hệ quen thuộc với vạn vật xung quanh. Tình yêu thiên nhiên là một yếu tố không thể thiếu để làm nên tâm hồn mỗi người và toàn cộng đồng dân tộc. Quan niệm “*Phồn thực*” không chỉ đề cao cuộc sống sung túc, no đủ, con đàn cháu đống, mà còn chú trọng làm cho cây cỏ tốt tươi, đất lành chim đậu, ao trong cá lượn, sông chảy thuyền trôi, núi cao vượn hót, phong cảnh hữu tình.



Ý thức về cuộc sống yên ổn, thanh bình và phồn thịnh của con người luôn được đi đôi với ý thức về thiên nhiên vạn vật xung quanh con người được giữ gìn, vun đắp, làm/trông cho “*mưa thuận, gió hòa*”. Cảnh vật con người “*trương đồng, trương hồ*”. Mưu sinh mà không hại đến vạn vật, bảo tồn vạn vật để mưu sinh thuận lợi, đó là cái lý chung người xưa luôn chú trọng khi quan hệ với thiên nhiên. Có thể nói đức tính “*Sống hòa hợp với thiên nhiên*” là đức tính tồn tại phổ biến ở mỗi người và toàn cộng đồng làng - xã xưa kia.

☸ **Ý thức nhân văn thể hiện qua tinh thần cố kết cộng đồng:** Nhìn lại tiến trình lịch sử Việt Nam hàng nghìn năm qua, dòng chảy chủ đạo của tư tưởng triết lý là triết lý nhân sinh, luôn gắn

liên với cuộc sống thiết thực của cộng đồng. Con người cá nhân không tồn tại đơn lẻ mà sống trong thể ứng xử với các cộng đồng đó. Tinh thần đoàn kết cộng đồng thường bắt đầu từ những quan hệ gắn bó giữa những người sống gần gũi với nhau trong một tập hợp xã hội, đó là gia đình, tộc họ, xóm giềng, làng - xã, vùng miền, quốc gia - dân tộc. Theo tổng kết Nghị quyết trung ương 5 - khóa 8 của Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đó là sự gắn kết của cá nhân, gia đình, làng - xã, tổ quốc.*

Đôi với gia đình gồm những người cùng quan hệ huyết thống, gắn bó mật

thiết với nhau thành đơn vị cơ sở, hạt nhân của người Việt, là cơ cấu kinh tế tư cung, tự cấp theo mô hình “*chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*”. Trong gia đình đó là sự cộng đồng gắn kết giữa ông bà - con cháu trong tình yêu thương ruột thịt, chia da xẻ thịt nối dài nòi giống, nuôi dưỡng nhau để tồn tại. Biểu hiện cho tinh thần cộng đồng trong con người ở làng xã Việt Nam là tình cảm gia đình, so với người Phương Tây (*nơi coi trọng con người cá nhân*), gia đình có vai trò quan trọng hơn rất nhiều. Trong gia đình Việt Nam mang tính phụ quyền, nhưng ở đó vẫn còn mang đậm tính bình đẳng, dân chủ, chan hòa quan hệ cha mẹ, ông bà với con cái, vợ chồng.

Đối với dòng tộc đó là quan hệ gắn kết cộng đồng giữa những người cùng họ tộc, đó là tình nghĩa thân tộc. Do tàn dư nguyên thủy tình cảm gia tộc Việt Nam khá bền chặt (*một giọt máu đào hơn ao nước lã*). Bên cạnh sự tương trợ giúp đỡ, sự hỗ trợ về mặt tinh thần, vật chất dẫn đến sự gắn kết gia tộc và xuất phát từ nhu cầu thờ cúng tổ tiên. Do xuất phát từ văn hóa nông nghiệp thuần túy nên vai trò của gia tộc rất được coi trọng (*khác với Trung Hoa lấy gia đình làm gốc*), bởi gia đình hạt nhân không đủ đối phó với môi trường tự nhiên và xã hội nên cần đến vai trò của gia tộc. Sức mạnh của gia tộc thể hiện ở tinh thần đùm bọc, thương yêu nhau. Người trong họ có trách nhiệm cưu mang nhau về mặt vật chất (*Xảy cha còn chú, xảy mẹ bú dì*), hỗ trợ nhau về trí tuệ, tinh thần (*Nó lú nhưng chú nó khôn*), và dìu dắt nhau, làm chỗ dựa cho nhau về chính trị (*một người làm quan, cả họ được nhờ*).

Đối với xóm ngõ thì đó là sự gắn kết giữa những người trên một địa vực cư trú. Đó là tình cảm láng giềng, tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau giữa những người làm nông nghiệp trên một địa bàn trong một cuộc sống tươi đẹp, nhưng cũng đầy bất trắc bởi thiên tai, địch họa. Do đó, thái độ ứng xử là sớm hôm, tối lửa tắt đèn có nhau là một nhu cầu hết sức thực tế, đôi lúc nó còn lấn át cả quan hệ huyết thống (*bán anh em xa mua láng giềng gần*).

Cộng đồng làng xã là tổ chức đã hình thành sớm và tồn tại hàng ngàn năm trong lịch sử, là nơi bảo lưu văn minh lúa nước, văn hoá làng - xã. Có làng trước rồi mới có nước. Nước là làng mở rộng, là tập hợp nhiều làng. Văn hoá làng - xã được bảo đảm bởi nền tảng kinh tế là chế độ ruộng công. Nhìn lại tiến trình lịch sử Việt Nam hàng nghìn năm qua, dòng chảy chủ đạo của tư tưởng triết lý là triết lý nhân sinh, luôn gắn liền với cuộc sống thiết thực của cộng đồng. Con người cá nhân không tồn tại đơn lẻ mà sống trong thế ứng xử với cả cộng đồng - Tinh thần đoàn kết cộng đồng (Vi: Nước lụt thì lụt cả làng). Ở đây tính cộng đồng, tập thể được đề cao, đứng trên cá nhân. Một cá nhân chỉ có thể có cống hiến khi gắn mình với cộng đồng. Cái khôn ngoan đơn độc của một người không bằng cái “dại” của số đông (khôn độc không bằng dại đàn; xấu đều hơn tốt lẻ). Điều đó khiến cho con người cá nhân tự thấy trách nhiệm phải luôn luôn đặt mình trong cái cộng đồng, gắn bó với cộng đồng. Bởi “*không mợ thì chợ cũng đông; đông tay hơn hay làm*”. Do đó mà không được phép đặt mình lên tập thể. “*Đoàn kết*

thì sống, chia rẽ thì chết”, đó là chân lý sâu sắc được rút ra trong quá trình dựng nước, giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc ta. Từ chỗ nhận rõ được sức mạnh của cộng đồng mà biết chủ động tạo ra sức mạnh đó: “*Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại thành hòn núi cao*”. Ý thức “*Chụm lại*” (Ba người đại hợp lại một người khôn), ý thức hợp quần, “*chung lưng đấu cật*” trở thành ý thức thường trực của mỗi thành viên làng xã (Đông người thì sống, mống người thì chết). Càng nhận rõ trách nhiệm của mình trong cộng đồng thì càng có ý thức cưu mang che chở lẫn nhau (*Lá lành đùm lá rách; Cành dưới đỡ cành trên*), không để cho “*môi hở răng lạnh*”, không để cho con sâu có thể “*làm rầu*” cả nồi canh. Nền tảng đạo lý cộng đồng trong làng - xã Việt Nam chính là bắt nguồn từ những tình cảm, những tâm lý, ý thức về trách nhiệm như vậy. Càng thiết tha với quê hương lại càng thấm thía công ơn dựng làng, dựng nước của cha ông. Đã biết bảo nhau: *Uống nước nhớ nguồn; Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*. Chính vì vậy cũng đừng đại dốt nghe ai mà xa lìa nguồn cội. Hãy bảo nhau biết tôn trọng, biết tự hào những cái của chính mình, do chính mình tạo nên (*Trâu ta ăn cỏ đồng ta...; Ta về ta tắm ao ta...*). Người ta sống với nhau “*Có nghĩa có tình*”, biết chia sẻ cho nhau niềm vui, nỗi khổ (*Tay đứt ruột xót; Một con ngựa đau, cả tàu chê cỏ*). Sống với nhau” vì tình vì nghĩa, không ai vì đĩa xôi đầy”. Người ta bảo nhau: “*Đường mòn, ơn nghĩa không mòn*”, vậy nên “*Ơn ai một chút chớ quên, phiền ai một chút để bên cạnh lòng*”, đúng như một nhà nghiên cứu đã viết: “*Trong quan hệ giữa các thành viên làng - xóm mỗi*

người nợ nần tất cả mọi người, phụ thuộc ơn nghĩa lẫn nhau”. Ở đây phản trắc, vong ơn bội nghĩa không có chỗ đứng. Người ta chê trách những kẻ “*ăn mít bỏ xơ, được chim bẻ ná, được cá quên cơm*”, người ta vạch mặt những ai “*qua cầu cắt nhịp, qua rào vồ vế, ăn cháo đá bát*”. Tâm trạng của con người không phải không có lúc trải qua những tính toán thiệt hơn, nhưng cuối cùng đạo lý đã thắng (*Nhiều điều phải lấy giá gương...*). Cũng từ đạo lý đó mà làng - xã Việt Nam đã vượt ra khỏi thể biệt lập, khép kín để phát huy ý thức cộng đồng ra ngoài phạm vi làng - xã, trở thành ý thức quốc gia dân tộc. Từ đây, làng và nước quện chặt vào nhau trên nền tảng đạo lý của cả dân tộc. Và nhu cầu bảo vệ khối đoàn kết thống nhất trở thành nghĩa vụ hệ trọng hàng đầu của mỗi thành viên làng - xã. Người ta dặn mình và dặn nhau: *Hãy dành sức lực để chống trả những kẻ mạnh tâm “chia bầu rẽ bẻ”, phá vỡ cộng đồng, gây cảnh “sẻ ghé tan đàn”* (khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ ai hoài đá nhau). Trên nền tảng đạo lý đó mà hình thành bản lĩnh con người (*Đói cho sạch rách cho thơm; Chết trong hơn sống đục*), bản lĩnh dám khẳng định một cội nguồn đạo lý của riêng mình: “*Phá lá cây thì dễ, phá chồi chẳng dễ đâu*”. Cũng từ đó mà truyền thống của cộng đồng làng - xã người Việt Nam là luôn luôn sống có tình nghĩa, nhân hậu, thủy chung, “*thương người như thể thương thân*”, là vốn ứng xử nhân hậu của con người Việt Nam. Yêu nước của con người Việt Nam là thương nòi, thương nhà, thương mình. Ở người Việt Nam luôn có sự kính trọng đối với những cử chỉ hào hiệp, đại nghĩa.



Để có một thiên đường du lịch ở Cù Lao Chàm

Nguyễn Đức Minh

Chính từ những ý thức về sinh thái, nhân văn của cộng đồng con người Việt Nam trong không gian Làng - xã xưa kia là một trong những nhân tố quan trọng hình thành nên bản sắc văn hóa, bản lĩnh dân tộc Việt Nam, để chiến thắng mọi kẻ thù (*thiên tai, giặc ngoại xâm*), giữ vững được cương vực lãnh thổ quốc gia, độc lập, chủ quyền dân tộc Việt Nam. Phải chăng những lúc nguy nan, gian khó, vất vả con người Việt Nam càng biết quý trọng, yêu thương, càng ra sức giữ gìn, sẵn sàng xả thân bảo vệ môi trường sống và chính cuộc sống của mình trong một thể thống nhất của từng cộng đồng làng - xã và hợp thành quốc gia, dân tộc? Điều đáng quan tâm là chính ngày nay, hơn lúc nào hết cộng đồng làng - xã đang bị tấn công, phá vỡ một cách mạnh mẽ trước tốc độ, xu thế của đô thị hóa, của cơ chế thị trường, toàn cầu hóa - hội nhập. Đó là một thực tế đang đe dọa đến sự phát triển bền vững của đất nước ta. Vì vậy, khi xây dựng làng văn hóa chúng ta không thể không quan tâm đến việc **bảo tồn di sản văn hóa cộng đồng Làng - xã**.

Với sự phong phú, đa dạng về tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa, Cù Lao Chàm đã và đang trở thành điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Những rạn san hô đầy màu sắc, những bãi cát mịn màng hoang sơ miền man cùng sóng biển, những bức tranh với nhiều gam màu huyền ảo trên vách đá và... cùng với hệ thống di tích đa dạng, những câu chuyện kể, truyền tích lung linh sắc màu huyền thoại và cả một tấm lòng thân thiện, hiếu khách của người dân cũng như sự quan tâm của các cấp chính quyền và doanh nghiệp, trong tương lai không xa, Cù Lao Chàm trở thành một

“Thiên đường du lịch”

Nếu điều kiện để phát triển du lịch là điểm đến, cộng đồng dân cư tại đây và nguồn khách, thì trước hết, cần khẳng định rằng điểm đến du lịch ở quần đảo Cù Lao Chàm là loại hình du lịch sinh thái, du lịch đảo biển kết hợp. Đây là hình thức du lịch thiên nhiên gắn bó mật thiết với văn hoá có mức độ giáo dục cao về sinh thái môi trường và cảm thụ văn hoá, nâng tầm



nhận thức văn hoá của mọi người lên cao hơn, đồng thời mang lại lợi ích thu nhập về tài chính cho cộng đồng và tác động ngược lại có lợi cho các nỗ lực bảo tồn biển, bảo tồn sinh thái môi trường, bảo tồn di sản văn hoá.

Xét về cơ cấu tài nguyên du lịch của Cù Lao Chàm, đã thấy hội đủ cả hai yếu tố, trong đó yếu tố TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN là cả vùng sinh thái rộng lớn bao gồm 8 hòn đảo lớn nhỏ, cả phần nhô lên khỏi mặt nước và cả phần chìm sâu dưới lòng biển. Yếu tố TÀI NGUYÊN VĂN HÓA là phần văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể thật dồi dào, phong phú. Tài nguyên du lịch ở Cù Lao Chàm gắn kết hoà quyện với nhau không thể tách bạch, nó là tổng thể tự nhiên và lịch sử - văn hoá cùng các thành phần của chúng được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho cả việc định hình và sản xuất dịch vụ du lịch. Vì vậy khi khai thác du lịch phải chú ý đặc biệt về vấn đề này mới có hiệu quả, đúng hướng, đúng yêu cầu.

Điều mà ai cũng có thể thấy rằng ở Cù Lao Chàm có tài nguyên du lịch rất đầy đủ không dễ thấy sự toàn vẹn ở những nơi khác. Xét cụ thể hơn về các mặt sẽ thấy: Tài nguyên thiên nhiên nổi bật lên hết là về địa hình đảo, khí hậu Đại Dương, nguồn nước ngầm và nguồn nước nổi, là hệ thống khe suối, thực vật, động vật cả trên rừng dưới biển rất phong phú. Còn tài nguyên nhân văn thấy nổi trội hơn hết đây là các di tích kiến trúc, lịch sử - văn hoá, là các lễ hội, lễ lệ, các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học, các đối tượng văn hoá thể thao và các hoạt động nhận thức khác. Tất cả hầu như chưa được khai thác, đầu tư... Trong đó đặc biệt là các truyền thuyết, có thể nói việc phát triển du lịch ở Cù Lao Chàm mà không dựa vào truyền thuyết, không khai thác truyền thuyết với tinh thần cốt lõi kết hợp sinh thái thì sẽ không làm được gì cả. Sẽ đơn điệu biết bao nếu đến Cù Lao Chàm chỉ để ăn, ngủ và tham gia vài hoạt động mệt nhọc rồi về thì chỉ nên đến một lần rồi quên

và phải quên luôn để nhớ đến một vùng đất khác.

Như trên đã nêu, tương lai, vùng quần đảo này sẽ phát triển du lịch sinh thái, đó là một loại hình du lịch đang phát triển, là xu hướng chung của thời đại và đáp ứng được những loại hình du lịch khác được kết hợp chặt chẽ sau đây: Du lịch biển, Du lịch chữa bệnh, Du lịch nghỉ ngơi giải trí, Du lịch thể thao, Du lịch văn hoá, Du lịch công vụ, Du lịch tôn giáo, Du lịch thăm hỏi, Du lịch nghỉ biển, Du lịch nghỉ núi, Du lịch xe đạp, Du lịch máy bay, Du lịch tàu thủy, Du lịch dài ngày, Du lịch ngắn ngày, Du lịch thanh niên, Du lịch thiếu nhi, Du lịch gia đình, Du lịch có tổ chức, Du lịch cá nhân...

Trách nhiệm của các nhà tổ chức và khai thác du lịch cần tập trung đầu tư nghiên cứu chặt chẽ, thận trọng để thấu nhận và thực hiện các ý tưởng cho phù hợp. Để khai thác tiềm năng du lịch sinh thái của Cù Lao Chàm cần tư duy theo hướng bảo vệ được sự đa dạng tự nhiên và văn hoá, theo hướng phát triển du lịch trong tổng thể quy hoạch của Đảo được tỉnh, UBND thành phố và các ngành chức năng liên quan thông qua, đồng thời được cả cộng đồng nhân dân đồng thuận, tích cực tham gia, sau nữa là luôn có sự giám sát, điều chỉnh kịp thời, hạn chế thấp nhất những tiêu cực xảy ra.

Riêng về địa hình đảo, sẽ không nên quên là đảo có hình chóp nhọn nổi lên mặt nước, phần chóp cụt chìm dưới nước, tất cả đều đặt trên nền mặt lòng biển, mà địa hình ở dưới ấy cũng nhấp nhô cao thấp như trên mặt đất. Riêng về mặt các di tích lịch sử - văn hoá cần gắn chặt với các truyền thuyết và thể

hiện truyền thuyết một cách nghệ thuật, đi theo hướng khai thác triệt để văn hoá tâm linh, dội vào lòng người độ mặn cảm về nhân văn, về sắc thái liên tưởng, rút bài học cho đạo làm người, cho cách sống đúng, nhất là trong điều kiện đất nước đang hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực. Những hướng khai thác chính là tìm và tôn tạo cho nổi bật lên bản sắc văn hoá Hội An, trong đó tựu trung là bản sắc văn hoá Đảo Biển. Đặt trong bối cảnh lịch sử, quần đảo Cù Lao Chàm từng có vai trò như là điểm tiền tiêu, là bức bình phong cho cả vùng Đô Thị Thương cảng Hội An, nhưng điều quan trọng hơn, Cù Lao Chàm lại từng là nơi giao lưu mở cửa sớm nhất trong vị thế với cả vùng Đông Nam Á. Vì thế văn hoá Cù Lao Chàm là văn hoá mở, định hình và bảo tồn tương đối đủ các yếu tố gốc, ngoài ra còn có sự tiếp biến, chi phối từ đất liền, từ nhiều nguồn.

Riêng về mặt các công trình phục vụ du lịch phải được coi là các công trình tôn tạo làm đẹp cảnh quan, làm giàu khu sinh thái, cung cấp cái nhìn mới, những cảm nhận đặc biệt về vùng đảo Cù Lao Chàm. Trước hết cần thống nhất rằng xuất phát từ yếu tố văn hoá đặc sắc của Cù Lao Chàm để tổ chức du lịch dịch vụ, để khai thác có bản lãnh theo một hướng riêng trên cơ sở lợi dụng tối đa nhưng không lãng phí đặc điểm của Đảo Biển và vùng sinh thái tuyệt vời mà thiên nhiên ban tặng. Cần thông suốt nhận thức rằng nếu quá thực dụng để đánh mất sinh thái, đánh mất lịch sử văn hoá Đảo Biển thì cũng có nghĩa là không được gì cả. Đầu tư du lịch mà phá vỡ cảnh quan, làm nghèo tiềm năng, không thu lợi thì không những đồng nghĩa với tự

sát chính bản thân mình mà còn mang trọng tội. Trong ý nghĩa ấy, sau đây xin có vài đề xuất:

☉ **Về lợi dụng địa hình:** ở Cù Lao Chàm vì là môi trường đảo biển, tương lai không xa sẽ là đô thị du lịch đặc biệt nên cần tận dụng thích nghi tối đa địa hình để xây cất nhà cửa phố xá cho phù hợp, để tạo lập các thiết chế thích nghi như trong trình bày cảnh quan công viên Đại Dương, Đình Hòn Biền, Bãi tắm lặn biển xem san hô, Vịnh nước cạn Bãi Xếp, Nhà hàng... đều thể hiện rõ nhất vấn đề này. Việc bố trí hợp lý các công trình để vừa tiết kiệm đất, vừa tạo môi liên kết chặt chẽ logic giữa các hoạt động, vừa không quá lộ liễu làm mất cảnh quan... không những ở Bãi Làng, Bãi Hương mà còn ở cả những khu vực khác như Bãi Chồng, Bãi Ông, Bãi Bìm...

☉ **Về đường đi:** Về lâu về dài, cần làm đường đi bộ ven đảo để phù hợp với mọi người, mọi lứa tuổi và làm cho mọi người gần biển hơn. Ngoài việc tận dụng tối đa “đường quốc phòng”, để nối giữa các điểm du lịch còn cần tạo thêm các loại đường khác. Những con đường này có tác dụng liên kết các vịnh, các mũi, các bãi ven đảo. Thật thú vị khi được đi trên con đường mòn luôn lách dưới những tán cây xanh, đây là đường dành cho người khoẻ mạnh ưa tìm tòi khám phá. Các loại đường, nói chung đều ngoằn ngoèo, uốn lượn theo địa hình, theo đặc điểm cảnh quan, có thể sát biển, có thể theo sát chân các đồi núi. Trang trí mặt đường có khi là những mảnh đá, mảnh gạch men, hoặc tạo hình bông hoa bằng sỏi. Có khi đường thuần bằng bê tông. Có đường lát đá phiến. Có đoạn đường lát trang trí các mảnh đá hoa cương, hoặc xếp các viên sỏi bằng quả trứng vịt liên

kết. Đường lên dốc đều có chú ý tạo cảm giác uốn lượn và có chiều nghỉ để cho leo dốc là một hứng thú. Đôi chỗ sẽ dừng chân để nghe các truyền tích về các địa điểm này. Những câu hỏi vì sao có tên như thế, tác dụng gì, xưa sao... sẽ được giải đáp...

☉ **Đường biển:** Đường từ đất liền ra đảo cũng tận dụng tối đa khoảng cách. Đảo và đất liền không xa cũng không gần, đây là khoảng xa vừa phải, thích hợp. Cần có những tour nhanh, tour chậm. Tour chậm có thể kết hợp canô và phà kéo dù bay. Phần thiên nhiên quan trọng là các vách đá sau Hòn Lao và xung quanh các đảo khác. Tổ chức đường du lịch bằng ghe, tàu quanh đảo rất thú vị. Giữa mênh mông trời nước, nếu nhìn ra khơi xa thấy mặt mù, nếu nhìn lên lại thấy vách đá sừng sững nhưng biết bao cơ man là những bức tranh thiên nhiên đã vẽ sẵn đủ các gam màu. Đây là đá, là cây với đủ dáng tạo hình. Cần có những thuyết minh giải thích trên tinh thần gợi mở kết hợp mặt biển đang tạo hình bởi các con sóng đang vây lượn xung quanh.

☉ **Bến đậu:** Tất cả các điểm tập kết đều có một bến đậu chính và vài bến đậu phụ. Cần tô điểm kiến trúc những nơi này thành một dấu ấn ghi nhớ khó phai cho du khách. Tốt nhất là dựa vào các truyền thuyết để miêu tả khắc hoạ và để thể hiện theo trí tưởng tượng, dẫn dắt du khách chuẩn bị bước vào một thế giới mới.

☉ **Nơi đón tiếp:** Tận dụng nhà cảng cá làm hội trường đón tiếp, đồng thời làm trung tâm cung cấp những thông tin chính thống về Cù Lao Chàm. Có nhiều loại bản đồ về vùng quần đảo, các độ cao của núi, các độ sâu của biển quanh đảo. Bản đồ phản ánh hệ sinh

thái, thăm thực vật trên rừng, độ quần tụ thực vật, động vật dưới nước... Tại đây, dù khách đến từ hướng nào cũng sẽ được phát không những tập cataloges giới thiệu về Cù Lao Chàm.

Sân: Được tráng xi măng bằng nhiều hình thức, bằng nhiều loại màu, thể hiện rất linh hoạt. Có khi lát đá viên hình rẽ quạt. Có khi lát đá phiến lớn đủ sức chịu tải ô tô lớn chở khách đậu. Có khi là bê tông dày để chịu lực nén đối với mọi phương tiện. Mặt sân đều tạo thể lưng voi cho dễ thoát nước, chống đọng nước. Nơi ít chịu tải cần dùng gạch xi măng đục thủng cánh hoa, lát cách quãng vừa phải, để trồng cỏ lông voi, vừa chống bụi vừa tạo thảm cỏ xanh chống nắng chói chang.

Về hàng rào: Có loại hàng rào phân cách đường đi và khu trang trí, tạo dáng cỏ cây phía trong. Có loại hàng rào cao che khuất những nơi không cần cho khách thấy để tập trung cho các điểm phía trong. Có loại đúc bằng bê tông các thanh lam tạo hình liên kết rồi lắp dựng nhưng thấp chỉ có giá trị phân dải.

Trồng hoa: Có nhiều cách trồng hoa. Dễ thấy nhất là trồng ở nơi khác khi đã có nhiều hoa rồi chở đến trút chậu bón thêm phân cho cây tiếp xúc với đất vừa tạo hình, vừa xếp đặt theo độ cao thấp khác nhau. Ở nơi bậc cấp

xi măng dùng chậu hoa xếp khít lại tạo khối. Những nơi chưa kịp vụ ra hoa có thể tạm dùng hoa ni lông, hoa nhựa cắm vào xen lẫn cây thật, đứng cách vài mét khó nhận ra tưởng như có cả đám hoa rực rỡ thật sự.

Các loại cây: Cây cảnh phải rất phong phú chủng loại. Việc trồng cây cao thấp, cỡ quý đều có dụng ý giới thiệu bộ sưu tập về sinh vật, về các loại cây thuốc ở chính trên đảo và cũng có thể đem từ nơi khác đến nhưng phải trình bày có tính đối chứng, tăng giá trị. Loại cây họ cỏ thường trồng theo dọc lối đi, cũng có khi được trồng cả đám.



Tạo hồ suối: Đáy hồ, suối lát bằng gạch men sau đó xếp sỏi và một ít bùn để cho tạo thể tự nhiên. Bờ hồ, suối tuy xây bằng xi măng nhưng tạo dáng mô phỏng như tự nhiên. Có trồng ít cỏ cho phủ lan loa xuống nước. Có máy tạo khói hơi nước kết hợp điện đổi màu để tang phần huyền ảo như ở xứ Tiên giới. Cá ở đây chủ yếu là loại lý ngư

đủ màu sắc, luôn bơi lội tung tăng, hết sức sinh động.

Điện chiếu sáng: Đây là loại hình được sử dụng phong phú đa dạng và phải thấy là khá tốn kém tiền bạc. Có loại pha rộng chiếu hắt lên cây, có loại tia nhỏ tập trung tôn tạo một chi tiết tạo hình hoặc kiến trúc. Có loại chùm chiếu tạo khối. Có loại điện tử tự động. Màu sắc được sử dụng phối hợp khéo léo, hài hoà. Tuy nhiên cần tránh hiện tượng quá lạm dụng làm cho rối mắt tạo cảm giác đối chọi nhau.

Thùng rác: Được tạo hình khá thú vị dễ gây cảm hứng cho du khách bỏ rác. Đôi khi được tạo hình kiểu chuông chó có mái che đặt sát đất. Có loại là những con giống, có khi lại là hình thù các vật dụng gần gũi như chiếc ô tô tải nhỏ xinh, chiếc bàn ủi... nhưng có bánh xe nhỏ dưới đáy để khi lấy rác có thể di chuyển được.

Trạm điện thoại dùng liên lạc với trung tâm điều hành trong cấp cứu, thông tin cần cấp...: Tùy nơi để bố trí cho phù hợp. ở các công viên nhỏ hoặc khu công cộng cần được thể hiện linh hoạt, độc đáo. Có khi là hình thiếu nữ đội nón, có lúc lại là một gốc cây có mái che. Có khi là hình một cây nấm. Có khi giống như một trạm gác. Có khi là hình con chim Yến đang xoè cánh, hoặc một con trâu đang ngồi nhe răng cười thân thiện...

Bảng chỉ đường: Tạo dáng có mái che viết tên khu vực và có mũi tên chỉ hướng. Nên dùng loại ghép bằng các thanh gỗ liên kết với nhau bằng sợi dây xích. Trên thanh gỗ viết tên khu vực và mũi tên chỉ. Có thể dùng màu sắc để biểu thị khu vực thuộc tính Âm - Dương (*tĩnh, động*).

Ghế ngồi nghỉ chân cho khách:

Có các loại ghế băng, đúc bằng bê tông chân thấp đắp hoa dây, sơn trắng. Có loại ghế lưng tựa nối nhau dài liên tục theo lối đi hàng chục mét, phía trên lợp tôn, trên tôn phủ dây leo theo hình thức tạo trường lang. Ngoài tác dụng nghỉ chân những nơi còn có tác dụng che nắng và là nơi trú mưa. Cá biệt xung quanh gốc cây, để tận dụng diện tích có thể đặt các ghế tựa nối nhau hình ngôi sao khép kín vừa có bóng mát vừa là hình thức trang trí. Dọc các con đường bậc cấp leo núi có thể tạo nơi ngồi nghỉ bằng các hòn đá lớn xếp liên tục hoặc từng cụm lô nhô.

Hệ thống toa - lét: Được bố trí khoa học theo khu vực và dọc lối đi, ước đủ dùng cho khoảng 20 người cùng lúc, cả tiểu - tiêu, cả nam - nữ. Hầu hết sử dụng các thiết bị hiện đại sạch sẽ, có người trông coi dọn dẹp thường xuyên. Đôi chỗ còn có loa phát nhạc không lời êm ả.

Hệ thống bán hàng lưu niệm và giải khát: Hàng lưu niệm phong phú, đẹp, lạ mắt là yêu cầu đầu tiên. Việc bố trí chỉ lác đác như hệ thống toa- lét, đủ dùng, không xô bồ, không biến thành chợ. Dành phần ghế ngồi nghỉ cơ động nhiều cho du khách. Sao cho có nghỉ có mua và thư giãn.

Các công trình tô điểm: Dọc đường đi từng khu vực để tránh đơn điệu còn bố trí những tượng người, thú, chim rất ngộ nghĩnh. Ở ngay cổng vào thiết kế thể hiện các tượng người đẹp, thú đẹp ở nhiều tư thế, có điều rất công phu để gây cảm giác thú vị cho khách ngay từ ban đầu. Phải khẳng định rằng những loại tượng này có tác dụng gây hưng phấn bổ sung. Có khi chỉ là một đầu người với khuôn mặt tươi tỉnh

giống như đang chìm dưới đất thò đầu lên vui vẻ với du khách...

✿ **Các công trình tín ngưỡng:**

Được coi là không thể thiếu trong bất cứ công viên nào. Ở công viên lớn hay nhỏ thì hai bên đường đi có những miếu thờ, hương khói nghi ngút. Ở các Bãi sát biển bố trí các cụm tín ngưỡng. Phải coi nơi này là tụ điểm dừng chân của du khách. Có thể là khu thờ Phật Bà Quan âm Bồ Tát, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Cậu Quý, Cậu Xuân, Cậu Tài, Cậu Đức, Bà Mộc, Bà Mụ,... là những nhân vật có trong truyền thuyết ở đảo. Tại những nơi này du khách sẽ được thuyết minh viên giới thiệu các truyền thuyết liên quan để gợi trí tò mò của họ và tăng tính hấp dẫn thu hút tìm tòi.

Trên đây là một số ý tưởng bước đầu có tính gợi mở với mong muốn hướng cho khách với mỗi bước đi đều thấy có những tác động của nhà tổ chức khi đến Cù Lao Chàm. Mỗi bước đi là mỗi bước thương yêu, mỗi gắn bó thêm gần gũi để động mãi ưu tư mong nhiều dịp trở lại. Điều quan trọng là các nhà quản lý triển khai hoạt động du lịch dịch vụ có linh hoạt sáng tạo hay không. Tài năng của họ được đánh giá trên phương diện **biết làm gì và làm như thế nào**. Họ có biết liên kết tạo nên một **hệ thống liên hoàn** trên nền móng **liên hợp du lịch** ở

toàn bộ đảo. Những gì thu, những gì không thu để vì những cái chung, mỗi khu cần dành bao nhiêu diện tích để phục vụ miễn phí cho khách đến... nên có những thống nhất đồng bộ với nhau. Cần chống tư tưởng mạnh ai người ấy khai thác, tự cô lập, tự bó hẹp khép kín trong phạm vi của mình dẫn đến phân cách như tự lập các quốc gia riêng, xé vụn đảo thành nhiều mảnh. Có như vậy mới đủ tình cảm, năng lực và nhiệt tình để vì một trách nhiệm chung với đảo, để thu hút, tiếp cận những đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà văn hoá nhằm biến Cù Lao Chàm thành **thiên đường du lịch** trong tương lai rất gần tới.

Vì hạn hẹp bởi nhiều vấn đề, chỉ xin nêu vài thiên ý có thể đúng, có thể sai, có thể chưa đủ điều kiện vươn tới, hoặc chỉ để tham khảo nhưng mong sao được ghi nhận là những biểu hiện tình cảm với tương lai của đảo và phải vì một cuộc dân thân mạnh dạn, kiên quyết thiết lập môi trường du lịch sinh thái ngay từ bây giờ, để trong thời gian không xa, được cung cấp điện, nước

dưới nhiều giải pháp... Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm đã và đang trong tư thế chuẩn bị và phải nhằm hướng tiến những bước dài, phát triển bền vững.



Nhà lao Hội An

trước cách mạng tháng

Tháng 8 năm 1945

Quảng Văn Quý

Năm 1858, thực dân Pháp đã nổ phát súng đầu tiên tấn công vào Cửa Hàn - Đà Nẵng và đến năm 1885, chúng đã thực sự đặt bộ máy cai trị, độ hộ lên toàn cõi Việt Nam. Thực dân Pháp đã cấu kết với phong kiến Nam triều khai thác, bóc lột các tầng lớp nhân dân về kinh tế, nô dịch về văn hóa, chuyên chế về chính trị, cai trị theo lối bắt bớ, tù đầy làm cho đời sống nhân dân ta lâm vào cảnh lầm than cơ cực. Để đảm bảo cho việc khai thác, cai trị thâm độc của mình, thực dân Pháp đã xây dựng hệ thống nhà tù từ Bắc chí Nam làm công cụ đàn áp, tiêu diệt các phong trào đấu tranh yêu nước của dân tộc ta. Ngay từ đầu thế kỷ XX, ở Quảng Nam, một số nhà tù đã được chúng xây dựng như: Nhà lao tỉnh Quảng Nam, nhà Lào Tourane... để đàn áp những người con yêu nước của Quảng Nam tham gia các phong trào chống Pháp.

Ở Hội An (*Lúc bấy giờ Pháp gọi là thành phố Faifo*) cũng vậy, ngoài việc xây dựng những công trình hành chính, quân sự như: Tòa Công sứ, đồn giảm binh, đồn lính Khố Xanh, tăng cường các điểm canh... thực dân Pháp còn cho xây ở đây một nhà lao lớn và thường được mọi người nhắc đến với tên gọi là Nhà lao Hội An (*Văn bản của mật thám Pháp ghi là nhà lao Faifo*). Nhà

lao Hội An lúc bấy giờ được thực dân Pháp xây dựng trên khu đất rộng thuộc ấp Trường Lệ, nằm ở phía đông bắc

nội ô Hội An cách Tòa Công sứ 500m về phía đông nam, cách đồn lính Khố Xanh chừng 100m, nay thuộc khu vực khoa Lao - Trung tâm y tế Hội An. Nhà lao này thuộc quyền quản lý trực tiếp của các quan chức người Pháp thuộc Công sứ Hội An được dựng lên nhằm giam cầm những người tham gia các phong trào đấu tranh yêu nước cả trong và ngoài tỉnh Quảng Nam. Trong đó, một số ít là dùng để giam thường phạm.

Nhà lao Hội An cũng là một trong những nhà lao có qui mô lớn lúc bấy giờ với khuôn viên rộng khoảng 2ha. Toàn bộ nhà lao được bao bọc bởi một hệ thống tường rào khép kín cao hơn 3m, được xây bằng gạch, xi măng, có trụ sắt kiên cố. Đến năm 1942 chúng cho xây cao thêm tường rào lên 1m nữa và bên trên đầu tường chúng cắm rất nhiều mảnh thủy tinh vỡ. Ở bốn góc tường rào có xây dựng 4 vọng gác cao hơn tường để dễ bề quan sát những động tĩnh của khu vực bên trong và ngoài nhà lao. Với cấu trúc như vậy, nên mặc dù nằm ở khu vực vực nội ô Hội An nhưng nhà lao Hội An lại biệt lập, không quan hệ được với bên ngoài.

Cấu trúc bên trong nhà lao Hội An ban đầu có các dãy nhà giam gần nhau được gọi là các bót 1, 2, 3 và 4. Đến năm 1930, địch dùng bót 1 để giam cầm cố tù chính trị và trong bót này có một dãy cùm chân. Bót giam nữ tù chính trị gắn liền với dãy xà lim cấm cố. Các bót giam tù nhân được xây dựng rất kiên cố bằng bê tông cốt sắt. Hệ thống tường dày, kín, ít lỗ thông

hơi nên thiếu không khí, ánh sáng và rất oi bức nhất là vào mùa hè. Trong mỗi bót chúng bố trí một chiếc thùng để tù nhân tiểu tiện, mỗi ngày chỉ đổ thùng một lần. Ngoài các hạng mục bót giam chính, nhà lao còn có các hạng mục công trình khác như: Bếp tù, giếng nước... và các công trình này cũng được thay đổi qua các năm theo ý đồ giam giữ của địch.

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có đủ tư liệu để xác định rõ niên đại xây dựng, thành lập của nhà lao Hội An. Tuy nhiên, theo những tư liệu hiện có đã ghi nhận rằng từ năm 1908 đã có những tù nhân bị giam giữ tại nhà lao Hội An, vì vậy có thể tạm xác định rằng nhà lao Hội An đã được thực dân Pháp xây dựng muộn nhất vào năm 1908.

Ở nhà lao Hội An, bên cạnh hệ thống các phòng giam kiên cố, địch còn xây dựng ở đây hệ thống lính đề lao khét tiếng tàn ác để đàn áp các phong trào đấu tranh trong lao. Công sứ Pháp giao việc cai quản nhà lao Hội An Đứng đầu bộ máy cai trị tù là các tên giám binh - sĩ quan Pháp chỉ huy đồn lính Khố Xanh ở Hội An. Trực tiếp cai quản nhà lao hằng ngày là

những quản lao tay sai người Việt. Bọn này cai quản tù chính trị theo lối nhà binh, rất tùy tiện trong việc thi hành sách với tù chính trị. Chế độ ăn uống của tù nhân thường xuyên bị cắt xén. Cơm tù thì thường gạo bị mốc, sâu, mọt, trấu, sạn. Thức ăn thường là xác mẫm thối, gốc rau già. Tù nhân phải thường xuyên sống trong chịu đói, chịu khát. Người tù phải sống chen chúc

trong diệt tích nhỏ hẹp, thiếu ánh sáng, không khí lại bị ô nhiễm bởi các mùi xú uế luôn bị bệnh dịch hành hoành dẫn đến thân xác tiêu tụy, tính mạng giam luôn bị đe dọa. Trong nhà lao, tù nhân luôn bị đánh đập, chửi

bới và bị bắt đi làm khổ sai

nặng nhọc. Ngoài ra địch còn tra tấn đánh đập dã man

các tù nhân bằng nhiều loại nhục hình, nhất là với những tù chính trị mà chúng cho là cứng đầu nguy hiểm. Nhà lao Hội An lúc bấy giờ còn đầu mối quan trọng để địch chuyển tù nhân ở Hội An, Quảng Nam đây đi các nhà tù lớn ở các địa phương khác ngược lại, nhiều tù nhân ở các địa phương khác cũng đã



Các thành viên trong ban vận động đấu tranh ở nhà lao Hội An 1930

bị địch đưa về giam cầm, cầm cố ở nhà lao Hội An. Từ khi được xây dựng cho đến năm 1945, tại nhà lao Hội An, thực dân Pháp và phong kiến Nam triều đã bắt bớ và giam giữ hàng ngàn người yêu nước đã tham gia các phong trào đấu tranh kháng Pháp ở Quảng Nam và các tỉnh khác ở Trung Kỳ như: Quảng Trị, Nghệ An và Quảng Ngãi.

Qua các phong trào đấu tranh yêu và kháng Pháp như: Phong trào chống sưu thuế ở Quảng Nam tháng 3 năm 1908 của nông dân Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa năm 1916 tại Huế do Thái Phiên và Trần Cao Vân chủ trương, đã có hàng trăm người con Quảng Nam bị thực dân pháp bắt giam tại nhà lao này. Các nhà chí sĩ yêu nước của Quảng Nam như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng cũng bị địch giam giữ tại đây từ năm 1908. Trong đó có người con ưu tú của Hội An - Châu Thượng Văn. Ông đã bị địch bắt giam nhà lao Hội An sau khi tham gia phong trào chống sưu thuế 1908. Khi bị giam giữ, ông không khai báo và đã tuyệt thực ở nhà lao Hội An hơn 20 ngày. Sau đó, ông bị đày đi ở nhà tù Lao Bảo nhưng do kiệt sức ông mất ở nhà lao Thừa Phủ Huế.

Từ tháng 5/1930, nhiều nhà hoạt động cách mạng ở Quảng Nam như: Phan Văn Định, Trần Thị Dư, Huỳnh Lắm, Hà Mùi, Nguyễn Vỹ... cũng bị địch bắt giam cầm tại nhà lao Hội An. Từ năm 1930 - 1945, tại nhà lao Hội An dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng Cộng sản trong nhà lao, tù chính trị tại đây đã tổ chức nhiều hoạt động đấu tranh đưa ra yêu sách đòi tăng khẩu phần ăn, chống đánh đập tù chính trị thành công. Qua các hoạt động đấu

tranh này, uy tín và vị thế của Đảng được nâng cao qua đó thu phục, thu hút đông đảo quần chúng hướng theo các mục tiêu đấu tranh do Đảng đề ra. Chính vì vậy, từ khi có Đảng lãnh đạo các cuộc đấu tranh tại nhà lao Hội An luôn hướng theo những cao trào đấu tranh của Đảng ở bên ngoài.

Đến tháng 5/1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, số tù nhân chính trị tại nhà lao Hội An đã tổ chức đấu tranh và được trao trả tự do. Nhiều cán bộ đảng viên của ta sau khi ra tù trở thành những cán bộ cốt cán tham gia và lãnh đạo các phong trào đấu tranh cách mạng của quê hương mình để tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại của dân tộc.

Có thể nói rằng, nhà lao Hội An (*trước Cách mạng tháng Tám*) không chỉ là di tích ghi dấu tội ác của thực dân, phong kiến mà đó còn là bằng chứng sinh động cho ý chí quật cường, tinh thần đấu tranh bền bỉ của quân và dân ta, đồng thời nhà lao này còn là nơi tưởng niệm hàng trăm chiến sỹ, đồng bào ta đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, đến năm 1947, công trình nhà lao đã bị phá hủy hoàn toàn do tiêu thổ kháng chiến. Hiện nay, nhà lao Hội An không còn dấu vết kiến trúc, thế nhưng việc khảo sát lại vị trí để xây dựng bia lưu niệm cho di tích cũng là điều hết sức cần thiết phải thực hiện nhằm giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng của cha ông không chỉ cho thế hệ trẻ hôm nay mà còn cả mai sau.

Di tích Mộ táng ở Hội An



Tổng Quốc Hưng

☸ Về chất liệu xây dựng và kiểu dáng:

Những ngôi mộ xưa (thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19) hầu hết được xây bằng vôi hợp chất (dân gian thường gọi là vôi ghè), có mộ xây bằng gạch, đá ong... Các ngôi mộ kiến trúc Pháp thì được xây bằng xi măng, gạch vồ...

Đa số nắm mộ được làm theo kiểu hình yên ngựa, một số nắm có dạng hình tròn, hình bầu dục. Những nắm mộ có hình dáng đặc biệt, mang tính sáng tạo nghệ thuật cao như mộ ông Trần Quý Công ở Hậu Xá, nắm được làm theo dạng hình hoa sen úp; mộ ông Nguyễn Quý Công ở Trường Lệ, nắm được làm theo dạng cổ quan tài; mộ vợ chồng ông Nguyễn Phạm Luân ở Thanh Hà được lắp dựng hoàn toàn bằng đá cẩm thạch trắng; hay mộ vô danh ở Trảng Sỏi, nắm mộ được làm theo dạng hình mai rùa...

Mộ cổ là một trong những loại hình di tích tiêu biểu của Hội An. Từ văn bia, hình dáng, cấu trúc của những ngôi mộ đã nói lên được nhiều vấn đề về lịch sử - văn hóa của cộng đồng cư dân Hội An nói chung và những vấn đề liên quan đến quá trình di cư, nhập cư, cộng cư sinh sống tại thương cảng Hội An trong nhiều thế kỷ trước của những ngoại kiều như: Trung Hoa, Pháp, Nhật Bản...

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi xin giới thiệu một số đặc điểm chủ yếu của loại hình di tích mộ cổ ở Hội An như sau:

Quynh mộ cũng được làm theo kiểu hình yên ngựa gồm 1, 2 hoặc 3 lớp bên ngoài bao ôm lấy nắm mộ, phần quynh phía chân mộ tạo hình vòng tay ngai trang trí hình đầu thú hoặc xoáy hình tròn ốc. Một số ngôi mộ có quynh ngăn xây theo kiểu cuốn thư trên đầu mộ như mộ bà Thứ phi vua Quang Trung ở Cẩm Thanh, mộ vô danh ở Hậu Xá. Ngoài cùng của những ngôi mộ quy mô lớn thường có thành quách cao bao bọc như mộ ông Phạm Chất Trục ở Hậu Xá, mộ bà Lê Quý Như ở Cẩm Thanh...

Nhiều ngôi mộ có bình phong uy nghi, trang trí đẹp mắt như mộ bà họ Lưu ở Thanh Hà, bình phong được làm theo đề tài “song lân hỷ tiền” (*bình phong được làm theo dạng đồng tiền cổ, hai bên có hai kỳ lân chầu*); Hay bình phong mộ bà Lê Quý Như ở Cẩm Thanh, bình phong mộ bà Cù Nhụ Nhân ở Hậu Xá đều trang trí hình nghệ, long mã phụ hà đồ rất uy nghi lộng lẫy...

☸ **Về chủ nhân các ngôi mộ:** Chủ nhân của các ngôi mộ chủ yếu là những người Việt, người Hoa Minh Hương và Hoa Ngũ Bang. Đa số là mộ của thường dân, ngoài ra có một số ngôi mộ của các quan chức như: Đô đốc, Tuần phủ, Bố chánh xứ, một số quan chức thấp và các chức sắc của

làng như: bát phẩm, cử phẩm, hương trưởng, lão nhiều...

Đặc biệt, trong khu vực nghĩa địa Hậu Xá phường Thanh Hà có hai khu mộ kiến trúc Pháp (*gồm 14 ngôi*) của các tộc họ người Hoa Minh Hương ở phố Hội An được an táng vào nửa đầu thế kỷ thứ 20. Đây là khu mộ rất có giá trị về kiến trúc nghệ thuật. Mộ có niên đại sớm nhất là mộ ông Đinh Thanh Hương, được xây dựng vào năm Khải Định thứ 2 (1917). Mộ có niên đại muộn nhất là mộ của ông Trần Ôn Giản, xây dựng vào năm 1961. Nhìn chung, các ngôi mộ được xây dựng khá kiên cố bằng xi măng, bê tông, gạch... Một số ngôi mộ có quy mô kiến trúc to lớn hàng 100m², tiêu biểu như mộ vợ chồng ông Đinh Tựu Hiên, mộ vợ chồng ông Tăng Điền Dật, mộ bà Lê Huệ Mẫn,... Những ngôi mộ này có cấu trúc rất đồ sộ, trong gồm nắm mộ xây bằng gạch, xi măng kiên cố; ngoài có trụ biểu, bình phong, thành quách bao bọc. Trên mộ đắp vẽ rất nhiều đồ án trang trí cầu mong trường tồn, con cháu đời sau phát đạt như: song lân hỷ tiền, tam đa, tứ bình, ngũ phúc bông thọ, long vân tụ hội... và nhiều đối liên bằng đá cẩm thạch.

☸ **Về văn bia:**

Bia của những ngôi mộ xưa chủ yếu được làm bằng sa thạch (*đá cát*), nội dung bia được khắc bằng chữ Hán theo lối chân phương. Đa số



bia có dạng hình chữ nhật, xung quanh trang trí các loại hoa văn truyền thống phổ biến như: Lưỡng long triều dương, mặt trời mây lửa, hoa dây, hồi văn, hoa sen, hoa cúc dây,... Một số ngôi mộ có bia hậu thổ để thờ thờ thần. Bia hậu thổ thường có kích thước nhỏ hơn so với bia mộ, trên bia khắc hai chữ Hán “Hậu Thổ” và đặt bên phải phía đầu mộ. Nhiều ngôi mộ có cả bi ký ghi chép thân thế, sự nghiệp hoặc đường hoạn lộ lúc sinh thời của người quá cố như mộ ông Đinh Thanh Hương, mộ ông Tăng Điền Dật ở Hậu Xá, mộ vợ chồng ông

Nguyễn Phạm Luân ở Thanh Hà, mộ Vĩnh Gia Hòa Thượng ở chùa Phúc Lâm... Đây chính là những sử liệu quan trọng để tìm hiểu về nhân thân, sự nghiệp của những nhân vật, gia đình và dòng họ tiêu biểu ở Hội An. Văn bia của những ngôi mộ kiến trúc Pháp tất cả đều được làm bằng cẩm thạch trắng, ít có hoa văn trang trí hoặc trang trí rất đơn giản và có kích thước khá lớn, số chữ khắc trên bia nhiều, mật độ dày đặc.

Theo văn bia hiện tồn trong mộ cho biết chủ nhân của những ngôi mộ này là những người có chức tước, phẩm hàm, học vị hồi đầu thế kỷ thứ 20 như: Tú tài, Cử nhân, bát phẩm, cử phẩm,... và một số người thuộc tầng lớp trí thức, gia đình vọng tộc như Tăng tộc, Đinh tộc,...

☸ **Về thuật phong thủy:** Các ngôi mộ hầu hết được an táng trên những gò đất cao ráo, bằng phẳng. Hướng đầu mộ gói vào gò đất, chân đạp ra vùng đất thấp, đồng ruộng trũng, kênh mương... theo phương thức phong thủy truyền thống “châm hậu án tiền”. Có thể nói đây là quan niệm chung của người dân Hội An trong việc chọn “long mạch” để an táng những người quá cố.

Nhìn chung, phần lớn các ngôi mộ xưa hầu như bị xuống cấp nghiêm trọng, hư hỏng nhiều bởi thời gian tồn

tại quá lâu hoặc không còn thân nhân, hoặc đã bị thất lạc thân nhân. Duy chỉ có một số ít khu mộ như khu mộ bà Thứ phi Quang Trung và các tướng lĩnh Tây Sơn, mộ tổ tộc Trần, khu mộ kiến trúc Pháp thì còn hậu duệ, dòng họ trông coi hương khói và sửa sang tu bổ.

Hiện nay, dưới tác động của mưa nắng, môi trường tự nhiên, nhiều ngôi mộ có giá trị đã xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều văn bia đã bị bào mòn làm mất nội dung và các chi tiết hoa văn trang trí. Vì vậy, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích đã tiến hành nhiều đợt khảo sát, in rập văn bia của các khu mộ, ngôi mộ để lập hồ sơ lưu trữ về mộ cổ và tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu làm sáng tỏ hơn giá trị lịch sử - văn hoá, phong cách kiến trúc của loại hình mộ táng ở Hội An.





NHỮNG VẤN ĐỀ PHẬT GIÁO Ở HỘI AN

Trần Văn An

🌀 Lịch sử phát triển:

Về bề dày lịch sử, hiện nay chúng ta đã xác định được vùng đất Hội An trải qua 3 thời kỳ: Tiên - Sơ sở, Champa - Đại Việt, tương ứng với ba lớp cư dân Tiên Sa Huỳnh - Sa Huỳnh, Chăm, Việt. Niên đại của các lớp văn hóa - cư dân với những cứ liệu khảo cổ học, đã có thể kéo dài đến 3.000 năm cách ngày nay.

Cư dân xuất hiện khá lâu đời, nhưng Phật giáo xuất hiện ở vùng này có phân muện hơn.

Trong các di tích, di chỉ thuộc hệ văn hóa Sa Huỳnh trên phạm vi cả nước cũng như tại Hội An, chưa phát hiện được những dấu vết chắc chắn chứng tỏ sự có mặt của đạo Phật. Đạo Phật khởi nguyên từ Ấn Độ vào nửa cuối thế kỷ VI trước Công nguyên và truyền bá sang các nước phương Đông vào những năm đầu Công nguyên. Trong không gian xứ Quảng nói chung và Hội An nói riêng, đây là giai đoạn

cuối kỳ của văn hóa Sa Huỳnh, vì vậy, nếu có thì sự truyền bá của đạo Phật chỉ có thể ở vào giai đoạn manh nha. Một số mẫu hiện vật hình lá đề bằng đồng trong di chỉ Hậu Xá I (*niên đại TK II TCN - TK II SCN*) ít nhiều nói lên khả năng về sự có mặt, dù còn mờ nhạt của đạo Phật trong thời kỳ này tại Hội An.

Thời kỳ Champa, hai tôn giáo được nhắc đến nhiều nhất là Ấn Độ giáo (*Bàla môn*) và Hồi giáo (*Ixlam*). Người Chăm ở vùng Thuận Quảng chủ yếu là theo Ấn Độ giáo, thờ 3 vị thần tối cao là Brahma, Indra và Visnu. Bên

cạnh đó còn có ảnh hưởng của Phật giáo. Tại Đồng Dương, Chiên Đàn, đã phát hiện những di tích, hiện vật chứng tỏ chắc chắn Phật giáo đã có mặt. Đó là những pho tượng Phật và Bồ tát tạc theo kiểu thức Ấn Độ, những bệ hoa sen, những bức phù điêu có chủ đề dựa theo sự tích Phật giáo.

Do trải qua các biến cố lịch sử, hiện nay, những di tích liên quan đến Phật giáo của người Chăm tại Hội An hầu như đã bị hủy hoại. Còn lại chỉ là những dấu vết nhỏ lẻ, cục bộ. Đó là những bộ tượng tạc hình hoa sen cách điệu, tượng vũ công cầm hoa sen ở An Bang, tượng Nam thần cầm tràng hạt ở Lăng Bà là những di vật chứng tỏ sự có mặt của Phật giáo ở Hội An trong giai đoạn này. Miếu Bà Cô thờ ngẫu tượng Linga nhưng phía sau bàn thờ lại được ghi bằng hai chữ Ni Cô. Đàng sau miếu có một ngôi mộ vô danh, với hàng chữ giữa bia: Nam vô (*mô*) a di đà phật, phải chăng đó là sự thể hiện đạo Phật đã gia nhập vào tín ngưỡng của người Chăm. Mặt khác, tại Hội An trong dân gian còn lưu truyền một số câu chuyện của người Chăm, qua đó chứng tỏ Phật giáo đã xuất hiện. “*Sự tích Chim bìm bịp*” lưu truyền ở Hội An là một dị bản từ câu chuyện cùng tên của người Chăm. Câu chuyện mang đậm sắc của Phật giáo đại thừa. Tại Hội An trước đây có một ngôi chùa mang tên “*Chiến đàn lâm*” trùng với tên tháp Chiên đàn của người Chăm.

Với số tư liệu ít ỏi như vậy, chúng ta chưa có thể đưa ra những kết luận chính xác về vấn đề Phật giáo của người Chăm tại Hội An. Tuy vậy, qua đó chúng ta thấy rằng, trong mối tương quan với các trung tâm Phật giáo ở Đồng Dương, Mỹ Sơn, kết hợp với tư liệu Folklore và thực địa, có thể xác định trong thời kỳ Champa tại Hội An, Phật giáo đã có mặt và phát triển.

Thời kỳ Đại Việt là thời kỳ thịnh đạt của đạo Phật ở Hội An. Thời kỳ này tại Hội An các chi phái Phật giáo đã du nhập bằng nhiều con đường và vào những thời điểm sớm muộn khác nhau.

Một trong những luồng du nhập của Phật giáo là những đoàn, nhóm người di dân từ Đàng Ngoài vào diễn ra liên tục từ thế kỷ XV trở về sau. Luồng thứ hai được đưa vào theo các thuyền buôn của thương nhân, nhất là từ Trung Hoa, Nhật Bản. Một luồng khác được đưa vào từ các nước Đông Nam Á với những con đường trên bộ hoặc hàng hải. Luồng của các di dân Đàng Ngoài đưa Phật giáo vào Đàng Trong, trong đó có Hội An rất đáng chú ý. Trước khi những chi phái Phật giáo từ Trung Hoa, Nhật Bản du nhập vào Hội An, Đàng Trong thì những di dân này đã mang Phật giáo Đại Thừa có gốc từ Đàng Ngoài vào gieo trồng tại vùng đất mới. Quá trình này diễn ra một cách tự phát, tự nhiên. Lúc mới vào, do điều kiện sinh sống, họ lập nên những chiếc chùa tranh sơ sài để có nơi thờ cúng, tín ngưỡng và có lẽ đó cũng là bản gốc đầu tiên của những ngôi chùa Phật tại Hội An. Do tình hình như vậy, nên cho đến nay, những dấu vết của nó đã không còn, có chăng chỉ còn lại bóng dáng trong những ngôi chùa làng, chùa xóm, chùa âm linh tại một số địa phương hiện nay. Và có lẽ cũng do hiện tượng này, nên ngày nay cư dân Hội An thường dùng từ chùa để chỉ một số cơ sở thờ cúng công cộng, dù cơ sở đó không thờ Phật. . Khi chúa Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong cùng với việc xây dựng cơ sở cát cứ, đồng thời cũng chú ý đến việc phát triển Phật giáo. Tư liệu còn lại cho biết rằng lúc Nguyễn Hoàng xây dựng Dinh Trấn Thanh Chiêm đồng thời cũng cho xây dựng một ngôi chùa tên là Long Hưng tự. Như vậy, chúng ta thấy rằng tại Hội An (*trên phạm vi rộng*) vào thời

Chúa Tiên, Phật giáo đã phát triển. Các chúa Nguyễn tiếp theo sau hoặc là những tín đồ Phật giáo hoặc là những người chú ý đến việc phát triển đạo Phật. Điều này nói lên rằng, vào thời bấy giờ Phật giáo ở Đàng Trong đã phát triển khá sâu rộng và trở thành một thể lực tinh thần mà nhà nước phong kiến cần phải tranh thủ để củng cố chính quyền. Việc phát triển Phật giáo ở đây có những nét giống thời Lý - Trần thể hiện ở chỗ có sự kết hợp chặt chẽ giữa vương quyền và thần quyền. - Những ngôi chùa ở Hội An được thư tịch nhắc đến sớm nhất là chùa Chúc Thánh và Vạn Đức, ngoài ra còn phải kể đến chùa Di Đà và Tùng Bồn. Hai chùa này hiện nay đã bị hủy hoại. Chùa Tùng Bồn ra đời cùng với sự định cư của người Nhật tại Hội An, niên đại ra đời của nó ít ra là đầu thế kỷ XVII. Chùa Di Đà được Thích Đại Sán nhắc đến vào năm 1695 và Đại Nam Nhất thống chí đã ghi: *“Chùa Di Đà ở xã Đông An, huyện Duy Xuyên, do triều trước sắc cho xây dựng, trải qua hoạn lạc bỏ hư, biểu ngạch và câu đối thiếp vàng thì nhân dân địa phương vẫn cất giữ. Năm Minh Mạng tám dân đem việc tâu bày, bèn thưởng cho 100 quan tiền và cùng thu lại biển ngạch và câu đối”*.

Về quy mô chùa Vạn Đức, Đại Nam Nhất thống chí ghi: *“Chùa Trường Lệ ở huyện Diên Phước, tục gọi chùa Long Thụ (Cây Cau), quy chế tráng lệ tăng độ rất đông. | Chùa Chúc Thánh được xem là chùa tổ của hệ phái Chúc Thánh xứ Đàng Trong. Về niên đại xây dựng chùa chúng tôi xác định vào khoảng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Lý do xác định:*

1. Căn cứ vào thư tịch và tiểu sử của Thiên sư Nguyễn Thiều tổ 33 tông phái Lâm Tế. Theo các nhà nghiên cứu | Phật giáo Việt Nam, Nguyễn Thiều (1648 - 1728), ở Việt Nam 51 năm và tịch vào năm 1728. Nguyễn Thiều qua đầu tiên ở chùa Thập tháp Di Đà ở Quy Ninh, sau ra Thuận Hóa dựng chùa Hà Trung, Quốc Ân, tháp Phổ động. Hiện bị ký liên quan vẫn còn. Ông là tổ 33 chi Lâm Tế, được chúa Nguyễn biệt đãi. Sau khi lập chùa Quốc Ân, ông đã trở về Trung Quốc mời 10 vị cao tăng (thập sư) sang khai đại giới đàn, trong đó có nhà sư Minh Hải, đời thứ 34, phái Lâm Tế. Minh Hải tức tổ của hệ phái Chúa Thánh Hội An sau này. Các sự kiện này diễn ra vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII.

2. Căn cứ vào bia mộ của Hòa Thượng Minh Hải tại chùa Chúc Thánh với hình thức trang trí hoa dây mạng phong cách thế kỷ XVIII.

Chùa Vạn Đức do Minh Lượng hòa thượng (một trong thập sư được Nguyễn Thiều mời khai đại giới đàn) khai sơn, cùng thời với chùa Chúc Thánh, tức khoảng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII.

Chùa Phước Lâm ra đời muộn hơn chùa Chúc Thánh khoảng 30 năm. Tổ khai sơn là Thiệt Dinh, Ân Triêm, đời thứ 35 sau Minh Hải, Minh Lượng một đời.

Các chùa còn lại ra đời muộn hơn, khoảng giữa thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (xem phụ lục).

Tóm lại, thời kỳ Đại Việt, Phật giáo đã phát triển ở Hội An. Thời kỳ đầu, thế kỷ XV, XVI, các chùa có quy mô nhỏ, gần với xóm làng, với từng khu vực cư dân. Việc lưu bia ký, lịch sử không được chú ý vì vậy hầu hết các

điểm thờ Phật đó đến nay đã mất dấu vết. Giai đoạn còn lại nhiều tư liệu nhất là vào cuối thế kỷ XVI trở về sau. Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Đại thừa. Nhiều ngôi chùa có quy mô lớn ra đời, nhiều vị sư trong đó có các nhà sư Trung Quốc, Nhật Bản đã theo các thương thuyền đến Hội An. Đạo Phật phát triển, tín đồ gia tăng trong đó xuất hiện những tín đồ nước ngoài, nhiều nhất là Trung Hoa và Nhật Bản. Tại tám bia Phố Đà Sơn Linh Trung Phật ghi rất nhiều tên những tín đồ Phật giáo là người Nhật Bản và Trung Hoa.

❖ Các tông phái Phật giáo ở Hội An

Phật giáo tại Hội An chủ yếu thuộc về Đại thừa. Tông phái phát triển mạnh nhất là Tịnh Độ tông. Phép tu tịnh độ do hệ phái Lâm Tế từ Trung Quốc truyền sang mà Minh Hải và Minh Lương là những người truyền bá sâu rộng hơn hết. Ngoài Tịnh Độ tông tại Hội An còn có phép tu Mật Tông, Thiền Tông, Khất sĩ và Phật giáo tiêu thừa (xem phụ lục).

Điều chú ý là tại Hội An đã khởi nguyên hệ phái Chúc Thánh thuộc tông Tịnh Độ. Hệ phái này do Minh Hải hòa thượng và Minh Lương hòa thượng khai sơn và sau này được các đệ tử truyền bá sâu rộng. Từ Hội An, hệ phái Chúc Thánh phát triển khắp nơi ở Đà Nẵng và ở một số nước Đông Dương. Sau này còn mở rộng sang một số nước ở Châu Âu. Ở Duy Xuyên, Tam Kỳ, Quy Nhơn, các tỉnh Nam Bộ, Campuchia đều có các chùa thuộc hệ phái Chúc Thánh Hội An. Ở miền Nam có gần 100 chùa, ở Campuchia có 5 chùa. Các địa phương nói trên xem chùa Chúc Thánh ở Hội An là chùa Tổ.

Phật giáo Tiểu Thừa và Trung Thừa Khất Sĩ gia nhập vào Hội An muộn chủ yếu là giữa thế kỷ XX. Trong 30 ngôi chùa chúng tôi thống kê được thì có 24 ngôi thuộc Đại Thừa, 04 ngôi thuộc Khất Sĩ và 01 ngôi Tiểu Thừa, 01 ngôi thuộc phái Minh Sư.

❖ Một số đặc điểm của Phật giáo Hội An

- Phật giáo ở Hội An là Phật giáo nhập thế, có ý thức muốn gắn đạo pháp với sự thịnh suy của đất nước, không quá cách biệt với nhân dân, với những biến cố của thời cuộc. Điều này được thể hiện qua bài kệ truyền thừa của Minh Hải, sự tích sự Minh Giác, Phước Huệ, trong kệ văn ở chuông chùa Chúc Thánh (... *Chúc Thánh thọ thiên cứu, kỳ quốc tộ địa trường*).

- Tín ngưỡng về Quan Thế Âm đặc biệt phát triển, nhất là vào các thế kỷ sau này. Quan Âm ở đây được thể hiện dưới nhiều dạng phổ biến hơn cả là Quan Âm Nam Hải. Điều này gắn với tín ngưỡng sông nước, với việc đi lại | buôn bán bằng ghe thuyền.

- Hội An là nơi khai sinh môn phái Chúc Thánh, môn phái có ảnh hưởng lớn ở các tỉnh phía Nam, là một trong những tụ điểm của Phật giáo Đại Thừa (với các đặc điểm ra đời sớm + khởi nguyên một môn phái + tín đồ đông + truyền bá sâu rộng).

- Ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tín ngưỡng - tinh thần của cư dân. Từ lúc sinh cho đến lúc mất, trực tiếp | hoặc gián tiếp, đa phần cư dân Hội An đều chịu ảnh hưởng của Phật giáo, mỗi xóm ấp đều có chùa làng, lối tu tại gia phát triển... ●

MỘT SỐ NGÔI CHÙA Ở HỘI AN

TT	Tên Chùa	Địa phương	Niên đại	Ghi chú
1	Long Tuyền tự	Thanh Hà	1990	Phổ Thoại khai sơn, Đại thừa, chi Lâm tế
2	Chùa Minh Giác (Chùa Cẩm Hà cũ)	Thanh Hà	Thế kỷ XX	Đại thừa-chi Lâm tế
3	Chùa Vạn Đức	Cẩm Hà	Cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII	Minh Lượng khai sơn, Đại thừa, chi Lâm tế
4	Phước Lâm Tự	Cẩm Hà	Thế kỷ XVIII	Ấn Triêm khai sơn, chi Lâm tế, Đại thừa
5	Chúc thánh tự	Tân An	Cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII	Minh hải khai sơn, chi Lâm tế, Đại thừa
6	Thiên Đức tự	Tân An	Thế kỷ XVIII(1733)	Thực lương khai sơn, chi Lâm tế, Đại thừa
7	Tịnh xá Ngọc Cẩm	Cẩm Phô	Thế kỷ XX	Khất sĩ
8	Viên Giác tự	Cẩm Phô	1841	Còn gọi là chùa khách, chi Lâm tế, Đại thừa
9	Chùa An Lạc	Cẩm Phô	Thế kỷ XX	Đại thừa
10	Chùa Pháp Bảo(chùa Tỉnh Hội)	Minh An	Thế kỷ XX	Trụ sở Tỉnh Hội Phật giáo, Đại thừa
11	Quảng An tự	Minh An	Thế kỷ XVII	Đã bị hủy
12	Quan Âm Phật tự	Minh An	Thế kỷ XVII	Nay là Minh Hương Phật tự
13	Chùa Long Thọ	Minh An	Thế kỷ XX	Đại thừa
14	Bảo Thắng tự	Sơn Phong	Thế kỷ XX	Ni bộ, Đại thừa
15	Nam Quang tự	Cẩm Châu	Thế kỷ XX	Tiểu thừa
16	Tịnh xá Ngọc Châu	Cẩm Châu	Thế kỷ XX	Khất sĩ
17	Chùa áp Trường Lệ	Cẩm Châu		Đã bị phá hủy
18	Chùa Phật Thanh Tây	Cẩm Châu		Đã bị phá hủy
19	Nam Tôn đường	Cẩm Châu	1926	Phái Minh Sư
20	Chùa Cẩm Giác	Cẩm Nam		Chùa Làng, Đại thừa
21	Chùa Kim Bửu	Cẩm Kim		Đại thừa – Bửu Kim tự
22	Chùa Phật Thanh Đông	Cẩm Thanh		Đã bị hủy
23	Long An tự	Cửa Đại		Chùa Làng, Đại thừa
24	Hải Tạng tự	Tân Hiệp	Thế kỷ XVII(1758)	Minh Giác, Luật Oai khai sơn, chi Lâm tế, Đại thừa
25	Tịnh xá Ngọc Hương	Tân Hiệp	Thế kỷ XX	Khất sĩ
26	Tịnh xá Ngọc Truyền	Tân Hiệp	Thế kỷ XX	Khất sĩ
27	Kim Liên tự			Đã bị hủy, chi Lâm tế
28	Thanh Long – Bảo Khánh tự		Thế kỷ XVII	Đã bị hủy
29	Chiên Đàn Lâm		Thế kỷ XVII	Đã bị hủy
30	Chùa Di Đà		Thế kỷ XVII	Đã bị hủy

Từ các di tích, suy nghĩ về một số đặc trưng tín ngưỡng ở Cù Lao Chàm

Trương Hoàng Vinh

Xã Tân Hiệp (đảo Cù Lao Chàm) là xã đảo có diện tích 15km², chiếm ¼ tổng diện tích của Hội An, với số dân khoảng 3.000 người. Tuy là miền hải đảo xa xôi và có số dân ít nhưng các thể hệ cư dân ở Cù Lao Chàm đã tạo dựng nên và đang lưu giữ một hệ thống di tích tương đối lớn so với các địa bàn cùng cấp ven khu phố cổ. Đây là một yếu tố góp phần để Cù Lao Chàm - Hội An được UNESCO công nhận là Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới vào ngày 26/5/2009. Điểm đặc biệt là những di tích này phản ánh khá đầy đủ đặc trưng văn hóa biển đảo và hệ thống di tích tín ngưỡng thời kỳ phong kiến. Trong bài viết này chúng tôi xin giới thiệu hệ thống di tích Cù Lao Chàm và những đặc trưng văn hóa tín ngưỡng thông qua các di tích này.

❁ **Hệ thống di tích tín ngưỡng ở xã đảo này khá qui mô:** Cù Lao Chàm có 34 di tích (*chiếm 15,3%*) trên tổng số 222 di tích vùng ven khu phố cổ, đứng thứ hai sau phường Thanh Hà (*51 di tích*). Ngoài 9 di tích thuộc các loại hình di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, danh thắng thì Cù Lao Chàm có đến 25 di tích tín ngưỡng. Sự tồn tại

của hệ thống di tích này chứng minh rằng Cù Lao Chàm là nơi còn bảo lưu tương đối hoàn thiện thiết chế văn hóa tín ngưỡng truyền thống của làng xã ở miền Trung bởi hiện nay nhiều địa phương trong đất liền Hội An cũng như nhiều địa phương khác không còn đầy đủ các thiết chế này do bị chiến tranh, thiên tai hủy hoại. Các thiết chế tín ngưỡng làng xã ở Cù Lao Chàm bao gồm: đình làng (*đình Đại Càn, có thể được xây dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 22 tức năm 1761*), lăng/miếu thờ Thành hoàng (*vị thần cai quản mọi việc ở địa phương, được triều đình nhà Nguyễn sắc phong là thượng đẳng thần và qui định được thờ tự tại đình làng*), lăng/miếu Tiên hiền (*thờ các bậc tiền nhân có công khai lập cộng đồng dân cư Cù Lao Chàm*), lăng/miếu Thổ thần, lăng/miếu Ngũ hành, lăng/miếu thần nông, lăng Cô (*thờ âm linh, cô hồn*), chùa làng (*Chùa Hải Tạng - di tích có niên đại xây dựng vào năm 1758*), miếu Tổ nghề yến (*được trùng tu năm 1848*), lăng Ông ngư... Các di tích này đang được bảo tồn tốt là cơ sở quan trọng để nghiên cứu những giá trị văn hóa tín ngưỡng của hệ thống thiết chế làng xã ở Hội An nói riêng, vùng biển đảo Quảng Nam nói chung cũng như nghiên cứu về sự phát triển tôn giáo, tập tục tín ngưỡng, mai táng, qua đó làm cơ sở để phục vụ công tác phát huy và bảo tồn các loại hình di tích này.

❁ **Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Cù Lao Chàm là phổ biến:** Với 4 miếu Ngũ Hành (*Kim, Mộc, Thủy, Hỏa,*

Thổ), (Bãi làng có 2 miếu, Bãi Hương có 1 miếu), một số miếu thờ riêng lẻ một trong 5 vị thần trong Ngũ hành như miếu Bà Mộc, miếu



thành nghề khai thác yến sào của làng Thanh Châu. Trong di tích này, ngoài thờ Tổ nghề (những tiên nhân khai lập ra làng khai thác yến Thanh Châu trong đó có ông Huỳnh

Thổ thần và lăng Bà Mụ - thờ Bà chúa Sinh thai và 12 Bà mụ. Đây là một hiện tượng khá đặc biệt bởi không có nhiều địa phương cấp làng xã ở Hội An có di tích thờ Bà Mụ. Việc thờ Nữ thần với số lượng nhiều, đối tượng thờ phong phú cho thấy tư duy tổng hợp, tôn trọng các giá trị khởi nguyên (theo triết lý phương Đông) và tư duy tôn thờ tính nữ trong văn hóa tín ngưỡng ở Cù Lao Chàm được đề cao.

✿ **Ngoài việc tôn trọng tính nữ, các giá trị khởi nguyên của vật chất (theo triết lý phương Đông) thì cư dân Cù Lao Chàm còn rất đề cao tín ngưỡng trong nghề nghiệp:** Bởi có đến 5/25 di tích tín ngưỡng là di tích thờ tổ nghề, thờ thần bảo hộ nghề. Các di tích đó bao gồm miếu Tổ nghề yến (tu bổ lần đầu vào năm 1848 - Tự đức nguyên niên), miếu Tổ nghề cá chuồn, lăng Ông ngư, đền Thần Nông, miếu bà Mộc. Sự phong phú của các di tích thờ tổ nghề, thờ thần bảo hộ nghề có nhiều nguyên nhân. Điều này cho thấy sự đa dạng trong nghề nghiệp, cơ cấu kinh tế ở Cù Lao chứ không chỉ bó hẹp trong nghề đánh bắt sông nước. Bởi Cù Lao Chàm là địa bàn sinh sống của chim yến, điều kiện quyết định hình

Văn Hòa - sống vào đầu thời Nguyễn), ngoài ra còn thờ các vị thần bảo vệ nghề - một nghề liên quan đến sông nước là Phục ba tướng quân (thần phục sóng biển). Ở lăng ông Ngư lại có 13 bài vị thờ Cá ông (cá voi) là Nam Hải cự tộc Ngọc Lân tôn thần, đây là một vị thần cứu vớt người bị nạn trên biển. Liên quan đến di tích này, vị thần này còn có những các hoạt động tín ngưỡng, văn hóa dân gian đặc sắc vùng biển đảo là tâng tục cá Ông khi cá Ông gặp nạn dạt vào bờ rồi lụy (ông chết), là diễn xướng bả trạo trong lễ hội cầu ngư, lễ tế cá ông... Một điểm khác là ở Cù lao Chàm không có nghề đánh chuồn mạnh nhưng có miếu thờ Tổ nghề đánh cá chuồn là do các ngư dân làm nghề này ở vùng biển Cẩm An, Cửa Đại... ở trong đất liền Hội An xây dựng để mỗi khi ra biển đều ghé lại đây để làm lễ cầu an, cầu may trước khi hoặc sau khi đánh bắt. Tín ngưỡng nông nghiệp vẫn được coi trọng ở vùng biển đảo này đầu diện tích canh tác không lớn, người làm nông không nhiều nhưng những sản phẩm nông nghiệp được làm ra tại vùng biển đảo này thì lại có giá trị hết sức lớn lao cả về mặt vật chất và tâm linh.

✿ Bên cạnh tín ngưỡng thì nhu cầu tìm đến đấng linh thiêng trong tôn giáo mà ở đây là Phật giáo để che chở cho cuộc sống tâm linh của người Cù Lao Chàm là rất lớn. Một điều đặc biệt là trong không gian của Cù Lao Chàm, với dân số không quá đông đã có đến 3 chùa Phật. Trong đó có Chùa Hải Tạng thuộc hệ phái Phật giáo Đại thừa được xây dựng vào năm 1758 (*Cảnh Hưng thứ 19*), được trùng tu, dời về vị trí hiện nay vào năm 1848 (*Tự Đức năm thứ 1*) và 2 chùa thuộc hệ phái Phật giáo Tiểu thừa được xây trong thế kỷ XX là Tịnh xá Ngọc Truyền và Tịnh Xá Ngọc Hương.

Tựu trung lại, mặc dầu Cù Lao Chàm có vị trí xa xôi với đất liền nhưng là vùng đất mang đậm văn hóa tín ngưỡng truyền thống Việt Nam biểu hiện qua hệ thống di tích được phân bố dày đặc, tương đối đầy đủ về loại hình trên một địa bàn có số dân cư thưa thớt. Điều này có thể lý giải rằng do vị trí nằm ở nơi đầu sóng, ngọn gió, đời sống kinh tế, sinh hoạt luôn phải đối chọi với những bấp bênh, nguy hiểm nên tư tưởng cầu an, cầu may, cầu sinh sôi, nảy nở, tôn trọng thế giới siêu nhiên, tìm về cội nguồn để đem đến sự an lành trong cuộc sống luôn thường trực và được biểu rõ nét. Và từ đây sự cố kết cộng đồng của người Cù Lao Chàm được nâng cao hơn trong quan hệ sản xuất cũng như sinh hoạt tín ngưỡng làm nên hệ quả vượt khó chung xây hệ thống di tích tín ngưỡng hoàn thiện, qui mô. Đặc điểm văn hóa này là vấn đề mấu chốt cần được tiếp tục phát huy nhất trong việc giải quyết sinh kế, bảo tồn Khu du lịch trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An.

Tác dụng của trò chơi dân gian đối với trẻ em

Le Thị Tuấn

Điều trước tiên mà chúng ta có thể

Vui chơi là hoạt động không thể thiếu được trong đời sống tinh thần của trẻ em. Vui chơi không những giúp trẻ em sáng khoái tinh thần, tăng cường sức khỏe, mà quan trọng hơn còn có tác dụng hình thành nhân cách, cá tính, ý chí tình cảm của trẻ em. Như Kơ-rúp-skai-i-a đã nói: “Chơi mà học và học trong chơi”. Đây là một trong những hình thức giáo dục trẻ nhỏ đơn giản mà hiệu quả.

thấy ngay được rằng trò chơi dân gian có tác dụng giải trí rất lớn không chỉ đối với trẻ em mà cả người lớn. Chúng ta thấy rằng việc chơi trò chơi dân gian là hoạt động phổ biến và chiếm phần lớn hoạt động giải trí của các em. Trò chơi dân gian giúp đầu óc các em thoải mái, tinh thần sáng khoái hơn nhiều sau những lúc làm việc nhà, đi phụ việc đồng áng giúp cha mẹ, hay sau

những tiết học kéo dài rất căng thẳng và mệt mỏi.

Tiếp đến là trò chơi dân gian có tác dụng phát triển về thể chất: Phần nhiều trò chơi dân gian là những trò vận động trí tuệ hay cơ bắp nên khi diễn ra trò chơi thì trí tuệ hoặc cơ bắp (*tùy từng trò chơi*) được phát huy cao độ, nên có tác dụng rất to lớn trong việc phát triển thể chất cho trẻ em, nhất là các em ở độ tuổi 7 - 12. Trong độ tuổi này cần phải có những hoạt động thể chất giúp các em luôn luôn hoạt động để tạo sự năng động, mềm dẻo, uyển chuyển cho hệ cơ, xương cũng như kích thích hoạt động cho hệ thần kinh, hệ tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết. Có hoạt động nhiều như vậy thì mới đáp ứng, mới bắt kịp được sự phát triển tất yếu của cơ thể. Nếu trẻ ở lứa tuổi này nhút nhát, ít vận động thì sẽ trở nên chậm chạp, kém linh hoạt và yếu ớt vào những độ tuổi sau.

Chúng ta có thể liệt kê ra ở đây khá nhiều trò chơi có tác dụng cho thể chất của các em. Đó là những trò chơi thiên về thể lực - sự mạnh mẽ của thể chất như trò kéo co, nhảy dây, đuổi bắt, rồng rắn lên mây, u mồi, nhảy bao bố, dí bắt, đá banh...; những trò thiên về rèn luyện sự khéo léo, nhanh nhẹn, xử lý tình huống và phản ứng lại thật nhanh như trò chơi đổi màu, bỏ khăn, chuyền nê, mèo bắt chuột; trò rèn luyện sự cẩn thận, tinh nhạy của các giác quan như trò đoán âm thanh, bịt mắt bắt dê, chi chi chành chành, hay như trò ô ăn quan, cờ carô, cờ gánh,... giúp trí não tư duy thêm sắc sảo, nhạy

bén hơn. Những trò chơi dân gian này có cách chơi rất đơn giản, dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ nên dễ lan rộng trong trẻ em.

Tác động thứ ba mà chúng tôi muốn đề cập đến, đó là trò chơi dân gian giúp các em rèn luyện về ý chí và ý thức cá nhân. Trong vui chơi, trẻ em bộc lộ rõ ý chí của mình hơn bất kỳ hoạt động nào khác. Ý chí quyết thắng thể hiện trong các trò chơi như cướp cờ, kéo co, ọi cùi, đá banh,... Trong các cuộc chơi này, chiến thắng chỉ một bên giành được còn bên kia là kẻ chiến bại, bởi vậy trong cuộc chơi thành viên của các bên đều thể hiện sự quyết tâm cao của mình để giành phần thắng. Về cá nhân, trong các cuộc chơi này, ai cũng muốn mình là người đóng góp cho tập thể được nhiều hơn, vai trò của mình nổi trội hơn. Nên mỗi thành viên nỗ lực, tập trung cao để thắng đối phương. Vì vậy, từ những hoạt động vui chơi này sẽ rèn luyện ý chí kiên trì, bền bỉ trong các em.

Tác động thứ tư đó là rèn luyện kỹ năng lao động tập thể:

Qua việc một nhóm bạn tụ họp nhau lại cùng chơi các trò chơi dân gian này, các em sẽ ngày càng hiểu biết, hòa đồng, thân mật với nhau hơn, tạo nên sự đoàn kết trong một nhóm và mở rộng ra là một lớp học, đoàn kết giữa học sinh lớp này với học sinh lớp khác. Vui chơi không có nghĩa là vô nguyên tắc mà nó là một hoạt động tập thể nên đòi hỏi sự tôn trọng những quy tắc mà nhóm đề ra khi chơi. Qua việc chơi những trò chơi tập thể này, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm của các cá nhân với tập thể, ý chí thống nhất và tập trung cao về sức mạnh

nhằm giải quyết tình huống một cách tốt nhất để giành chiến thắng cho đội mình được rèn luyện. Khi chơi quay dây, các em trong đội chơi phải phối hợp nhịp nhàng với nhau, phải thật nhanh nhẹn khéo léo để tránh vướng dây vào chân để cả đội không bị thua; chơi kéo co thì phải ôm chặt nhau hay nắm chặt dây, chân phải trụ bám chặt đất để tạo thành một khối cho vững bởi nếu đứng hổng chân, không bám chặt nhau thì bị đội kia kéo (*hay đẩy*) ngã; chơi u, chơi keng quả thì phải cứu những người bạn của mình đã bị đội kia bắt hay đã “*keng*”... Mỗi em khi tham gia chơi các trò chơi tập thể này sẽ ý thức được rằng nếu không chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật, không thống nhất với đồng đội, không có sự cố gắng đồng thời và chính xác của cá nhân mình cùng tập thể thì sẽ không giành được sự chiến thắng cho cả đội. Từ đó, những trò chơi dân gian này tạo cho các em một ý thức chung với cộng đồng ở bất cứ công việc nào trong cuộc sống hàng ngày.

Tác dụng cuối cùng chúng tôi muốn kể đến trong bài này, đó là trò chơi dân gian có tác dụng giáo dục bản sắc dân tộc cho trẻ em:



Thứ nhất, tính giáo dục của trò chơi dân gian vẫn luôn tồn tại từ xưa đến nay. Điều này đã được minh chứng bằng chính sức sống mãnh liệt của nó trong suốt chiều dài phát triển của dân tộc cũng như sự yêu thích trong lòng bao lớp tuổi thơ.

Thứ hai, những trò chơi dân gian này là một thành tố của văn hóa dân gian - nơi tập trung cao độ những giá trị truyền thống mang đầy bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong thời đại mở cửa, giao lưu toàn cầu hóa ngày nay, sự tiếp thu bên ngoài để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước là một việc làm tất yếu. Sự văn minh, hiện đại chính là điều chúng ta mơ ước. Tuy nhiên, văn minh thì ở đâu cũng giống như nhau còn văn hóa chính là cái riêng, cái bản sắc của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Chúng ta hòa nhập mà không hòa tan, chúng ta đổi mới nhưng không đổi màu. Đó là đặc trưng văn hóa mà dân tộc khác, quốc gia khác không có. Nên công việc giáo dục trẻ em bằng trò chơi dân gian nói riêng cũng như bằng các yếu tố thuộc truyền thống văn hóa dân tộc như truyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết, thi ca, âm nhạc, điệu múa, lịch sử đấu tranh dựng nước và

giữ nước... nói chung cũng không nằm ngoài mục đích đó. Cái bản sắc của dân tộc sẽ thấm vào trong tư tưởng, tình cảm của các em và giúp các em tự ý thức được về dân tộc, đất nước mình; có trách nhiệm, có lòng tự hào, tình yêu thương quê hương, đất nước hơn. Cũng nói về điều này, đồng thời khẳng định vai trò giáo dục ý thức dân tộc của trò chơi dân gian đối với trẻ em,

PGS.TS. Nguyễn Văn Huy, nguyên Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cho rằng *“Cuộc sống đối với trẻ em không thể thiếu những trò chơi. Trò chơi dân gian không đơn thuần là một trò chơi của trẻ con mà nó chứa đựng cả một nền văn hóa dân tộc Việt Nam độc đáo và giàu bản sắc. Trò chơi dân gian không chỉ nâng cánh cho tâm hồn trẻ, giúp trẻ phát triển khả năng tư duy sáng tạo, sự khéo léo mà còn giúp các em hiểu về tình bạn, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước. Trẻ em ở một xã hội công nghiệp, chỉ quen với máy móc và không có khoảng trống để chơi cũng là một thiệt thòi. Thiệt thòi hơn khi các em không được làm quen và chơi những trò chơi dân gian của thiếu nhi thuở trước - đang ngày càng bị mai một dần và quên lãng, không chỉ ở các thành phố mà còn ở các vùng nông thôn, nơi mà đang dần bị đô thị hóa mạnh mẽ. Vì thế, giúp các em hiểu và tìm hiểu về cội nguồn trò chơi dân gian là một việc làm cần thiết”*.

Chúng ta không thể đo chính xác về mức độ, tác dụng giáo dục về tình yêu quê hương, bản sắc dân tộc cho từng con người. Nhưng chúng ta dễ dàng hiểu một điều đơn giản nhưng rất giàu ý nghĩa như: lời ru của mẹ, câu chuyện cổ tích của bà, những cuộc vui đùa qua các trò chơi dân gian ở quê nhà, sân trường, trong các dịp lễ tết cổ truyền vui tươi, đầm ấm và thành kính trong gia đình, họ hàng, làng xóm,... quả có ấn tượng sâu đậm trong tâm khảm của mỗi người. Đó cũng chính là viên gạch đầu tiên của cái nền nhân cách, tâm hồn con người Việt Nam.

Yếu tố Triều Tiên của gốm sứ Hizen - Nhật Bản

Nguyễn Văn Bé

Nghiên cứu về lịch sử, nguồn gốc của gốm Hizen là một công việc lý thú, hấp dẫn và cần thiết giúp chúng ta có những hiểu biết nhiều hơn, rõ ràng hơn, phong phú hơn về dòng gốm khá nổi tiếng của người Nhật Bản. Một dòng gốm sứ rất được du khách Nhật quan tâm, nghiên cứu và thường lăm khi đến tham quan Khu phố cổ Hội An.

Hizen là địa danh của một tỉnh nằm trên đảo Kyushu, một trong ba quần đảo lớn nhất về phía nam của Nhật Bản, nơi có những lò gốm khác nhau nên thường được gọi là gốm Hizen. Hizen cũng là nơi có lịch sử lâu đời về đồ gốm sứ Nhật Bản, các sản phẩm giá trị nghệ thuật, các sản phẩm xuất khẩu nổi tiếng hầu như đều được ra đời từ những lò gốm nằm trong vùng này.



Qua nghiên cứu, tìm hiểu từ các sách báo chuyên về gốm sứ, người viết bài này nhận thấy dòng gốm sứ này được các nhà nghiên cứu về gốm sứ người Nhật Bản nghiên cứu rất kỹ lưỡng và khá đầy đủ, như Noritake Tsuda hay Takeyoshi Tamaka, giám đốc Bảo tàng gốm sứ Kyushu, người viết lời tựa cho cuốn sách ***Gốm sứ Hizen xuất dương - Hizen wares abroad*** xuất bản năm 1990, thì gốm Hizen phát triển vào các năm cuối thế kỷ XVI ở thời Muromachi (1334 - 1573) và có những bước phát triển khá rực rỡ dưới thời Yedo (Edo) (1615-1866), nhiều trung tâm sản xuất gốm ra đời như Karatsu, Imari. Với nhu cầu phục vụ dân dụng trong nước, đặc biệt loại gốm sứ chính hiệu có tiếng lúc bấy giờ là gốm sứ Imari, nên gốm Hizen cũng được gọi là gốm Imari.

Đầu thế kỷ XVII liên tục đến nửa cuối thế kỷ XVII qua tới đầu thế kỷ XVIII, gốm Hizen thực sự phát triển mạnh lúc mà nó được xuất khẩu ra nước ngoài. Ngược dòng thời gian, vào những thời kỳ trước đó ở các thế kỷ như từ thế kỷ X - XII thời Fujiwara (895 - 1185), thế kỷ XII - XIII thời Karahura (1186 - 1333) thậm chí cho đến thế kỷ XIV - XVI thời Muromachi (1334 - 1573) người Nhật Bản vẫn chủ yếu là dùng gốm nhập khẩu. Thời kỳ Fujiwara và Karakura, Nhật Bản chưa làm được đồ gốm sứ loại đơn sắc như celadon và loại sứ xanh (*tiếng Nhật gọi là Seiji - sứ men trắng vẽ lam*) nên phải nhập từ nước ngoài vào mà chủ yếu từ Trung Hoa. Các đồ gốm sứ như lọ hoa, chén trà... có chất lượng men và nghệ thuật trang trí cao nên rất được tầng lớp quan lại, quý tộc Nhật ưa chuộng. Song đến thời kỳ Muromachi, Nhật

Bản đã có sự tiến bộ trong nghệ thuật làm gốm sứ, tuy nhiên việc nhập khẩu gốm sứ từ nước ngoài vẫn được khuyến khích và sử dụng.

Đến thời Momoyama (1574 - 1614) và đặc biệt là thời Yedo (1615 - 1866), là vào thời kỳ có ý nghĩa quan trọng nhất trong lịch sử phát triển gốm sứ Nhật Bản. Nhiều lò gốm, nhiều trung tâm gốm nổi tiếng đã ra đời và phát triển ở cả ba tỉnh Kyoto, Hizen và Kara trong đó Hizen là một trung tâm chế tạo, sản xuất gốm gần như là lớn nhất, nổi tiếng nhất của Nhật Bản chuyên sản xuất và chế tác đồ sứ có men sắc trắng - ***men trắng vẽ lam***, chính việc xuất khẩu đồ sứ này đã góp phần vinh danh dòng gốm sứ Nhật Bản trên trường quốc tế lúc bấy giờ.

Nước Nhật đã phát triển được dòng gốm sứ Hizen một thời nổi tiếng này mà trước đó người Nhật muốn thưởng thức và sở hữu những tác phẩm nghệ thuật gốm sứ tinh tế phải nhập từ nước ngoài. Theo các nhà nghiên cứu gốm Nhật Bản thì từ thế kỷ XVII - XVIII đã có nhiều sự kiện, nhiều yếu tố quan trọng và có thể nói là may mắn chính là ở thời kỳ này đã có những tác nhân trực tiếp tác động, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ nhanh chóng trong nghệ thuật đồ gốm Nhật Bản thời bấy giờ.

⊗ **Yếu tố thứ nhất:**

Thời kỳ này chính là thời kỳ nghệ thuật trà đạo mang tính quần chúng rộng rãi, chính nghệ thuật trà đạo đã một phần như là động cơ, động lực khuyến khích thúc đẩy người thợ gốm Nhật Bản sản xuất những sản phẩm gốm sứ một cách thích hợp với một mức độ tinh tế ngày càng cao của nghệ thuật trà đạo, một nghệ thuật mà từ cách thức cho đến các vật dụng liên

quan đều phải đạt đến sự tinh tế đến từng chi tiết nhỏ. (*Nhật Bản là quê hương của Trà đạo*)

☉ **Yếu tố thứ hai và cũng là yếu tố may mắn:**

Đó chính là yếu tố liên quan đến Triều Tiên bởi vì vào thời Bunroku (1592 - 1595) sau những cuộc chinh phạt Triều Tiên đã đưa về Nhật Bản rất nhiều thợ gốm Triều Tiên, những người thợ gốm này là một yếu tố quan trọng trong việc góp phần cho sự phát triển nghệ thuật chế tác gốm sứ Nhật Bản, đặc biệt là ở tỉnh Hizen, họ đã là nguồn khởi đầu cho sự phồn thịnh của các lò gốm tại đây (theo Noritake Tsuda - *sổ tay nghệ thuật Nhật Bản* - nhà xuất bản KHXH Hà Nội) bởi chính họ là người phát hiện những mỏ đất caolan mịn trong nhiều quận ở Kyushu và bằng tài năng và nghệ thuật của mình đã hướng dẫn cho các thợ gốm người Nhật làm nên sản phẩm gốm sứ này, điều này là một minh chứng trong việc thúc đẩy kỹ nghệ chế tác gốm Nhật Bản phát triển đạt đến trình độ cao, dưới sự hướng dẫn của các nghệ nhân người Triều Tiên, người Nhật đã làm ra những sản phẩm gốm đơn sắc như celadon và sứ trắng (Seiji)

mà trước đó phải nhập từ Trung Hoa, không những thế người Nhật còn sản xuất được loại sứ Some - Tsuke chính hiệu có tiếng lúc bấy giờ là sứ Imari trong tỉnh Hizen. Vì được chuyển đến bán ở cảng

Imari, vì thế gốm sứ Hizen có tên khác là gốm Imari như đã đề cập ở trên. Người thợ gốm Triều Tiên còn lưu lại dấu ấn của mình trên dòng gốm này qua phong cách trang trí trên một số loại hình đĩa gốm với men phủ toàn thân màu trắng đục hay trắng phớt xanh, hoa văn trang trí cả trong và ngoài khá đồng nhất. Thành trong vẽ phân ô có hình nan quạt hay cánh sen chia thành 16 ô, 8 ô lớn xen kẽ 8 ô nhỏ. Ở ô nhỏ thường vẽ các hình lục, đỉnh, các đồ án hình học, hay hình hoa *hương dương*... Ở ô to lại vẽ hoa lá, hoặc các đồ vật trong bộ *bát bảo* như quạt và hình lá, bầu rượu, túi thơ kết hợp với chữ vạn... Lòng đĩa vẽ tròn hoặc vẽ uốn gập thành hình sao 6 cánh hoặc 8 cánh, bên trong vẽ hoa lá như hoa mẫu đơn, chim phượng bay, mai, điều, hoa và châu châu... Thành ngoài đĩa thường vẽ đàn trái, nét vẽ thưa thoáng, phổ biến là vẽ hoa dây uốn lượn hoặc hai cành hoa dài mảnh đối diện. Đây chính là phong cách trang trí chịu sự ảnh hưởng sâu đậm của đồ sứ Triều Tiên cùng thời (theo tác phẩm ***Đồ gốm sứ Xanh Trắng của thế giới - World's Blue and White*** xuất bản 1993).



Như vậy với yếu tố thứ hai này cũng chính là điều mà bài viết muốn đề cập đến, đó là yếu tố góp phần cho sự phát triển thịnh vượng của gốm Hizen Nhật Bản, một dòng gốm nổi tiếng của Nhật Bản

được tìm thấy khá nhiều trong các di chỉ khảo cổ học trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương như tại Indonesia, Thái Lan... và cũng có mặt khá sớm ở nước ta và điều này góp phần làm sáng tỏ về nền gốm sứ Hizen -Nhật Bản trở nên nổi tiếng và đã xuất dương ra với thế giới bên ngoài với một niềm tự hào của người Nhật Bản trong giai đoạn này. Tại Hội An, gốm Hizen cũng được phát hiện ở vài nơi như Hội Quán Triều Châu, Cầu Nhật Bản (*Chùa Cầu*), Thanh Chiêm, xã Cẩm Hà... Loại đĩa mang phong cách trang trí nói trên hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An. Người viết bài có dịp hướng dẫn thuyết minh cho một vị khách người Nhật Bản, đại diện của công ty xây dựng Taisei có chi nhánh tại Việt Nam đến Hội An tham dự lễ hội Giao lưu Văn Hóa Việt Nhật vào tháng 8 năm 2009, khi tham quan Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, sau khi nghe thuyết minh về gốm Hizen - Nhật Bản tại Hội An, ông có nói thêm về nguồn gốc, lai lịch mang yếu tố Triều Tiên của dòng gốm này, ông cho biết đây là một điều lý thú mà những người trẻ Nhật Bản cũng ít biết được nếu như họ không thật sự tìm hiểu kỹ về nó, vì thế các bạn Việt Nam cũng có thể chưa hiểu biết nhiều về dòng gốm này.

Như thế gốm Hizen Nhật Bản phát triển cực thịnh vào những năm của thế kỷ XVII - XVIII và tạo nên một dòng gốm nổi tiếng trong nghệ thuật làm gốm của người Nhật Bản lúc bấy giờ một phần lớn là nhờ vào sự phát hiện loại đất cao lanh đặc biệt và đôi tay tài hoa của người thợ gốm Triều Tiên.

Cù Lao

Võ Hồng Việt

Nằm cách Khu phố cổ Hội An khoảng 19km về hướng Đông, Cù Lao Chàm là cụm đảo ven bờ giàu tiềm năng được biểu hiện không chỉ ở sự phong phú về di sản văn hóa mà còn ở sự dồi dào về nguồn tài nguyên thiên nhiên cả trên rừng lẫn dưới biển. Đặc biệt, tài nguyên rừng ở Cù Lao Chàm không những có vai trò quan trọng về quân sự quốc phòng cũng như điều tiết khí hậu mà nó còn là nơi lưu giữ, bảo tồn nhiều nguồn gen động - thực vật quý hiếm. Những kết quả khảo sát trong thời gian gần đây cho thấy rừng ở Cù Lao Chàm chủ yếu là kiểu thảm rừng thường xanh lá rộng nhiệt đới, có độ che phủ rất cao, chiếm khoảng 70% tổng diện tích. Với chỉ ở độ cao 100m so với mực nước biển trở xuống, các nhà khoa học đã thống kê được 499 loài, thuộc 352 chi, 115 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch ở rừng Cù Lao Chàm, trong đó có nhiều cây dược liệu, chiếm 5/6 ngành thực vật bậc cao, 1/20 tổng số loài, 1/6 tổng số chi, 1/2 tổng số họ của hệ thực vật Việt Nam. Rừng ở Cù Lao Chàm cũng là môi trường sinh sống của nhiều loài động vật quý hiếm, trong đó khi đuôi dài và chim yến đã được đưa vào sách Đỏ động vật Việt Nam.

Khai thác sản vật tự nhiên là một hoạt động kinh tế có từ thời nguyên

thủy và nó được bảo lưu liên tục đến ngày nay. Cư trú trong môi trường biển đảo giàu tài nguyên như Cù Lao Chàm, hẳn nhiên việc đánh bắt thủy hải sản và khai thác lâm thổ sản để phục vụ cuộc sống trở thành hoạt động kinh tế chủ yếu và mang tính truyền thống của cộng đồng cư dân sinh cư lập nghiệp tại vùng đảo này trong lịch sử cũng như hiện nay. Năm 1695, vị thiền sư nổi tiếng người Trung Quốc - Thích Đại Sán đến Đàng Trong theo lời mời của Chúa Nguyễn đã có dịp ghé thăm Cù Lao Chàm và ghi chép khá chi tiết về vùng đảo này trong tập Hải ngoại ký sự, trong đó có đoạn: *“Ghé vào một nhà tranh nghỉ tạm, nhà cửa rất thấp, đi vào phải khom lưng để tránh khỏi đụng đầu. Kiểu nhà gần biển sợ gió thốc nên đều làm như thế... Dưới chân núi, một bãi cát bằng phẳng hình bán nguyệt. Có rải rác chừng non trăm chiếc nhà tranh, trừ những người già và trẻ con, có chừng 300 tráng đinh, dân nội tịch, sanh nhai bằng hai nghề đánh cá và hái củi. Cá mắm bay mùi hôi, nhà nào cũng vậy. Núi toàn đá, cây cối rậm rạp, hoa quả khắp núi, làm đồ ăn cho chim chuột và mục đồng...”*(1). Theo ghi chép này, vào thế kỷ XVII, *“Hái củi”* trở thành một trong những nghề chính của cư dân Cù Lao Chàm. Củi là loại nhiên liệu truyền thống chủ yếu để đun nấu thức ăn và dùng vào nhiều hoạt động sản xuất khác. Hiện nay, dù đã phát hiện, phát minh ra nhiều loại nhiên liệu, chất đốt mới nhưng củi vẫn không mất đi vai trò đối với cuộc sống của con người, nhất là đối với cư dân vùng thôn quê. Với độ che phủ khoảng 70% tổng diện tích và có nhiều chủng loại khác nhau, rừng Cù Lao Chàm quả thực là nguồn

cung cấp gỗ, lá dồi dào cho xây dựng cũng như củi, lá làm chất đốt cho sinh hoạt và sản xuất. Một số tư liệu cho biết, trong con đường hàng hải quốc tế trên Biển Đông vào các thế kỷ trước đây, Cù Lao Chàm giữ một vị trí quan trọng, là điểm trung chuyển, trạm dừng chân để các thương thuyền tích trữ thêm lương thực, nước ngọt và củi đốt cho cuộc hành trình tiếp tục của mình. Trong chương viết về Quảng Nam, sách Đại Nam Nhất thống chí chép rằng: *“Cách huyện Diên Phước 68 dặm về phía Đông, ngát ngưỡng giữa biển gọi là đảo Ngoạ Long, cũng gọi là hòn Cù Lao, có tên nữa là Tiêm Bút, tên cổ là Chiêm Bất Lao, làm trấn sơn cho cửa biển Đại Chiêm; dân phường Tân Hợp ở phía nam núi; ruộng trên núi có thể cày cấy; thuyền bè nước ta thường trông núi này làm chướng đi về đều đỗ ở đây để lấy củi, nước.”*(2).

Trong lịch sử cũng như hiện nay, cư dân Cù Lao Chàm đi rừng hái/đốn củi vừa dùng để phục vụ nhu cầu của chính mình vừa để bán cho tàu thuyền hoạt động trên biển và cho cư dân trong đất liền tại các chợ ở vùng hạ lưu sông Thu Bồn như chợ Hội An, Núi Rang, An Lương. Củi rừng Cù Lao Chàm có độ toả nhiệt cao, cháy lâu và đượm nên được cư dân trong đất liền rất ưa chuộng và đặt cho một thương hiệu riêng *“Củi Lao”*. Có lẽ do được nuôi dưỡng bởi sinh khí của đất trời biển đảo nên cây cối ở Cù Lao Chàm có những thớ gỗ rắn chắc để tạo nên loại củi mang những đặc tính như vậy.

Hiện nay, số người đi rừng đốn củi làm kế sinh nhai ít hơn so với trước đây và thường chủ yếu là phụ nữ, hoạt động không thường xuyên. Khu vực

lấy củi chính là rừng cây bụi ở Hòn Lao. Những cây khô được đốn và chặt thành những đoạn ngắn chừng 60-70cm, sau đó buộc lại thành từng bó tròn (*ót củi*) với đường kính khoảng 40 - 50cm. Những bó củi này được chở từng chuyến ghe vào bán trong đất liền.

Xưa kia những người làm nghề đi rừng đốn củi, thường gọi là “đi củi” chỉ được vào rừng khai thác củi sau khi trưởng xóm/làng cúng lễ khai trương ở cửa rừng vào sáng ngày mùng mười tháng Giêng. Tuy nhiên, cũng có một số người đi đốn củi mở hàng vào ngày mùng 4 hoặc mùng 6, khi đi họ mang theo một số lễ vật như hương đèn, hoa quả... đến vị trí đốn củi để cúng rồi mới đốn nhát đầu tiên. Vào ngày thường, khi đi củi cũng mang theo thẻ hương lên thắp vái ở những nơi linh thiêng và tại vị trí đốn củi, họ vái rằng “*trăm lạy cô bác cho con xin nhúm củi*”. Đi rừng đốn củi phải ít nhất 2 người. Đi đốn củi vào những ngày nắng ráo, từ sáng đến hết giờ Ngọ thì về. Những người làm nghề đi rừng đốn củi kiêng đi vào những ngày sóc, vọng và ngày 19 hằng tháng cũng như vào ngày lễ Thanh Minh, ngày vía ông (ngày cá ông lụy được đem đi an táng), Mông Năm (tết Đoan Ngọ) và tết Nguyên Đán. Những ngày mùng 5, 14, 23 hằng tháng không nên đi đốn củi ở những khu vực xa khu dân cư hay vào rừng sâu, núi cao. Khi vào rừng đốn củi họ cũng kiêng xoa tóc và mặc áo trắng bởi vì quan niệm rằng nếu không thì thần núi và các lực lượng siêu hình sẽ quở trách, hù, nhác... và điều tất nhiên là khi về nhà sẽ đau ốm không chữa trị được, hay nói đúng như dân

gian là bị ma nhập thần bắt. Họ tin rằng, khi đi rừng đốn củi mà mang theo thuốc ắt sẽ gặp điều xấu, hoặc đi gặp đàn bà hay ai đó hỏi “*đi củi sớm hì?*” mà vẫn tiếp tục đi thì chắc chắn sẽ gặp điều chẳng lành. Khi vào rừng không được quở cây này hoa khác đẹp, xấu, thú vật này, kia to, nhỏ... Trước khi ăn trái cây rừng chín phải hái và đặt nó dưới gốc cây đó vái lạy các đấng siêu nhiên. Nếu gặp phải rắn, tít... hãy gọi là “*có đũa bép*” để người khác biết. Họ cũng quy định rằng muốn đi về hãy gọi là “*tới hì*”, trả lời “*tới*” là đồng ý đi về, còn ngược lại là “*chưa tới*”. Ngoài ra, còn nhiều từ ngữ khác cũng được những người đi rừng đốn củi dùng để chỉ các đối tượng, hoạt động liên quan đến nghề đi củi như một bó củi gọi là “*ót củi*”, củi nhiều gọi là “*khăm*”...

Đi rừng đốn củi là biểu hiện của một trong những yếu tố thuộc hình thái địa sinh thái - văn hoá, góp phần tạo nên tính đa dạng, những giá trị riêng của di sản văn hoá Cù Lao Chàm. Trong bối cảnh hiện nay, việc sưu tầm, nghiên cứu những yếu tố thuộc hình thái địa sinh thái - văn hoá nói chung, tri thức địa phương - bản địa nói riêng là hết sức cần thiết để hướng đến thực hiện hoàn thành mục tiêu chung về kinh tế, văn hoá, xã hội của mỗi địa phương cũng như của toàn dân tộc.

Chú thích:

1. Thích Đại Sán (1695), *Hải ngoại ký sự*, Ủy ban biên dịch sử liệu Việt Nam xuất bản năm 1963, trang 162.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất thống chí*, tập 2, NXB Thuận Hoá, năm 1997, trang 358 - 359.

Tản mạn về những ngôi chùa ở Hội An

Trần Thanh Hoàng Phúc

Trước hết, tôi chỉ là người có cảm tình với đạo Phật và không am hiểu gì nhiều về kiến trúc Phật giáo. Tôi cũng chẳng phải người sống lâu năm ở Hội An, dù một nửa gốc gác của tôi là dân phố Hội. Vậy nên, nói về chủ đề này, với tôi, có vẻ rất khập khiễng. Thế nhưng, tôi chỉ nói lên tình cảm của tôi về Hội An, hay đúng hơn là về những ngôi chùa nơi đây. Tôi không đi sâu vào chi tiết, tôi chỉ nói về sự biến đổi mà mọi người đều có thể dễ dàng thấy được.

Ngôi chùa Việt truyền thống là một phức hợp kiến trúc gồm nhiều công trình, thường đặt ở những nơi có vị trí cảnh quan đẹp, kiến trúc hòa quyện vào tự nhiên. Bố cục chùa mang tính mở với sân rộng, hành lang rộng hai bên phải trái đón khách thập phương. Với những ngôi chùa xây dựng nơi phố thị đất chật người đông thì không còn giữ được bố cục truyền thống như ở làng quê mà đã phải giản lược đi rất nhiều. Dẫu có xây dựng ở đâu đi nữa thì ngôi chùa vẫn mang những

nét đặc trưng của kiến trúc Phật giáo, thể hiện giáo lý của đạo Phật là tính giản dị, từ bi, đại chúng và bình đẳng.

Chùa là nơi thanh tịnh, nhưng cũng không thoát khỏi sự biến đổi của thời cuộc, và đang “trở mình”. Hội An là thành phố nhỏ, sự biến đổi đó đến có phần chậm hơn những nơi khác. Những ngôi chùa cũng nhỏ bé, hiền hòa như phố và con người nơi đây vậy. Tôi đã dạo một vòng những ngôi chùa ở Hội An, có cái tôi đã biết từ trước đó, có cái chưa, chỉ hình dung ra khi đọc lý lịch di tích các ngôi chùa. Đa phần chúng thật đẹp, nhưng cũng đã ít nhiều có sự biến đổi.

Chùa Chúc Thánh là một ví dụ điển hình. Trước đây, tổng thể chùa được tổ chức tương tự như bây giờ, nhưng không quy mô bằng. Ngày nay, chùa to hơn trước nhiều với những dãy nhà được tổ chức có quy củ, những hàng cột gỗ đồ sộ trong chánh điện... và cũng không thể nói nó không hòa mình với thiên nhiên, cây cỏ. Chúc Thánh được chọn làm nơi tổ đình của một môn phái, dòng tu - Lâm Tế Chúc Thánh, người ta xây dựng công trình quy mô cho phù hợp với vai trò của nó



là việc hiển nhiên. Nhưng trong tôi lại thấy thiếu gì đó, rất khó tả! Cũng may, người ta còn giữ lại được Tam quan cũ, (mặc dầu “bị” *đắp thêm hai con lân bằng xi măng ở hai bên, trông không hợp tí nào*), giúp gọi lại chút hoài niệm, dù trông nó thật chơ vơ, lạc lõng giữa Tam quan và khối Chánh điện mới.

Hay như chùa Vạn Đức. Chùa trước đây còn có tên gọi là chùa Cây Cau, nghe một số cụ lớn tuổi nói chùa có tên như vậy vì trước đây trong chùa trồng rất nhiều cau. Bây giờ, cau trong chùa vẫn còn, nhưng nếu đúng như những gì tôi đã nghe thì tôi dám chắc là cau không nhiều như trước nữa. Chùa đã cải tạo và xây dựng thêm dãy nhà Đông, nhà Tây, một vài hạng mục nhỏ khác. Chùa Pháp Bảo cũng vậy, đã xây thêm dãy nhà tầng 2 tầng.

Hay là tịnh xá Ngọc Cẩm. Khi nhìn hình khối và màu sắc của công trình, tôi tự nhủ: chắc sẽ hơi khó cho vài người để có thể cảm nhận được chữ “*tịnh*” ở cái “*tịnh xá*” này. Cảm giác y hệt khi tôi đứng nhìn Nam Quang tự, dẫn cho nó rất đẹp, vẻ đẹp có phần “*lộng lẫy*”.

Những ngôi chùa khác cũng đã có cải tạo hoặc biến đổi một phần, hoặc những cấu kiện gỗ đã bị thay thế bằng bê tông sơn phết giả gỗ, không còn vẻ đẹp nguyên thủy nữa (*một số cấu kiện gỗ trong chánh điện chùa Viên Giác...*).

Có nhiều lý do cho việc này. Có thể số lượng Phật tử ngày càng lớn, quy mô chùa không đáp ứng đủ cho Phật tử tu tập; đời sống kinh tế ngày càng trở nên khá giả, nhiều người phát

tâm cúng dường xây dựng chùa, hay cũng có thể vài sư thầy muốn “*chứng tỏ*” sự tinh tấn trong tu tập tỉ lệ thuận với quy mô của cái chùa... Do đó, chùa cũng phải tự “*biến đổi*” để “*thích nghi*” với điều kiện mới. Ấu đó cũng là điều dễ hiểu! Ví như, khi nhắc đến chùa Bái Đính, người ta sẽ nhắc ngay đến “*quần thể chùa được coi là to và đẹp nhất Việt Nam, với nhiều kỷ lục được xác lập*”, mà ít ai nhắc khi đến đó, ta có thể tìm thấy sự an lạc. Sự “*trở mình*” của các ngôi chùa đang diễn ra hầu như rộng khắp, từ Bắc vào Nam, từ nông thôn ra thành thị.

Vẫn biết, những ngôi chùa cần phải mở mang cho to rộng hơn, đó là điều thiết yếu, tạo thuận lợi cho việc tu tập của Phật tử. Nhưng tôi vẫn thích hình ảnh mái chùa xưa cong cong nhẹ nhàng, ẩn mình dưới những tàng cây, tiếng chuông chùa u trầm vọng lên làm thanh thần lòng người. Hay tại tôi có xu hướng hoài cổ?

Lúc còn là sinh viên học ở đất Sài Gòn, nơi nhịp sống luôn náo nhiệt, hối hả, có lần tôi theo bạn vào chùa chơi. Chỉ qua cánh cổng thôi, tôi cũng đã cảm thấy lòng mình trở nên nhẹ nhõm hơn rất nhiều, dù cánh cổng đó không thể nào ngăn hết những tiếng ồn hay tiếng xe cộ bên ngoài. Về Hội An làm việc, thỉnh thoảng sau giờ làm, tôi ghé vào một ngôi chùa nào đó, tìm cho mình một góc yên tĩnh. Thế nhưng, ít khi tôi có được cái cảm giác an ổn mà tôi đã từng có trước kia. Bởi Hội An vốn dĩ tự nó đã rất thanh bình, nên khi vào chùa, ta sẽ khó cảm nhận được sự thanh bình, nhẹ nhõm hơn nữa. Hay bởi điều gì khác, tôi cũng chẳng biết!



Lễ kỷ niệm 51 năm ngày Bác Hồ về thăm làng cá

Thị Nga

Cách đây 51 năm, vào ngày 1/4/1959, Bác Hồ đã về thăm bà con ngư dân làng cá ở Cát Bà, huyện Cát Hải - Hải Phòng và nói: “*Biển bạc của ta do nhân dân ta làm chủ*”. Từ năm 1979, ngày 1/4 được xem là ngày hội ra quân đánh bắt vụ cá nam và sinh sản các giống cá nuôi của ngư dân ven biển.

Ở Hội An, sáng ngày 1/4/2010, tại sông Đê Vông (đoạn trước khách sạn *Victoria*), lễ kỷ niệm 51 năm Ngày Bác Hồ về thăm làng cá và phát động ra quân đánh bắt vụ cá Nam đã được tổ chức. Tham dự buổi lễ có đồng chí Lê Văn Giảng - Chủ tịch UBND thành phố, đồng chí Nguyễn Văn Dũng - Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm giải phóng Hội An, đại diện các ban ngành cùng đông đảo vận động viên, bà con và du khách. Sau chương trình lễ là phần diễu hành thuyền hoa của ngư dân và hội đua thuyền ngang nam nữ của các xã/phường. Kết quả giải đua thuyền ngang, đơn vị phường Cẩm Nam đã về nhất ở cả hai nội dung nam và nữ ở giải chính. Các hoạt động này vừa tạo nên khí thế sôi nổi, thể hiện quyết tâm hăng hái lao động đạt năng suất cao, đồng thời biểu dương vai trò và đóng góp

của bà con ngư dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố●

Lễ khánh thành và tế xuân tại miếu Ông Điều

Lê Xuân



Miếu ông Điều nằm trên địa phận thôn 3 - xã Cẩm Thanh là một trong những nơi sinh hoạt văn hoá tinh thần của nhân dân, đồng thời có giá trị về mặt lịch sử nên đã được UBND Thành phố đưa vào danh mục bảo vệ của Thành phố năm 2008.

Trải qua thời gian, di tích đã xuống cấp nghiêm trọng. Để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, vừa qua UBND thành phố Hội An đã hỗ trợ kinh phí tu bổ lại di tích với tổng mức đầu tư là 47.021.000đ. Công trình đã được bàn giao mặt bằng vào ngày 19/11/2008 và nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 16/01/2009.

Vào ngày 02/4/2010 (nhằm ngày 18/02 Canh Dần), bà con trong thôn xóm tổ chức lễ cầu an đầu năm đồng thời tổ chức lễ khánh thành miếu ông Điều trong không khí trang nghiêm, phấn khởi●

Hội thảo khoa học tìm mô hình phát triển bền vững thành phố Hội An

Văn Quý



Với sự chủ trì của UBND Thành phố, sự giúp đỡ của UBND tỉnh Quảng Nam, các cơ quan trung ương, các tổ chức quốc tế, trong 2 ngày 12 và 13/4/2010, tại khách sạn Hội An đã diễn ra hội thảo khoa học với chủ đề **“tìm mô hình qui hoạch và phát triển bền vững thành phố Hội An”**. Đây là một hội thảo khoa học quốc tế với sự tham dự của nhiều chuyên gia, nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước.

Hội thảo đã có nhiều tham luận tập trung đánh giá những tiềm năng, thế mạnh của thành phố Hội An, đề xuất phương hướng qui hoạch, phát triển bền vững và đề ra những giải pháp, kinh nghiệm quản lý đảm bảo cho sự phát triển bền vững Hội An - Vùng đất vừa có Khu phố cổ là Di sản văn hóa Thế giới vừa sở hữu cả Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An. Trên cơ sở các tham luận, các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà

quản lý, các nhà khoa học, hội thảo đã bước đầu đúc kết, phác thảo được Đề cương phát triển kinh tế bền vững cho Hội An - Tầm nhìn 2030 ●

Phát động phong trào thi đua

Thanh Lương

Nhằm lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước trong tháng 4, hướng đến chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Chi bộ Trung tâm lần thứ V, được sự thống nhất của Cấp ủy Chi bộ, Ban Giám đốc Trung tâm QLBT Di tích Hội An ra Thông báo số 230/TB-DT ngày 13/4/2010 về việc phát động phong trào thi đua trong toàn thể cán bộ, công nhân viên đơn vị. Thời gian phát động và thực hiện đến hết ngày 30/4/2010. Thông qua đợt phát động này nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua của đơn vị gắn với các hoạt động kỉ niệm những ngày lễ lớn của đất nước và chào mừng Đại hội Đảng các cấp, thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội Chi bộ Trung tâm lần thứ V, từ đó tạo nên động lực cho mỗi cán bộ, nhân viên có sự phấn đấu, nỗ lực trong công tác, nâng cao hiệu quả công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tùy theo đặc thù chức năng nhiệm vụ, mỗi bộ phận đăng ký thực hiện một công trình tập thể mang tính thiết thực đối với việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận mình, nội dung có thể là:

- Giải quyết các công việc tồn đọng của bộ phận trong thời gian qua
- Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới cách thức, phương pháp làm việc,

nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn.

- Thể hiện sự sáng tạo, sự đầu tư về tư duy của cả bộ phận

Kết thúc phong trào, lãnh đạo đơn vị sẽ có tổng kết, đánh giá và khen thưởng những công trình đạt kết quả cao trong Đại hội Chi bộ Trung tâm nhiệm kỳ đến ●

Lễ đón nhận thôn văn hóa 10 năm

Lê Xuân



Thực hiện Chỉ thị 04/CT/TU ngày 12/7/1997 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Quảng Nam và Kế hoạch hướng dẫn của Ban Xây dựng Hội An Thị xã Văn hoá (nay là Thành phố Văn hoá) về xây dựng Thôn Văn hoá, ngày 12/8/1998, thôn 5 tổ chức lễ phát động xây dựng Thôn Văn hoá.

Với sự nỗ lực và đoàn kết của cả hệ thống chính trị cùng với sự hưởng ứng của nhân dân, đồng thời được sự theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ của Đảng uỷ, UBND, UBMTTQ Việt Nam xã Cẩm Thanh, năm 2009 thôn 5 được Thành

phố công nhận là thôn đạt danh hiệu 10 năm liên Thôn Văn hoá. Từ kết quả đó, thôn 5 được Tỉnh và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tặng bằng khen nhân dịp tổng kết 10 năm Thôn Văn hoá.

Được sự thống nhất của Đảng uỷ, UBND, UBMTTQ Việt Nam xã Cẩm Thanh, ngày 18/4/2010 thôn 5 tổ chức lễ tổng kết 10 năm phát động phong trào xây dựng đời sống văn hoá với nhiều hoạt động diễn ra như cắm trại, văn nghệ, thể dục thể thao... tối 19/4/2010, thôn 5 tổ chức lễ đón nhận Thôn Văn hoá 10 năm liên. Về phía Thành phố có sự tham dự của đồng chí Nguyễn Sự, đồng chí Trần Trung Sơn, đồng chí Nguyễn Văn Lanh, đồng chí Nguyễn Như Thương...; Về phía địa phương có đại diện lãnh đạo xã Cẩm Thanh, đồng chí Nguyễn Thế Hùng - Bí thư, đồng chí Lê Thanh - Chủ tịch, đại biểu thôn trong xã cùng đông đảo bà con nhân dân thôn 5 ●

Nghiệm thu một số di tích

Hoàng Vinh

Vào ngày 20/4/2010, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích phối hợp cùng các cơ quan ban ngành có liên quan tiến hành nghiệm thu, đưa vào sử dụng các di tích được tu bổ, sửa chữa nhỏ: lăng ông An Bàng (Cẩm An), miếu Thần Hời (Thanh Hà), Văn Thánh miếu Cẩm Phô (Cẩm Phô). Các di tích này được khởi công tu bổ vào tháng 1 năm 2010, do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích làm chủ đầu tư, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Nam Việt thi công, tổng kinh phí là 384.380.000đ.

Các công trình này được nghiệm thu góp phần đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của người dân sở tại và góp phần chống xuống cấp kịp thời các di tích có giá trị nghệ thuật cao ở vùng ven khu phố cổ●

Tham dự “Tuần lễ văn hóa - du lịch đất Mũi”

Thanh Lương

Nhận lời mời của UBND tỉnh Cà Mau và được sự thống nhất của UBND thành phố Hội An, Thành phố Hội An đã cử 02 đồng chí là Nguyễn Văn Dũng (*Phó Chủ tịch UBND Thành phố*) và Võ Đăng Phong (*Phó Giám đốc Trung tâm QLBT Di tích Hội An*) tham dự “*Tuần lễ Văn hoá - Du lịch Đất Mũi*” tại tỉnh Cà Mau từ ngày 24 - 30/4/2010 nhân dịp UNESCO công nhận Mũi Cà Mau là Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới. “*Tuần lễ Văn hoá - Du lịch Đất Mũi*” là hoạt động quy mô lớn nhất từ trước đến nay mà Cà Mau đã tổ chức với rất nhiều hoạt động nổi bật nhằm giới thiệu, quảng bá Khu Dự trữ Sinh quyển Mũi Cà Mau, quảng bá du lịch... như tổ chức cuộc họp báo tại TP.HCM, Hội thảo khoa học với chủ đề “*Bảo tồn các giá trị khu dự trữ sinh quyển và hỗ trợ cư dân vùng ven biển trước biến đổi khí hậu*”, “*Hội diễn nghệ thuật quần chúng 3 dân tộc Kinh - Hoa - Khmer*”; tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ môi trường trong hội viên, đoàn viên thanh niên và quần chúng nhân dân, qua đó vận động mọi người nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, tài nguyên rừng, thủy sản, phòng chống cháy rừng... Tổ chức tham quan du lịch cùng với các hoạt động thả giống thủy sản và động vật hoang dã về

với thiên nhiên nhằm kêu gọi mọi người có ý thức bảo vệ, gìn giữ và bảo tồn hệ sinh thái của khu sinh quyển. Đặc biệt, chương trình khai mạc được tổ chức long trọng và hoành tráng với hình thức sân khấu hóa, chủ đề “*Cà Mau vươn lên từ mũi đất xanh*” thu hút hàng vạn người dự, xem, trong đó có đại diện các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế, các tỉnh, thành phố trong khu vực ĐBSCL. Lễ khai mạc này được truyền hình trực tiếp trên VTV1 và 14 Đài PT-TH các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long●

Tham gia triển lãm tại Đà Nẵng

Công Trung



Nằm trong chương trình “Tuần Văn hoá Du lịch - Kinh tế xứ Quảng” được tổ chức từ ngày 29/4/2010 - 03/5/2010 tại Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế Đà Nẵng, triển lãm hình ảnh “*Di sản Văn hoá Thế giới Hội An và Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù*

Lao Chàm - Hội An” đã thu hút hàng trăm người dân thành phố Đà Nẵng và du khách đến xem. Với 39 bức ảnh và 10 tác phẩm điêu khắc, triển lãm đã thể hiện một bức tranh toàn cảnh về những giá trị đặc sắc của Đô thị cổ Hội An và Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm. Cùng với các hoạt động như Đêm phố cổ, trưng bày tranh nghệ thuật (ốc, lông gà), làng nghề truyền thống... triển lãm đã góp phần vào thành công chung trong việc quảng bá hình ảnh Du lịch Hội An●

cùng nhau thảo luận vạch ra những định hướng khắc phục●



Tập huấn Thanh niên với công tác bảo vệ môi trường

BCH Chi Đoàn

Nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của Thanh Thiếu niên trong việc tham gia bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững, Ban Thường vụ Thành đoàn phối hợp cùng phòng Tài nguyên Môi trường tổ chức lớp tập huấn “*Thanh niên với công tác bảo vệ môi trường năm 2010*” vào ngày 20/4/2010.

Lớp tập huấn diễn ra trong một ngày, với hơn 200 đoàn viên thuộc các khối CNVC, xã phường, trường học. Lớp tập huấn được chia thành nhiều nhóm cùng thảo luận, trao đổi sôi nổi về những vấn đề tồn tại của môi trường trên toàn địa bàn Thành phố Hội An và hướng khắc phục những tồn tại đó. Qua đó, các đoàn viên đã đưa ra những tồn tại thực trạng của địa phương mình và

Tham dự Đại hội Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam

Thanh Lương

Theo giấy triệu tập của Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam và sự thống nhất của Chi hội Hội Văn nghệ Dân gian Thành phố Hội An, ông Trần Văn An (*Chi hội trưởng*) và ông Trần Tấn Vịnh (*chi hội viên*) là đại biểu chính thức tham dự đại hội Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam lần thứ VI (nhiệm kỳ 2010 - 2015) tại Hà Nội từ ngày 10 - 12/5/2010. Tham dự đại hội lần này có 11 đại biểu là thành viên Ban Chấp hành nhiệm kỳ V và 269 đại biểu được bầu tại các chi hội, tỉnh thành hội trong cả nước. Qua hai ngày làm việc hết sức trách nhiệm và nhiệt tình, Đại hội đã nhất trí bầu Ban Chấp hành khoá mới với 13 người gồm PGS.TS. Nguyễn Xuân Đức, PGS.TS. Đỗ Thị Hào, Nhà nghiên cứu Trương Thanh Hùng, GS.TS Nguyễn Xuân Kính, PGS.TS Lê Hồng Lý, Nhà thơ Nguyễn Thanh



Mừng, Nhạc sĩ Linh Nga Niê Kdăm, Ths. Đoàn Thanh Nô, Nhà giáo Nguyễn Ngọc Quang, TS. Trần Hữu Sơn, GS. TSKH Tô Ngọc Thanh, TS. Huỳnh Văn Tới và TS. Nguyễn Đăng Vũ. Đại hội cũng đã bầu GS. TSKH Tô Ngọc Thanh làm Chủ tịch Hội, bầu GS.TS Nguyễn Xuân Kính và TS. Trần Hữu Sơn làm Phó Chủ tịch Hội. ●

Chuyến thăm của ông Shimizu Akira - Phó Trưởng đại diện mới của JICA Việt Nam

Thu Thủy

Ngày 14 tháng 5 năm 2010, ông nhậm chức của tổ chức JICA Việt Nam, ông Wakabayashi - Cố vấn trưởng chương trình tình nguyện viên đến chào xã giao và thăm một số hoạt động của các tình nguyện viên Nhật Bản trên địa bàn Hội An trong đó có hoạt động của Cô Ishizaki Eri – TNV tại Trung tâm QLBT Di tích Hội An. Mục đích của chuyến thăm này là kiểm tra, rà soát các hoạt động của các tình nguyện viên nhằm chuẩn bị cho công

tác kiểm tra của đoàn các nhà tài trợ cho chương trình tình nguyện viên hải ngoại Nhật Bản tại Hội An ●

Hoàn tất thủ tục để trình phê duyệt dự án Tu bổ, tôn tạo Nhà Lao Hội An

Hoàng Vinh

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ thành ủy, Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, trong quý I, II năm 2010, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An đã khẩn trương xúc tiến và hoàn thành công tác lập hồ sơ đề nghị công nhận Nhà lao Hội An (*phường Sơn Phong*) là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào tháng 4/2010 và đang xúc tiến thủ tục để Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Quảng Nam xem xét trình Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định công nhận. Đồng thời Dự án tu bổ, tôn tạo Nhà lao Hội An (*theo hai giai đoạn với tổng kinh phí khái toán là 15.032.070.000 đ*) cũng được lập xong, đến ngày 15/5/2010, sau khi xem xét dự án, Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An đã có tờ trình số 97/TTr - UBND gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, phê duyệt dự án. Những hoạt động này có giá trị tạo lập cơ sở pháp lý, kinh tế để tiến hành tu bổ Nhà lao Hội An - một di tích lịch sử cách mạng quan trọng nhằm phục vụ công tác phát huy, giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng và tạo nên một điểm tham quan du lịch sinh động trên địa bàn Hội An ●

Sinh hoạt giao lưu kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

Lê Xuân



Nhằm chào mừng kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2010), Ban Thường vụ Thành đoàn Hội An chỉ đạo Đoàn khối CNVC Thành phố (gồm các Chi đoàn Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích, Trung tâm Văn hoá - Thể thao) tổ chức đêm sinh hoạt giao lưu vào lúc 19h00 ngày 17/5/2010 tại sân Bảo tàng Hội An.

Đêm sinh hoạt giao lưu diễn ra với sự tham gia của đông đảo đoàn viên trong khối CNVC, khối xã, phường, trường học trên địa bàn Thành phố. Mở màn chương trình là các tiết mục văn nghệ hát về Bác, sau đó là đội hình dâng hoa dâng tượng trưng cho 120 năm ngày sinh của Bác. Tiếp theo là phần giao lưu trả lời câu hỏi với nội dung về cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được đa số đoàn viên hưởng ứng nhiệt tình, sôi nổi.

Đây là hoạt động nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đoàn viên thanh niên về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời qua đó tạo sự gắn bó, giao lưu học hỏi, trao đổi, tăng thêm tình đoàn kết, gắn bó giữa các Chi đoàn với nhau.

Liên hoan ca khúc "Tiếng hát dâng Người"

BCH Chi đoàn

Nhằm chào mừng các sự kiện lớn trong năm 2010, đặc biệt nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2010), đồng thời đẩy mạnh phong trào văn hoá - văn nghệ trong các tổ chức và quần chúng nhân dân trên địa bàn Thành phố, vừa qua Trung tâm Văn hoá - Thể thao Hội An phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố tổ chức Liên hoan ca khúc "Tiếng hát dâng Người" - Hội An năm 2010 vào hai ngày 18 và 19/5.



Tham gia liên hoan có 28 đơn vị đoàn, gồm nhiều thể loại (*đơn ca, song ca, tam ca, hát múa, tốp ca*). Kết quả hội thi, Ban Tổ chức chấm chọn có 13 giải A và 15 giải B●

Đại hội Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích

Thanh Lương

Kiểm tra các điểm Bảo tàng, di tích

Lệ Phương

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Cấp uỷ Chi bộ (*nay là Đảng Bộ*) Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An theo tinh thần cuộc họp ngày 19/5/2010 cũng như nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan và việc tổ chức các hoạt động khác tại các điểm bảo tàng di tích do cơ quan quản lý, trong hai ngày 25 và 26/5/2010, đoàn kiểm tra có 6 đồng chí gồm các thành viên trong Ban Thanh tra Nhân dân, đại diện BCH Công đoàn cơ quan, đại diện Bộ phận Hành chính - Tài vụ do đ/c Quảng Văn Quý làm trưởng đoàn đã tiến hành kiểm tra các hoạt động tại các Bảo tàng, Di tích. Qua kiểm tra, đoàn đã kịp thời nhắc nhở - chấn chỉnh những biểu hiện chưa tốt trong việc trực nhật, vệ sinh, đón tiếp khách, phòng cháy chữa cháy, trưng bày ấn phẩm ở một số điểm di tích. Đoàn kiểm tra cũng đã có những kiến nghị đến BGĐ và bộ phận Nghiệp vụ Bảo tàng tiếp tục nghiên cứu nâng cấp công tác trưng bày tại các bảo tàng nhằm thu hút khách đến tham quan các Bảo tàng, di tích ngày càng nhiều hơn●



Được sự thống nhất của Ban Thường vụ Thành uỷ Hội An và các ban xây dựng Đảng, Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An đã tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ 5, nhiệm kỳ 2010 - 2015 vào ngày 31/5/2010 tại Hội trường Trung tâm QLBT Di tích Hội An (*10B - Trần Hưng Đạo - Hội An*). Đại hội diễn ra trong 1 ngày, buổi sáng là đại hội trừ bị, buổi chiều là đại hội chính thức. Tham dự đại hội có đại diện của Ban Thường vụ Thành uỷ, các ban xây dựng Đảng, đại biểu các đảng bộ, chi bộ Phòng VH TT, Trung tâm VH TT, Đài Truyền thanh, Đội KTQT, Phòng QLĐT và phường Minh An, Cẩm Phô. Đại hội đạt kết quả tốt đẹp với sự đồng thuận, nhất trí cao của toàn thể đảng viên trong đơn vị. Kết quả bầu cử, các đồng chí Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Võ Đăng Phong, Lê Thị Tuấn, Quảng Văn Quý, Huỳnh Văn Hoà và Đỗ Thị Ngọc Uyển được bầu vào Ban

Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015, trong đó đồng chí Nguyễn Chí Trung được bầu là Bí thư, đồng chí Trần Văn An là Phó Bí thư. Ủy ban Kiểm tra của Đảng bộ gồm 3 đồng chí là Lê Thị Tuấn, Quảng Văn Quý và Lê Thị Diệu Hiền, trong đó Chủ nhiệm UBKT là đồng chí Lê Thị Tuấn●

Khảo sát, phát hiện một số nhà có giá trị về nghệ thuật

NV. Quản lý Di tích



Vào tháng 4, 5/2010, Bộ phận nghiệp vụ Quản lý Di tích đã tiến hành khảo sát trên địa bàn phường Thanh Hà, đã phát hiện thêm một số ngôi nhà có giá trị kiến trúc (*kiểu nhà 3 gian, hệ mái âm dương, hệ khung gỗ*) như nhà bà Kiều Thị Nay, nhà ông Kiều Thông, nhà ông Nguyễn Giàu ở khối II, phường Thanh Hà... Trong đó, nhà ông Nguyễn Giàu còn bảo lưu được kiểu dáng kiến trúc nhà 3 gian đặc trưng ở nông thôn, các chi tiết kiến trúc được chạm trổ sắc sảo cùng nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật. Bộ phận Quản lý Di tích sẽ tiếp khảo sát

thêm trên địa bàn các xã, phường khác, sau đó lập hồ sơ, làm báo cáo tham mưu cho Ủy ban Nhân dân thành phố xem xét, ra quyết định đưa những di tích có giá trị nghệ thuật cao vào danh mục các di tích được thành phố bảo vệ để tăng cường công tác quản lý, bảo tồn các di tích vùng ven Khu phố cổ Hội An●

Khảo sát, đánh giá tình trạng di tích

Hồng Việt

Thực hiện chương trình công tác của Trung tâm, trong tháng 4 vừa qua, Bộ phận Tu bổ Di tích đã chủ trì, phối hợp với Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích và UBND phường Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong tiến hành khảo sát, đánh giá tình trạng của các di tích trong khu phố cổ Hội An. Đây là một hoạt động thường niên của Trung tâm nhằm kịp thời nắm bắt mức độ xuống cấp của di tích để có biện pháp chống đỡ hạn chế nguy cơ đáng tiếc có thể xảy ra trong mùa mưa bão sắp đến. Qua khảo sát đã xác định 61 di tích đang bị xuống cấp với nhiều mức độ khác nhau, trong đó 28 di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng có nguy cơ sụp đổ. Nhiều di tích xuống cấp đã được chống đỡ từ các năm trước nhưng do kinh phí quá lớn nên chưa tu bổ. Đoàn khảo sát đã thống nhất chống đỡ thêm cho một số di tích và yêu cầu chủ di tích cam kết thực hiện phương án di dời khỏi di tích khi bão lụt xảy ra●

Khởi công tu bổ Lăng Bà - Cẩm An

Lê Xuân

Lăng Bà (còn gọi là lăng Ngũ Hành) là di tích tín ngưỡng thờ Ngũ Hành của cư dân thôn Phước Tân - xã Cẩm An cũ, nay thuộc khối Tân Mỹ - phường Cẩm An. Di tích đã qua nhiều



lần tu bổ, lần xưa nhất là vào năm 1842 (*Thiệu Trị nhị niên*) và lần gần đây nhất là năm 1994, nhưng do sự tác động của thiên nhiên nên di tích đã xuống cấp.

Vừa qua, căn cứ Quyết định số 38/QĐ-TCKH, ngày 26/02/2010 của phòng Tài chính - Kế hoạch về việc phê duyệt đầu thầu công trình tu bổ lăng Bà khối Tân Mỹ, phường Cẩm An và Quyết định số 280/QĐ-DT, ngày 11/5/2010 của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công xây lắp công trình tu bổ lăng Bà, khối Tân Mỹ, phường Cẩm An; Vào ngày 08/6/2010 (*nhằm ngày 26/4âl*) công trình đã chính thức được khởi công tu bổ. Tổng kinh phí đầu tư tu bổ được phê duyệt là 298.104.000đ từ nguồn ngân sách Thành phố. Chủ đầu tư là Trung tâm

Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An; Đơn vị giám sát là Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư TVC; Đơn vị thi công là Công ty Cổ phần Xây dựng Lục Phú Gia. Thời gian dự kiến hoàn thành là 115 ngày●

Hội thi thả diều

Văn Quý

Chiều ngày 12/6/2010, tại bãi biển Cửa Đại thành phố Hội An, khách sạn Victoria phối hợp với Trung tâm VHTT Thành phố tổ chức hội thi thả diều lần thứ 6. Hội thi lần này đã quy tụ 133 nghệ nhân đến từ nhiều câu lạc bộ diều nổi tiếng trong nước như: Câu lạc bộ diều Sài Gòn, Câu lạc bộ diều Phượng Hoàng - thành phố Hồ chí Minh, câu lạc bộ diều tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Câu lạc bộ diều Anh Vũ - thành phố Huế, Câu lạc bộ diều Sơn Phong thành phố Hội An...



So với các lần thi trước đây, năm nay số lượng số lượng diều được thả trong hội thi nhiều hơn, rất phong phú về cách thức thể hiện. Hàng ngàn du khách cùng nhân dân Hội An rất thích thú khi được chứng kiến các màn trình

diễn điều độc đáo của hàng trăm cách điều đủ loại hình dáng, kích thước, màu sắc sắc sảo, với các kỹ thuật bay lượn điều luyện cùng những âm thanh lạ vui tai được phát ra trong không trung từ những cánh điều.

Kết quả hội thi này, CLB điều Sài Gòn đã đạt được giải nhất với tác phẩm cách điệu “*Chú tôm càng*”. Ban tổ chức cũng đã trao 2 giải nhì cho các tác phẩm đàn điều “*Chim bay vẫy cánh*” (CLB điều tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) và tác phẩm “*Bạch tuộc*” (CLB điều thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài ra, còn có một số tác phẩm điều nữa cũng đã đạt được các giải thưởng khác từ Ban tổ chức●

Tham dự Hội thảo “Lồng ghép giá trị vào kế hoạch phát triển làng nghề thủ công cho phát triển bền vững”

Thanh Lương

Nhận lời mời của Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, Trung tâm QLBT Di tích Hội An đã cử đồng chí Trần Văn An - Phó Giám đốc Trung tâm tham dự hội thảo “*Lồng ghép giá trị vào kế hoạch phát triển làng nghề thủ công cho phát triển bền vững*” do Văn phòng UNESCO Hà Nội phối hợp với Cục Công nghiệp địa phương (Bộ Công nghiệp) tổ chức tại Hà Nội từ ngày 15/6 đến 17/6/2010. Tham dự hội thảo có đại diện của một số Bộ, Ban ngành trung ương, đại diện một số tổ chức của Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế, các nhà

tài trợ cho ngành thủ công Việt Nam, đại diện UBND Tỉnh, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hoá, Thông tin và Du lịch, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội thủ công và Ban Quản lý Khu di sản của 04 tỉnh có di sản thế giới ở Việt Nam. Đây là hội thảo nằm trong “*Dự án Khung chính sách cho ngành thủ công ở Việt Nam*”, tập trung vào các ngành nghề thủ công truyền thống ở 5 khu di sản thế giới, do Văn phòng UNESCO tại Hà Nội chủ trì thực hiện. Mục tiêu của hội thảo là nhằm xây dựng kế hoạch phát triển các làng nghề thủ công truyền thống cho phát triển bền vững tại các tỉnh có di sản thế giới. Hội thảo đã nghe các bài tham luận mang tính chuyên sâu về một số khái niệm và vai trò của tiểu thủ công nghiệp đối với quá trình phát triển nông thôn Việt Nam; Tiểu thủ công nghiệp gắn với văn hoá làng xã; Các giá trị, vai trò của các giá trị đối với quá trình phát triển; Lồng ghép giá trị vào kế hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp trong làng nghề và Xây dựng kế hoạch phát triển làng nghề●

Triển lãm “Bốn mùa vẫy gọi”

Thu Hà

Vào lúc 17giờ ngày 16/6/2010, tại Nhà triển lãm chuyên đề số 46 Nguyễn Thái Học - TP. Hội An, Lotus gallery - TP. Hồ Chí Minh và tác giả - Nghệ sĩ nhiếp ảnh Hoàng Thế Nhiệm đã khai mạc phòng triển lãm ảnh - sách ảnh với chủ đề “*Bốn mùa vẫy gọi*”. Triển lãm giới thiệu 30 bức ảnh cỡ lớn và 4 tập sách ảnh nghệ thuật “*Xuân - Hạ - Thu - Đông*” về phong cảnh bốn mùa của các vùng miền trong cả nước, trong đó có

Hội An. Đây là địa điểm thứ 3, sau Hà Nội và Huế, Lotus gallery và tác giả Hoàng Thế Nhiệm tổ chức triển lãm với chủ đề này. Triển lãm này là một hoạt động mang nhiều ý nghĩa, đem đến cho công chúng Hội An và du khách một dịp để thưởng lãm, chiêm ngưỡng vẻ đẹp bốn mùa của đất nước, của những nơi đã và chưa từng đến. Đợt triển lãm này kéo dài đến ngày 21/6/2010●

Tham dự “Chương trình bảo tồn di sản và phát triển du lịch 5 nước sông Mê Kông” tại Nhật Bản

Thanh Lương

Được sự thống nhất của UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Hội An, ông Võ Đăng Phong (*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An*) được cử tham dự “Chương trình bảo tồn di sản và phát triển du lịch 5 nước sông Mê Kông” trong khuôn khổ “Chương trình giao lưu thanh thiếu niên Đông Nam Á thế kỷ 21 (JENESYS)” tại Nhật Bản từ ngày 15 - 25/6/2010. Ngoài các hoạt động tham quan các khu phố cổ và các di tích tiêu biểu tại các thành phố Tokyo, Nara và Kyoto, các học viên còn được nghe các bài giảng về “Bảo tồn di sản văn hoá và phát triển du lịch ở Nhật Bản”, “Di sản văn hoá và các khu phố lịch sử”, “Phục hồi văn hoá truyền thống để giữ gìn phố cổ ở Tokyo”,

trường hợp nghiên cứu “*Làm thế nào cân bằng giữ bảo tồn di sản văn hoá và phát triển du lịch*” tại ISEJINGU và TAKAYAMA. Tham dự hội thảo Nhật Bản - Mekong về “*Giải pháp bảo vệ di sản văn hoá Nhật Bản - Mekong*” và “*Hợp tác giữa các chính quyền địa phương để cân bằng giữa bảo vệ di sản văn hoá và phát triển du lịch*” do các chuyên gia thuộc Viện nghiên cứu quốc gia về Tài sản Văn hoá tại Tokyo và Nara trình bày●

Hoàn trả hiện vật Bảo tàng

NV. Bảo tàng

Qua gần một năm (13/9/2009 - 02/5/2010), hiện vật Chum mộ bằng gốm và Khuyên tai ba mấu bằng thạch bích là những hiện vật có giá trị đặt trưng của nền văn hoá Sa Huỳnh được đưa đi trưng bày tại Hội Châu Á, Bảo tàng New York và Bảo tàng Nghệ thuật Houston tại Hoa Kỳ, nay được hoàn trả lại Bảo tàng Văn hoá Sa Huỳnh Hội An vào ngày 22/6/2010.

Đây là cuộc triển lãm với chủ đề trưng bày “*Nghệ thuật cổ Việt Nam - Từ Châu thổ ra Biển lớn*”. Việc tổ chức cuộc triển lãm này nhằm đẩy mạnh sự trao đổi văn hoá hữu nghị giữa các nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ bằng việc tổ chức trưng bày hiện vật nghệ thuật cổ Việt Nam.

Đây là điều kiện tốt để chúng ta giới thiệu quảng bá về nền văn hoá cổ đặc trưng ở miền Trung Việt Nam với bạn bè quốc tế●

Lễ an vị tại miếu Lục Vị

Phường Thanh Hà

Văn Quy

Sau gần 3 tháng triển khai thi công tu bổ và đến nay các hạng mục công trình tu bổ di tích cũng đã cơ bản hoàn thành, ngày 27/6/2010 (nhằm 16/5 năm Canh Dần), được sự thống nhất của UBND phường Thanh Hà, bà con dân xóm Thanh Chiếm đã tiến hành lễ An vị tại miếu Lục Vị.

Tham dự buổi lễ có đại biểu của UBND phường Thanh Hà, Trung tâm QLBT Di tích, đơn vị thi công cùng đông đảo bà con trong xóm Thanh Chiếm.

Buổi lễ An vị được tổ chức rất trang nghiêm theo nghi thức truyền thống bao gồm hai phần lễ chính. Phần thứ nhất là phần lễ tế tạ Âm linh và Thành Hoàng, phần thứ hai là lễ cúng Tẩy trần, An vị.

Miếu Lục Vị một trong những di tích kiến trúc nghệ thuật có giá trị của phường Thanh Hà được đầu tư tu bổ trong năm 2010 từ nguồn ngân sách của thành phố Hội An.

Hội An - Sôi động cùng World cup 2010

Hồng Việt

World cup 2010 đang diễn ra tại Nam Phi với 32 quốc gia của 5 châu lục tham gia đã thu hút sự quan tâm của

hàng tỷ người trên trái đất, tạo nên “không khí đặc biệt” khắp mọi nơi từ sân vận động - nơi diễn ra các trận cầu nảy lửa đến các hẻm phố ngõ làng. Tại Hội An, người dân phố Hội sông Hoài cũng chung tâm trạng “ăn - World Cup, ngủ - World Cup, làm - World Cup”. Đặc biệt, được sự thống nhất của UBND thành phố và sự tài trợ của các doanh nghiệp, Trung tâm Văn hoá Thể thao thành phố, Công ty Tân An Bình tổ chức nhiều hoạt động với chủ đề “Hội An - sôi động cùng World Cup 2010” để phục vụ nhu cầu thưởng thức, giải trí của nhân dân và du khách. Với màn hình 300 inches đặt tại sân Mặt trận thành phố và Quảng trường Sông Hoài tường thuật trực tiếp các trận cầu kết hợp với nhiều hoạt động giải trí đầy thú vị như thi hát Karaoke, dự đoán kết quả trận đấu... đã tạo thêm sắc màu, nhịp sống mới của Hội An những ngày vào hạ.

Đề xuất khen thưởng tập thể và cá nhân xuất sắc trong sự nghiệp phát triển du lịch 5 năm qua

Thanh Lương

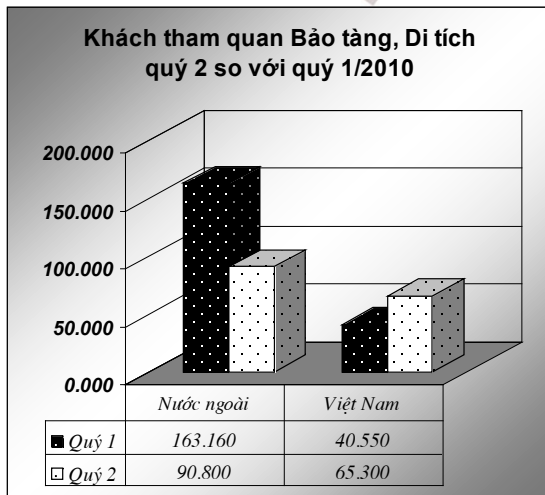
Để kịp thời khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác góp phần vào sự nghiệp phát triển du lịch của tỉnh Quảng Nam trong 5 năm qua, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã xét duyệt

và đề cử 29 tập thể và 34 cá nhân trong toàn tỉnh đề nghị Tổng Cục Du lịch khen thưởng, trong đó có tập thể Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An và cá nhân đồng chí Nguyễn Chí Trung. Việc trao thưởng sẽ được tổ chức tại Hội nghị kỷ niệm 50 năm thành lập Ngành Du lịch Việt Nam (09/7/1960 - 09/7/2010) của Tỉnh do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức vào tuần đầu tháng 7 này●

Tình hình khách tham qua các điểm di tích, bảo tàng

Lê Phương

Quý II năm 2010, các điểm di tích, bảo tàng do Trung tâm quản lý đã đón tiếp được 156.100 lượt khách tham quan, trong đó có 90.800 lượt khách quốc tế, 65.300 lượt khách nội địa. Như vậy, so với quý I, sau thời gian thực hiện phương án ô vé mở, lượng khách nước ngoài tham quan các điểm di tích, bảo tàng do Trung tâm quản lý giảm 44,6%, ngược lại lượng Việt Nam tăng 61%. Trong thời gian đến, để thu hút nhiều hơn nữa khách tham quan, Trung tâm sẽ đầu tư nâng cấp hệ thống trang



thiết bị trưng bày cũng như nâng cấp, bổ sung thêm hiện vật trưng bày và công tác hướng dẫn thuyết minh tại các điểm di tích, bảo tàng●

Nâng cấp trưng bày hiện vật Bảo tàng Lịch sử Văn hóa

Văn Hòa

Được sự chỉ đạo, thống nhất của Ban Giám đốc và Hội đồng chuyên môn, Bộ phận Nghiệp vụ Bảo tàng đã mời các chuyên gia giám định cổ vật gồm ông Nguyễn Chiêu - Trường Đại học Khoa học XH&NV Hà Nội và ông KiKuChi - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản tiến hành giám định niên đại một số hiện vật gồm Trung Quốc và Nhật Bản đang được trưng bày tại Bảo tàng LSVH. Từ kết quả giám định, Tổ Nghiệp vụ Bảo tàng đã triển khai kế hoạch trưng bày, chọn lựa lại hiện vật đã giám định và bổ sung thêm hiện vật cùng thời để nâng cấp bố trí trưng bày hiện vật theo giai đoạn (*thời Đại Việt*) và nâng cấp trưng bày bổ sung hiện vật gồm, đồ trang sức, đồ kim loại của thời kỳ Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An.

Thời kỳ Văn hóa Sa Huỳnh: Gồm 23 hiện vật và mảnh tiền đồng Ngũ Thù, Vương Mãng (*bổ sung 01 chiếc khuyên tai 3 mẫu bằng đá, 01 đồng tiền Ngũ Thù, chuỗi hạt cườm và một số hiện vật gốm: 01 đèn, 01 cốc và 01 nồi nhỏ loe miệng. Hiện vật bổ sung được chuyển đến từ Bảo tàng VHSH và do*

Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích sưu tầm).

Thời Đại Việt thế kỷ XV - XIX:

* Tủ hiện vật gồm Việt Nam - Trung Quốc - Nhật Bản: 08 hiện vật gồm Chu Đậu vớt biển CLC và 14 tiền đồng cổ của Việt Nam (*bổ sung 01 đĩa, 01 bát, 01 bình rượu, 01 ly, 02 hộp phấn, 02 lọ. Hiện vật bổ sung được xuất từ kho cơ quan*); 04 hiện vật gồm và 03 mảnh tiền đồng cổ của Trung Quốc (*bổ sung 01 đĩa, 01 bát và 01 mảnh bát. Hiện vật bổ sung được chuyển đến từ Bảo tàng Gốm Sứ Mậu Dịch*); 05 hiện vật Nhật Bản (*bổ sung 01 đĩa, 01 đĩa nhỏ. Hiện vật bổ sung được chuyển đến từ Bảo tàng Gốm Sứ Mậu Dịch*).

* Tủ hiện vật gồm Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX: 07 hiện vật (*bổ sung 01 hũ hình trụ, 01 cối nhỏ, 01 siêu sắc thuốc, 01 chén, 01 bát loe miệng, 01 nôi. Hiện vật bổ sung do Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích sưu tầm*).

* Tủ hiện vật gồm Trung Quốc thế kỷ XVIII - XIX: 10 hiện vật (*bổ sung 01 bình rượu quả bầu, 01 mảnh bát và 01 bát. Hiện vật bổ sung do Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích sưu tầm*)●

Phát hành sách

lịch sử cách mạng

Hoàng Vinh

Nhân kỷ niệm 35 năm ngày quê hương Hội An và miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chào mừng đại hội Đảng bộ thành phố Hội An lần thứ 16, được sự thống nhất chủ trương của Ban Thường vụ Thành ủy Hội An, Ủy ban

Nhân dân thành phố cùng sự chỉ đạo nội dung của Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn đã xuất bản cuốn sách *Những hình ảnh về lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Hội An giai đoạn 1930 - 1975*. Đồng thời Đảng bộ phường Cẩm An và Đảng bộ xã Cẩm Kim đã cho phát hành 2 cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm An giai đoạn 1930 - 1975* (do đồng chí Phùng Tấn Vinh, Võ Văn Trung biên soạn), *Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Kim giai đoạn 1930 - 1975* (do đồng chí Trương Hoàng Vinh biên soạn). Các ấn phẩm này được biên soạn công phu, khoa học, có tính mỹ thuật cao, tạo thêm một nguồn tư liệu lịch sử quý phục vụ công tác nghiên cứu, phát huy giá trị văn hóa cách mạng trong các thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước ở Hội An và các địa phương trực thuộc thành phố●

Sinh hoạt chuyên đề

Hồng Việt



Nhằm tạo diễn đàn trao đổi nâng cao sự hiểu biết và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên

của Trung tâm, được sự thống nhất của BGD, bên cạnh việc biên tập và phát hành bản tin nội bộ theo quý, Hội đồng chuyên môn cơ quan đã chủ trì tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề định kỳ hằng tháng. Trong quý II đã tổ chức 2 buổi sinh hoạt chuyên đề với nội dung liên quan đến Khu Dự trữ Sinh quyển Cù Lao Chàm và những vấn đề của công tác bảo tồn khu phố cổ Hội An. Trong buổi sinh hoạt, các cán bộ nhân viên Trung tâm tham gia thảo luận các vấn đề đặt ra một cách sôi nổi, hào hứng. Dự kiến, tháng 7 - 2010 sẽ tổ chức sinh hoạt chuyên đề về di tích Chùa Cầu●

Nâng cấp một số tuyến đường trong Khu phố cổ Hội An

Hồng Việt

Sau một thời gian dài bị “giải phẫu” để lắp đặt, xây dựng các hạng mục của hệ thống thu gom nước thải, điện, cáp điện thoại, truyền hình... và thoát nước, vào những ngày giữa tháng 6 năm 2010, một số tuyến đường trong khu phố cổ Hội An như đường Tiểu La, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thái Học, Bạch Đằng, Lê Lợi đã được các đơn vị thi công hoàn trả mặt bằng và thảm lại lớp nhựa mới theo dự án Tôn tạo cơ sở hạ tầng khu phố cổ Hội An. Đây là những tuyến đường chính của khu phố cổ Hội An, được hình thành gắn với quá hình thành và phát triển của đô thị thương cảng Hội An trong lịch sử.

Việc nâng cấp các tuyến đường này tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của cư dân và nhu cầu tham quan

thường ngoạn khu phố cổ Hội An của du khách●

Công tác Tư vấn

Thông tin Di sản - Quý II

Thu Hà

Trong quý II năm 2010, Văn phòng Lưu trữ Tư vấn & Thông tin Di sản đã đón tiếp và tư vấn thông tin về di sản văn hóa Hội An cho 32 lượt khách, trong đó có 5 lượt khách nước ngoài. Số lượng khách đến văn phòng vẫn chủ yếu là sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trong nước có nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu về Hội An để phục vụ các đề tài thực tập tốt nghiệp, bên cạnh đó cũng có một số khách du lịch nước ngoài tìm hiểu các thông tin về du lịch Hội An. Trong thời gian đến, Văn phòng sẽ tiếp tục bổ sung thêm tư liệu để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của nhân dân và du khách.

Công tác của bộ phận

NV. Quản lý Di tích - Quý I

NV. Quản lý Di tích

Trong quý II vừa qua, về công tác sự vụ, chuyên môn nghiệp vụ, bộ phận NV. Quản lý Di tích đã thực hiện một số công việc sau:

* Công tác nghiên cứu khoa học:

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề với nội dung về Khu dự trữ Sinh quyển Cù

Lao Chàm và Các vấn đề liên quan đến côn tác bảo tồn.

- Hoàn thành thủ tục đăng ký thực hiện 03 đề tài cấp Thành phố “*Sưu tầm biên soạn sách địa chí Hội An*”, “*Nghiên cứu, phục hồi nghề sản xuất gạch ngói truyền thống ở Thanh Hà*”, “*Điều tra sự thay đổi của di tích trong KPC Hội An*”.

Khảo sát viết lý lịch di tích: Nhà thờ tộc Võ Văn - Thanh Hà, Lăng Bà - Cẩm An, Nhà ông Trương Kim Sen - Cẩm Kim.

*** Công tác quản lý:**

- Khảo sát, báo cáo di tích vùng ven đề phòng chống lụt bão.

- Phối hợp khảo sát phòng chống lụt bão trong Khu phố cổ.

- Hoàn thành việc ký biên bản khoanh vùng bảo vệ cho 06 di tích đề nghị xếp hạng cấp Tỉnh.

- Khảo sát, theo dõi tu bổ di tích lăng Bà - khối Tân Mỹ - Cẩm An và mộ ông Trần Chương Cơ - Thôn 4 - Cẩm Thanh.

- Khảo sát viết báo cáo mộ cổ ở khối Sơn Phô 1 - Cẩm Châu; Mộ tộc Ngô ở khối 5A - Cẩm Phô; Miếu Ngũ Hành ở chùa Vạn Đức.

- Khảo sát các di tích nhà ở có giá trị (chưa nằm trong danh mục) tại phường Thanh Hà để lập danh mục đề nghị UBND Thành phố đưa vào danh mục bảo vệ.

*** Công tác khác:**

- Phát hành sách “Hội An qua các hình ảnh tư liệu về lịch sử đấu tranh cách mạng Hội An”.

- Làm tư liệu về các sự kiện văn hoá - xã hội trên địa bàn Thành phố (*đã chụp và nhập lưu 200 ảnh chụp, quay phim 02 sự kiện*).

- Tiếp nhận, giải quyết và ban hành 2 văn bản●

Công tác của bộ phận

NV. Tu bổ Di tích - Quý II

Quỳnh Phương

Căn cứ nhiệm vụ được phân công, trong quý II - 2010, Bộ phận Tu bổ Di tích đã tiếp nhận 110 lượt hồ sơ xin phép xây dựng trong khu phố cổ (*Khu vực I: 31, Khu vực IIA: 33, Khu vực IIB: 46*) và 15 hồ sơ quý I chuyển qua (*Khu vực I: 05, Khu vực IIA: 09, Khu vực IIB: 01*).

Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét hồ sơ, Bộ phận đã trình BGĐ tham mưu cho UBND Thành phố cấp phép 81 hồ sơ (*Khu vực I: 31, Khu vực IIA: 24, Khu vực IIB: 26*); Đã hướng dẫn và gửi lại cho công dân 31 hồ sơ (*Khu vực I: 04, Khu vực IIA: 14, Khu vực IIB: 13*); Đang thụ lý và giải quyết 13 hồ sơ (*Khu vực I: 1, Khu vực IIA: 05, Khu vực IIB: 08*).

Bên cạnh đó, Bộ phận đã phối hợp với UBND các phường thường xuyên kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng, sửa chữa, tu bổ, tôn tạo di tích/nhà ở trong dân. Tiếp nhận các biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự xây dựng đô thị và đã thụ lý trình BGĐ tham mưu cho UBND Thành phố ra quyết định xử phạt một số trường hợp. Ngoài ra, bộ phận còn phụ trách công tác tiếp công dân, trả lời đơn cho các tổ chức, công dân và tham mưu trả lời đơn công dân cho UBND Thành phố●

Hoạt động Công đoàn

6 tháng đầu năm

Tuyết Phi

Trong 6 tháng đầu năm Công đoàn Trung tâm đã thực hiện những công việc sau:

- Tổ chức Hội nghị CNVC-LĐ năm 2010.

- Tổng kết cuộc vận động xây dựng người CB-CC-VC “Trung thành - Sáng tạo - Tận tụy - Gương mẫu”.

- Đóng góp 2 phần quà để tặng hộ nghèo nhân dịp tết Nguyên đán 2010

- Tham gia Hội thi gói bánh tét tặng người nghèo.

- Bình xét phụ nữ 2 giỏi “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” đề nghị Tổng LĐLĐ và LĐLĐ Thành phố khen.

- Tổ chức sinh hoạt kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3/2010.

- Tham gia dự lễ kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng Hội An.

- Tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến 5 năm (2005 - 2009).

- Tổ chức sinh hoạt cho các cháu nhân ngày quốc tế thiếu nhi 1/6/2010

- Đóng góp xây dựng quỹ “Mái ấm công đoàn”.

- Xét chọn đề LĐLĐ thành phố khen thưởng các cháu có hoàn cảnh khó khăn vượt khó, học khá giỏi năm học 2009 - 2010 (2 cháu).

- UBKT tổ chức kiểm tra các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm quản lý.

Trong thời gian đến, Công đoàn Trung tâm sẽ phát động đăng ký thực hiện sản phẩm thi đua, tham gia Hội thi “Cán bộ công đoàn giỏi ” năm 2010●

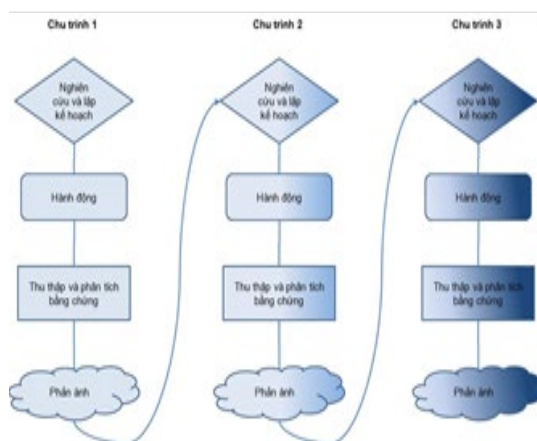
BẠN CẦN BIẾT

Cấu trúc của một chương trình nghiên cứu hành động có sự tham gia

(Participatory Action Research)

Ngọc Uyển

Nghiên cứu hành động có sự tham gia (PAR) là một hình thức nghiên cứu nhằm đạt được sự hiểu biết và hành động trong cùng một thời gian, thông qua việc sử dụng một chu trình luân chuyển giữa hành động và phản ánh thực tế kết hợp với việc liên tục cải thiện phương pháp, số liệu và việc diễn giải số liệu ở chu trình sau khi sự hiểu biết ngày càng được củng cố dựa trên những chu trình trước.



PAR là một phương pháp mang tính khoa học bởi nó làm thay đổi hiện tượng, sự vật và quan sát tác động của sự thay đổi đó qua một quá trình nghiên cứu các bằng chứng một cách có hệ thống. Kết quả của PAR mang tính

thực tế, phù hợp và có thể đóng góp vào việc phát triển lý thuyết. PAR khác với các loại hình nghiên cứu khác ở chỗ nó không chú trọng nhiều đến tính khái quát của kết quả nghiên cứu mà vào sự phù hợp của kết quả nghiên cứu đối với người nghiên cứu và những người liên quan. Phản ánh thực tế một cách có phê bình là điểm cốt lõi của PAR. Khi sự phản ánh này dựa trên việc nghiên cứu các bằng chứng một cách cẩn thận từ nhiều góc độ khác nhau thì nó có thể tạo ra một chiến lược có hiệu quả trong việc cải thiện tình hình thực tế.

Sau khi được tham gia lớp tập huấn do UBQG Con người và Sinh quyền (MAB) tổ chức, tôi đã tiếp thu PAR và mong được với chia sẻ với các đồng nghiệp để tham khảo, áp dụng khi cần thiết.

Để xác định được những vấn đề cần nghiên cứu, người nghiên cứu nên nhận diện được các vấn đề đang còn hạn chế, khó khăn cần phải giải quyết. Sau đó sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và chọn ra chủ đề cần nghiên cứu. Các bước nghiên cứu gồm các phần sau:

⊗ **Phân giới thiệu**

Phần này giới thiệu sơ bộ về bối cảnh, những vấn đề chung dẫn đến nhu cầu cần tiến hành nghiên cứu. Một số thông tin về vùng nghiên cứu và nội dung nghiên cứu cũng có thể được đưa vào trong phần giới thiệu.

⊗ **Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu cần được trình bày rõ ràng bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu. Mục tiêu nghiên cứu cũng có thể được trình bày dưới dạng câu hỏi. Mỗi

chương trình nghiên cứu nên chỉ có một mục tiêu nghiên cứu. Nếu có 2 mục tiêu nên chuyển thành 2 chương trình.

Mục tiêu nghiên cứu cần được biện minh bởi cơ sở và những đóng góp của nghiên cứu cho thực tiễn và lý thuyết.

- Cơ sở thực tiễn: Trình bày những vấn đề phát triển hiện tại, những việc đã và đang được thực hiện để giải quyết vấn đề và những đóng góp mong đợi từ nghiên cứu.

- Cơ sở lý thuyết của nghiên cứu: những tài liệu có liên quan, tóm tắt những ý chính và đóng góp mong đợi từ nghiên cứu.

⊗ **Khung phân tích**

Khung phân tích là một sơ đồ mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu nên xem xét những vấn đề gì và xem xét như thế nào. Nó giúp người nghiên cứu xác định những vấn đề phù hợp và cần tập trung vào trong quá trình nghiên cứu để tránh tập trung dàn trải. Khung nghiên cứu còn là đầu mối liên kết giữa cơ sở lý thuyết với thực tiễn nghiên cứu.

Khung phân tích được xác định dựa trên mục tiêu nghiên cứu, cơ sở thực tiễn và cơ sở lý thuyết. Các bước chính để xây dựng khung phân tích gồm:

- Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu, thực tiễn và lý thuyết, xác định các biến số mà nghiên cứu cần tìm hiểu/làm rõ.

- Sắp xếp các biến số chính này lại với nhau theo mỗi quan hệ: nguyên

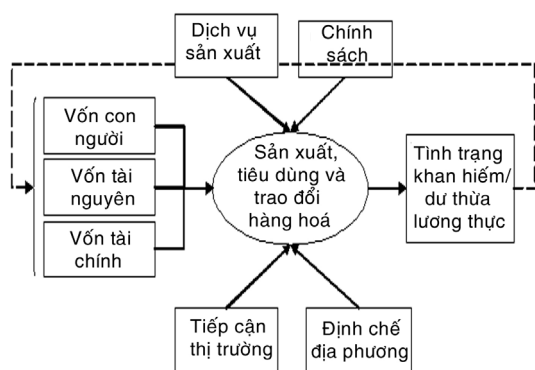
nhân - kết quả, tác động ảnh hưởng, tác động tương đồng hoặc phụ thuộc vào nhau.

- Bổ sung các biến số khác vào khung nếu thiếu

- Kiểm tra sự liên kết/mối quan hệ giữa các biến

Cần nhớ rằng, khung nghiên cứu cần được coi là một tài liệu sống. Nó cần được xây dựng trước khi tiến hành nghiên cứu nhưng sẽ được điều chỉnh trong quá trình nghiên cứu.

Ví dụ minh họa:



⊗ Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu đóng vai trò định hướng cho quá trình nghiên cứu. Một câu hỏi nghiên cứu tốt sẽ giúp người nghiên cứu xem xét vấn đề một cách sát sao và thu thập các thông tin/dữ liệu/bằng chứng để xác định câu trả lời hữu ích. Câu hỏi nghiên cứu cần phản ánh đầy đủ nội dung khung phân tích và mục tiêu nghiên cứu.

Trong nghiên cứu hành động, cần tránh những câu hỏi nghiên cứu như sau:

- Câu hỏi đã có câu trả lời và mục đích của người nghiên cứu là chứng minh điều đó. Những câu hỏi như vậy

có thể tốt cho mục đích đánh giá nhưng không phải là cho PAR bởi PAR là một loại hình nghiên cứu mong muốn học hỏi từ các hiện tượng, sự vật chứ không phải minh chứng một giả thuyết có sẵn.

- Câu hỏi dẫn đến câu trả lời là “Có/không” hoặc “Đúng/sai”. Những câu hỏi như vậy thường là cho người nghiên cứu ít quan tâm đến sự đa dạng của bối cảnh nghiên cứu và đặc biệt là mối quan hệ qua lại trong thực tế.

- Câu hỏi nghiên cứu có thể được trả lời qua tổng quan tài liệu thứ cấp. Những câu hỏi như vậy có thể thấy trong những nghiên cứu tổng quan. Tuy nhiên, những câu hỏi đó chưa phản ánh chu trình luân chuyển giữa hành động nghiên cứu và phản ánh thực tế.

⊗ Chỉ số và chọn mẫu điều tra

Từ các biến số trong khung phân tích, cần xác định các chỉ số để dựa trên đó thu thập các thông tin trả lời câu hỏi nghiên cứu. Việc xây dựng chỉ số là quá trình chuyển từ trừu tượng (*các biến số phản ánh mục tiêu nghiên cứu*) sang cụ thể (*những số liệu nào cần thu thập*).

Chỉ số có thể mang tính định lượng hoặc định tính. Một chỉ số tốt cần thể hiện những tính chất sau: Được xác định một cách rõ ràng, chính xác, không trùng lặp/chồng chéo, có thể thu thập số liệu.

Để tiện cho việc xây dựng công cụ thu thập số liệu ở bước sau, có thể tập hợp các chỉ số định tính và định lượng thành hai danh mục riêng biệt. Mẫu điều tra cần đảm bảo tính đại diện cho

vùng nghiên cứu. Việc chọn mẫu được tiến hành theo nhiều cấp: huyện, xã, thôn, hộ, cá nhân, tổ chức. Hai vấn đề sau cần lưu ý trong quá trình chọn mẫu: Xác định số lượng và tỷ lệ phần trăm mẫu điều tra cần chọn; Xây dựng tiêu chí lựa chọn (*chọn ngẫu nhiên hay chọn có chủ định*)

⊗ Các công cụ thu thập số liệu

Có nhiều loại công cụ thu thập số liệu khác nhau có thể áp dụng trong PAR, trong đó bao gồm những công cụ sau:

- Phỏng vấn: cá nhân, người cung cấp thông tin chủ chốt, nhóm.
- Quan sát trực tiếp ngoài hiện trường hoặc tại cộng đồng.
- Số liệu thống kê
- Điều tra hộ gia đình
- Lập bản đồ có sự tham gia của cộng đồng

Việc lựa chọn công cụ thu thập số liệu phụ thuộc vào biến số và chỉ số cần thu thập. Trong quá trình thiết kế nghiên cứu, có thể chọn hai hoặc hơn hai công cụ thu thập thông tin cho một biến số/chỉ số để kiểm tra chéo độ chính xác của thông tin. Tuy nhiên cần chú ý tới chi phí phải bỏ ra để kiểm tra chéo thông tin. Ngoài ra, để đảm bảo thu thập thông tin cần thiết cho tất cả các biến số/chỉ số, cần hệ thống hoá các biến số/chỉ số và kỹ thuật thu thập số liệu:

Biến số	Chỉ số	Kỹ thuật/công cụ thu thập số liệu
Biến số 1	Chỉ số 1	Công cụ 1, công cụ 2
	Chỉ số 2	Công cụ 2, công cụ 3

⊗ Các công cụ phân tích số liệu

Tương tự như công cụ thu thập số liệu, có nhiều loại công cụ phân tích thông tin khác nhau có thể sử dụng trong quá trình nghiên cứu để giúp người nghiên cứu thiết lập mối quan hệ giữa các biến số, bao gồm:

- Công cụ phân tích định tính: Lược bỏ thông tin phụ, tập trung vào thông tin chính; Tóm tắt thông tin; Ví dụ điển hình; Lập ma trận tương quan; Lập bảng, biểu.

- Công cụ phân tích định lượng: Phân tích thống kê đơn giản (*tóm tắt số liệu, phân tích tương quan, sử dụng bảng biểu*) và phân tích hàm đa biến.

⊗ Kết quả mong đợi

Kết quả mong đợi là những gì nghiên cứu mong muốn đạt được một cách cụ thể, bao gồm: báo cáo nghiên cứu, cơ sở dữ liệu, bản đồ, bản tin, poster,...

⊗ Nhóm nghiên cứu

Mô tả các thành viên của nhóm nghiên cứu, kiến thức chuyên gia, vai trò và đóng góp của từng người cho nhóm.

⊗ Thời gian và nguồn lực cần thiết

Xác định khung thời gian của nghiên cứu và những nguồn lực cần thiết.

- Thời gian tham gia của từng thành viên trong nhóm nghiên cứu
- Nhân lực bổ sung (*điều tra viên, phiên dịch, hậu cần,...*)
- Hỗ trợ cần thiết về hành chính, thủ tục,...

- Chi phí

✿ Kế hoạch công việc

Kế hoạch công việc trong nghiên cứu cần trả lời câu hỏi Ai? Làm gì? Khi nào? và sẽ cho ra thành phẩm gì? Kế hoạch công việc cần được tóm tắt thành một bảng liệt kê về mặt thời gian tiến trình thực hiện nghiên cứu.

Tên hoạt động	Thời gian	Chịu trách nhiệm	Giúp đỡ từ	Thành quả mong đợi

✿ Tài liệu tham khảo

Liệt kê các tài liệu tham khảo theo thứ tự ABC họ tên tác giả. Nếu có nhiều hơn một tài liệu tham khảo từ cùng một tác giả thì liệt kê tài liệu từ cũ đến mới. Chỉ liệt kê những tài liệu được trích dẫn trong đề cương ●

Các khu dự trữ sinh quyển thế giới ở Việt Nam

St. Thanh Lương

Cùng với việc Cù Lao Chàm (*Hội An - Quảng Nam*) và Mũi Cà Mau (*tỉnh Cà Mau*) vừa được Tổ chức UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới năm 2009, Việt Nam đã có 8 Khu dự trữ sinh quyển thế giới, đứng đầu

khu vực Đông Nam Á về số lượng Khu dự trữ sinh quyển thế giới tính đến thời điểm hiện nay. Xin giới thiệu khái quát về 8 Khu dự trữ sinh quyển thế giới của đất nước ta:

1. Khu Dự trữ Sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ - TP. Hồ Chí Minh (*được công nhận năm 2000*):

Khu Dự trữ Sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ - TP. Hồ Chí Minh, còn gọi là Rừng Sác (*diện tích 75.740 ha*) là một quần thể gồm các loài động, thực vật rừng trên cạn và thủy sinh, được hình thành trên vùng châu thổ rộng lớn của các cửa sông Đồng Nam, Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây. Đây là khu rừng ngập mặn với một quần thể động thực vật đa dạng, trong số đó nổi bật là đàn khỉ đuôi dài cùng nhiều loài chim, cò. Rừng ngập mặn Cần Giờ được đánh giá là khu rừng được khôi phục, chăm sóc, bảo vệ thuộc loại tốt nhất ở Việt Nam và toàn thế giới; là địa điểm lý tưởng phục vụ cho việc nghiên



cứu khoa học, du lịch sinh thái.

2. Khu Dự trữ Sinh quyển Cát Tiên (được công nhận năm 2003): Khu Bảo tồn thiên nhiên Cát Tiên (diện tích 71.920 ha) nằm trên địa bàn các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu (Đồng Nai), Cát Tiên, Bảo Lộc (Lâm Đồng) và Bù Đăng (Bình Phước), cách TP. Hồ Chí Minh 150km về phía Bắc. Vườn Quốc gia Cát Tiên có đặc trưng là rừng đất thấp ẩm ướt nhiệt đới, với khoảng 50% diện tích là rừng cây xanh, 40% là rừng tre, 10% là nông trại. Động vật đặc trưng có tê giác Java một sừng, voi Châu Á, bò tót, gấu chó, gấu ngựa, trâu rừng, hổ, báo hoa mai, báo gấm, nai... Các loài chim của Cát Tiên cũng phong phú đa dạng: đại bàng đen, vịt trời cánh trắng, chim mỏ sừng lớn,... Cát Tiên là nơi cư ngụ của 40 loài nằm trong Sách đỏ thế giới.

3. Khu Dự trữ Sinh quyển Cát Bà - TP. Hải Phòng (được công nhận năm 2004): Quần đảo Cát Bà là quần thể gồm 367 đảo, trong đó có đảo Cát Bà ở phía Nam vịnh Hạ Long, thuộc huyện đảo Cát Hải - TP. Hải Phòng. Trên đảo chính Cát Bà có rừng nguyên sinh trên núi đá vôi, nơi đang được đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái. Tổng diện tích Khu Dự trữ Sinh quyển Cát Bà rộng hơn 26.000ha, với 2 vùng lõi, 2 vùng đệm và 2 vùng chuyển tiếp. Khu Dự trữ Sinh quyển Cát Bà là vùng hội tụ đầy đủ cả rừng mưa nhiệt đới trên



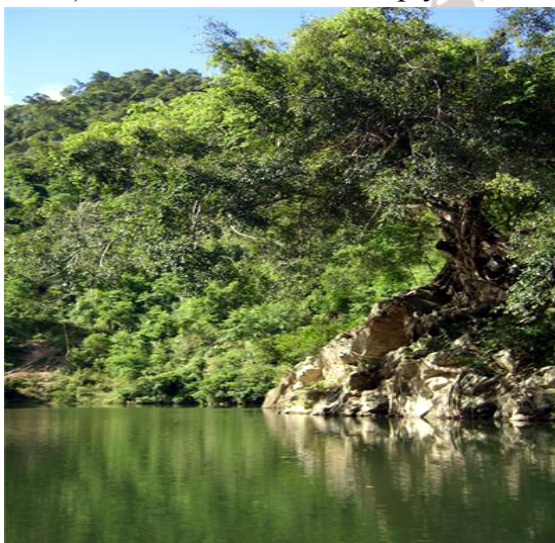
đảo đá vôi, rừng ngập mặn, các rạn san hô, thảm rong và đặc biệt là hệ thống hang động. Nơi đây có gần 60 loài được đưa vào Sách đỏ Việt Nam.

4. Khu Dự trữ Sinh quyển châu thổ sông Hồng (được công nhận năm 2004): Có tổng diện tích hơn 105.558 ha, đây là khu dự trữ sinh quyển đất ngập nước ven biển thuộc 3 tỉnh châu thổ sông Hồng là Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình; chứa đựng nhiều tiềm năng về du lịch sinh thái, tham quan và tìm hiểu về thế giới tự nhiên. Khu vực có khoảng 200 loài chim, trong đó có gần 60 loài chim di cư, hơn 50 loài chim nước. Nhiều loài quý hiếm được ghi trong Sách đỏ thế giới như cò thìa, mòng biển, rẽ mỏ thìa, cò trắng bắc,... Sinh cảnh đặc sắc nơi đây là những cánh rừng ngập mặn rộng hàng ngàn héc ta, đầm lầy mặn, bãi bồi ven biển và cửa sông.

5. Khu Dự trữ Sinh quyển biển Kiên Giang (được công nhận năm

2006): Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang (diện tích hơn 1,1 triệu ha) trùm lên địa phận các huyện Phú Quốc, An Minh, Vĩnh Thuận, Kiên Lương và Kiên Hải. Khu Dự trữ Sinh quyển biển Kiên Giang có ba vùng lõi thuộc Vườn Quốc gia U Minh Thượng, Vườn Quốc gia Phú Quốc và Rừng phòng hộ ven biển Kiên Lương - Kiên Hải. Khu Dự trữ Sinh quyển biển Kiên Giang là nơi tập trung nhiều hệ sinh thái rừng nhiệt đới: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh; Hệ sinh thái rừng trên núi đá; Hệ sinh thái rừng ngập chua phèn; Hệ sinh thái rừng ngập mặn; Hệ sinh thái rù bụi ven biển; Hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển.

6. Khu Dự trữ Sinh quyển miền Tây Nghệ An (được công nhận năm 2007): Khu Dự trữ Sinh quyển miền



Tây Nghệ An có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á với tổng diện tích

1.303.285ha; là hành lang xanh kết nối 3 vùng lõi gồm: Vườn quốc gia Pù Mát, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống và Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt. Trong số gần 2.500 loài thực vật bậc cao có mặt tại khu vực này, thì có gần 2.000 loài thuộc nhóm chồi trên mặt đất chiếm tỷ lệ 74%, là yếu tố chủ đạo cấu thành nên hệ sinh thái rừng nhiệt đới và á nhiệt đới gió mùa ở Việt Nam. Khu hệ động vật hiện có 130 thú lớn, nhỏ, 295 loài chim, 54 loài lưỡng cư và bò sát, 84 loài cá, 39 loài dơi, 305 loài bướm, 14 loài rùa, hàng ngàn côn trùng khác. Khu Dự trữ Sinh quyển miền Tây Nghệ An có tính đa dạng sinh học rất cao, đại diện cho hầu hết các kiểu rừng của rừng mưa nhiệt đới, các sinh cảnh sống rất đa dạng bao gồm: núi, đất ngập nước, suối và sinh cảnh khác.

7. Khu Dự trữ Sinh quyển Mũi Cà Mau (được công nhận năm 2009): Cà Mau là tỉnh thuộc châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long, nằm về phía cực Nam của Việt Nam, hình dạng giống chữ V, như một bán đảo có 3 mặt giáp biển. Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía đông bắc giáp tỉnh Bạc Liêu, phía đông và đông nam giáp biển Đông, phía Tây giáp với vịnh Thái Lan. Diện tích tự nhiên 5.211 km², địa hình bằng phẳng thuần nhất là đồng bằng, đất đai phì nhiêu, sông ngòi chằng chịt. Hàng năm ở phía Tây vùng mũi Cà Mau bồi



ra biển trên 50m. Ngoài biển có đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc. Khí hậu Cà Mau ôn hoà thuộc vùng cận xích đạo, nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa mưa nắng rõ rệt, không bị ảnh hưởng của lũ và ít có bão. Khu Dự trữ Sinh quyển Mũi Cà Mau có diện tích 371.506 ha với 3 vùng: Vùng lõi 17.329ha, vùng đệm 43.309ha và vùng chuyển tiếp 310.868ha. Nơi đây có nhiều hệ sinh thái đặc trưng điển hình như: hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái đất ngập nước than bùn, hệ sinh thái biển,... Sự độc đáo của Khu Dự trữ Sinh quyển Mũi Cà Mau là vùng sinh thái Bãi Bồi, rừng ngập mặn Cà Mau, vùng ngập lợ rừng tràm U Minh Hạ, vùng sinh sản thủy sản ven biển Tây. Do những đặc trưng trên, nên

vùng đất là có nhiều vùng sinh quyển độc đáo như Vườn quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn quốc gia U Minh Hạ, Rừng đặc dụng phòng hộ ven biển,...

8. Khu Dự trữ Sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An (được công nhận năm 2009): Về hành chính, Cù Lao Chàm là xã đảo Tân Hiệp, thuộc thành phố Hội An (Quảng Nam). Cù Lao Chàm có một thảm thực vật, động vật trên núi dưới biển vô cùng phong phú, mà trong đó hiện có tới hàng trăm loài động thực vật thuộc diện Sách đỏ của Việt Nam và thế giới, có những loài duy nhất thấy ở Cù Lao Chàm. Cù Lao Chàm là một di tích văn hoá lịch sử gắn với sự hình thành và phát triển của một đô thị thương cảng Hội An. Đây còn là một địa điểm du lịch có khí hậu quanh năm mát mẻ, hệ động thực vật phong phú, đặc biệt là nguồn hải sản và nguồn tài nguyên yến sào. Các rạn san hô ở khu vực biển Cù Lao Chàm cũng được các nhà khoa học đánh giá cao và đưa vào danh sách bảo vệ ●



Danh mục di tích được xếp hạng

TV. Quản lý Di tích

TT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA CHỈ	NĂM CẤP BẰNG
I	CẤP QUỐC GIA		
	Theo Quyết định số 506-VH-QĐ ngày 19/3/1985 của Bộ Văn hoá		
1	Khu phố cổ Hội An	Thành phố Hội An	1985
2	Hội quán Phúc Kiến	46 - Trần Phú	1990
3	Lai Viễn Kiều (Chùa Cầu)	Cuối đường Trần Phú	1900
4	Nhà cổ Tấn Ký	101 - Nguyễn Thái Học	1990
5	Chùa Quan Âm (Bảo tàng LS-VH)	07- Nguyễn Huệ	1991
6	Quan Công Miếu (Chùa Ông)	24 - Trần Phú	1991
7	Nhà thờ tộc Phan Xuân	Thôn Phước Thắng – Cẩm Kim	1991
8	Đình Cẩm Phô	52 - Nguyễn Thị Minh Khai	1991
9	Đình Sơn Phong	78 - Nguyễn Duy Hiệu	1991
10	Đình Đế Võng	Khối Sơn Phô - Cẩm Châu	1991
11	Chùa Chúc Thánh	Khối Xuân Mỹ - Tân An	1991
12	Chùa Phúc Lâm	Cẩm Hà	1991
13	Chùa Vạn Đức (Chùa Cây Cau)	Cẩm Hà	1991
14	Chùa Viên Giác (Cẩm Lý Tự)	Khối 1 - Cẩm Phô	1991
15	Mộ ông Banjiro	Khối Trường Lệ - Cẩm Châu	1991
16	Mộ ông Yajirobei	Khối Trường Lệ - Cẩm Châu	1991
17	Mộ tổ tộc Lê	Thôn 5 - Cẩm Thanh	1991

18	Khu mộ Thử phi Quang Trung và các tướng Tây Sơn	Thôn 5 - Cẩm Thanh	1991
19	Minh Hương Tuy Tiên Đường	14 - Trần Phú	1993
20	Đình Xuân Mỹ	Khối 4 – Thanh Hà	1993
21	Nhà cổ Phùng Hưng	04 - Nguyễn Thị Minh Khai	1993
Theo Quyết định số 96/2006/QĐ-BVHTT ngày 13/12/2006 của Bộ Văn hoá			
22	Di chỉ Bãi Ông	Tân Hiệp	2006
23	Di chỉ Bãi Làng	Tân Hiệp	2006
24	Giếng Xóm Cẩm	Tân Hiệp	2006
25	Lăng Tiên Hiền	Tân Hiệp	2006
26	Chùa Hải Tạng	Tân Hiệp	2006
27	Lăng Ông Ngư	Tân Hiệp	2006
28	Miếu tổ nghề yến	Tân Hiệp	2006
	Tổng cộng	28 Di tích	
II CẤP TỈNH			
Theo Quyết định số 483/QĐ-UB ngày 15/02/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam			
1	Cơ quan Thị uỷ Hội An (Khu vườn Xã Tiếp)	Thôn 3 - Cẩm Thanh	2005
2	Đình Thanh Nhất	Thôn Phước Thắng - Cẩm Kim	2005
3	Nhà lao Thông Đăng	127 - Phan Châu Trinh	2005
4	Nhà Đức An	129- Trần Phú	2005
5	Hiệu sách Vạn Sanh	76 - Lê Lợi	2005
6	Cây Thông Một (nơi thành lập Đảng bộ Quảng Nam)	Thôn 2 - Cẩm Hà	2005
7	Nhà ông Huỳnh Tãi	Khối Sơn Phô - Cẩm Châu	2005
8	Di tích Trảng Sỏi	Khối 3 - Thanh Hà	2005

9	Di tích An Bang	Khối 4 - Thanh Hà	2005
10	Nhà ông Lê Bàn	Khối 5 - Thanh Hà	2005
	Theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 08/02/2007 của UBND tỉnh Quảng Nam		
11	Nhà lao Hội An	38/12 - Lý Thường Kiệt	2007
	Theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam		
12	Chiến thắng tại thôn Trà Quế	Thôn Trà Quế - Cẩm Hà	2008
13	Hậu Xá I	Khối 1 - Thanh Hà	2008
14	Hậu Xá II	Khối 1 - Thanh Hà	2008
15	Nhà thờ tộc Nguyễn Tường	Khối 4 - Cẩm Phô	2008
16	Đình Sơn Phô	Khối Sơn Phô - Cẩm Châu	2008
17	Lăng Bà	Thôn 6 - Cẩm Thanh	2008
18	Rừng Dừa Bảy Mẫu	Thôn 1, 2, 3 - Cẩm Thanh	2008
19	Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu	Khối 5 - Thanh Hà	2008
20	Đình tiền hiền Kim Bồng	Thôn Trung Châu - Cẩm Kim	2008
	(Theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam)		
21	Địa điểm cơ quan bí mật tỉnh ủy Quảng Nam (Nhà ông Nguyễn Gừng)	Khối 5C - Cẩm Phô	2008
22	Nhà ông Huỳnh Đủ (cơ sở cách mạng)	Khối 2 - Cẩm Phô	2008
23	Nhà thờ Thiên Chúa Giáo và Khu mộ các giáo sĩ Phương Tây	Khối 6 - Cẩm Phô	2008
24	Nhà thờ tộc Nguyễn Viết	Khối 6 - Thanh Hà	2008
	Theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam		
25	Đình Thanh Hà	Khối 7 – Thanh Hà	2008
26	Đình ấp Xuân Lâm	Khối 5A – Cẩm Phô	2008

27	Mộ ông Nguyễn Viết Điền	Trà Quế - Cẩm Hà	2008
28	Nhà thờ tộc Trần Thanh	Khối 5C – Cẩm Phô	2008
29	Mộ tổ tộc Trần Văn	Thôn 6- Cẩm Thanh	2008
30	Đình ấp Tu Lễ	Khối 3- Cẩm Phô	2008
31	Chiến thắng Xóm Chiêu	Khối An Mỹ - Cẩm Châu	2008
32	Trường Viên Minh	108 – Nguyễn Thái Học	2008
33	Mộ ông Chu Kỳ Sơn	Sơn Phong	2008
34	Mộ ông Không Thiên Như	Khối An Thái- Minh An	2008
	Tổng Cộng	34 di tích	

Tình hình quản lý phát huy di tích ngoài Khu phố cổ - Quý II

NV. Quản lý Di tích

Trong quý II/2010 tình hình quản lý phát huy di tích ngoài khu phố cổ trên địa bàn Thành phố vẫn được duy trì đảm bảo. Tuy nhiên, bên cạnh các di tích được bảo quản tốt vẫn còn tình trạng nhiều di tích bị bỏ ngõ, có những di tích bị lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, nhiều di tích vẫn đang trong tình trạng xuống cấp... Đối với các bia di tích lịch sử cách mạng, ở nhiều địa phương công tác quản lý và phát huy

bộ phận di tích này vẫn chưa được quan tâm, đặc biệt vấn đề sơn phết lại các bia di tích bị tróc mặc dù đã có sự nhắc nhở của cơ quan quản lý cấp trên nhưng cho đến nay vẫn chưa được thực hiện.

Qua khảo sát thực trạng, chúng tôi xin báo cáo đánh giá tình hình quản lý, sử dụng các di tích nằm ngoài khu phố cổ trong quý II cụ thể như sau:

⊗ **Xã Cẩm Thanh:** 14/22 di tích được bảo quản tốt. 8 di tích đang bị hư hại, đó là: Lăng Ông (*thôn 3*) phần mái bị dột nhiều nơi, con giống bị gãy; đã khảo sát khảo cổ đề xuất phương hướng tu bổ; đề nghị cơ quan chức năng đôn đốc các cấp bố trí vốn để triển khai. Miếu Tổ Nghề Yến (*thôn 5*)

phần ngói bị mục, vỡ nhiều nơi, khuôn hoa ở mặt tiền chái tả bị đập bể; di tích này cần phải sửa chữa kịp thời để hạn chế tối đa sự xuống cấp. Khu mộ Thứ phi Quang Trung và các tướng Tây Sơn: phần mộ vợ chồng ông Trần Công Thức bị sứt, sụp một vài đoạn tường thành bao, cần khảo sát đưa vào danh sách tu bổ của năm 2011. Các di tích lịch sử cách mạng như: Chiến thắng Lùm Bà (*thôn 6*), Vườn xã Tiếp, Đình Thanh Nhất (*thôn 3*) không có người trông coi, cây cối mọc nhiều nơi, các bia bong tróc chữ không được sơn phết bảo quản; Khu vực dấu tích Khu Dồn (*thôn 1*) bị lở xuống sông hoàn toàn. Di tích Mộ ông Chương Cơ họ Trần (*thôn 4*) hiện đang tiến hành tu bổ.

⊗ **Phường Thanh Hà:** 34/54 di tích được bảo quản tốt. Còn lại trong đó có 15 di tích bị hư hại nhỏ: mộ bà Huỳnh Tình Yên - khối 1: tường bao, tay ngai bị nứt bể, tróc vôi. Mộ ông tú tài Tăng Thuận Bác - khối 1: nhà bia, nầm bị nứt. Mộ vợ chồng ông Tăng Diễm Dật - khối 1: nhà bia, trụ biểu, tường bao bị nứt. Mộ bà Lê Huệ Mẫn - khối 1: nhà bia và nầm mộ bị nứt. Mộ ông Đinh Thanh Hương - khối 1: tường bao, liễn bị xuống cấp. Mộ bà Đinh Thị Nam - khối 1: nhà bia, tay ngai bị nứt. Mộ ông Bát phẩm Lê Thuận Giản & bà họ Phạm - khối 1: tường bao, nhà bia bị xuống cấp. Mộ bà Lê Thiện Ký: tay

ngai, nhà bia bị nứt bể. Mộ ông họ Lâm, bà họ Phạm (*khối 1*); mộ ông họ Thái, bà họ Đinh (*khối 1*); mộ ông Trần Ôn Giản (*khối 1*); mộ bà họ Cù (*khối 1*): đang bị cây mọc làm nứt nầm mộ. Mộ bà họ Lê dâu tộc Trần - khối 6: tường bao phía đông bị bể. Đình Thanh Hà - khối 7: hai con giống trên bờ nóc bị gãy. Khu di tích An Bang - khối 4: cột mốc đánh dấu di tích bị hư, gãy; đã có đề nghị dựng lại cột mốc.

Các di tích xuống cấp nặng: Đình Ấp An Bang (*khối 4*) đang xuống cấp, nhân dân và UBND phường đã nhiều lần đề nghị gia cố lại. Miếu ấp Bộc Thủy (*khối 5*) hệ mái, vì kèo miếu chính và nhà bếp bị xuống cấp. Đình Xuân Mỹ (*khối 5*) tường bị thấm ẩm, hệ mái bị bể (10%) gây dột, các con giống bị gãy; hiện đang làm hồ sơ tu bổ từ vốn chương trình mục tiêu. Miếu ấp Bàu Súng (*khối 2*) xuống cấp nặng, đang làm hồ sơ tu bổ. Di tích Lăng Cô (*miếu Lục Vị*) - khối 6 đang thi công tu bổ.

⊗ **Xã Cẩm Hà:** 14/15 di tích được bảo quản tốt, riêng di tích Mộ ông Nguyễn Diễm - thôn Trà Quế có một số hư hại nhỏ, 2 con lân trên 2 trụ biểu bị rơi vỡ hoàn toàn. Miếu Ngũ Hành trong khuôn viên chùa Vạn Đức xuống cấp, nhà chùa đang có kế hoạch sửa chữa lại.

✿ **Phường Cẩm Nam:** 16/18 di tích được bảo quản tốt. Riêng Chùa Cẩm Giác - khối Hà Trung tường bị nứt ở một số vị trí, xói hư hỏng gây dột, dầm bê tông ở chính điện bị nứt; đề nghị chủ di tích có kế hoạch sửa chữa tránh gây hư hỏng thêm. Di tích Lăng Thành Hoàng thuộc khối Thanh Nam phần con giống tiền đình bị gãy vỡ, mái ngói bị sạt một số viên.

✿ **Phường Tân An:** 8/10 di tích được bảo quản tốt, riêng di tích Vạn Thiện Đồng Quy - khối Tân Thanh đang bị xuống cấp nghiêm trọng. Di tích Chùa Ông Tạng (*khối Tân Hòa*) hệ khung gỗ bị mối mọt, phần cổng phía trước cây cối mọc um tùm che khuất làm mất mỹ quan di tích.

✿ **Phường Cửa Đại:** có tổng số 2/4 di tích được bảo quản tốt. Di tích Lăng Tiêu Diện (*Phước Thịnh*) hệ vì kèo bị mối mọt nhiều nơi, tường bị bong tróc, cửa chính bị hư bản lề. Chùa Long An (*Phước Tân*) hiện trạng di tích tốt, tuy nhiên một số đồ án trang trí trên mái của chái nhà Đông hiện bị gãy.

✿ **Phường Cẩm An:** 7/11 di tích được bảo quản tốt. 3 di tích xuống cấp cụ thể: Đình đá An Bàng: cây cối mọc um tùm là phế tích không có người trông coi; Lăng Bà - khối An Bàng bị ẩm mốc một số nơi; Lăng Thành Hoàng gia tô vòm cửa bị nứt và hiện nay đang nằm trong khu quy hoạch.

Lăng Ngũ Hành - khối Tân Mỹ hiện nay đang thi công tu bổ.

✿ **Phường Cẩm Phô:** 10/13 di tích được bảo quản tốt. Các di tích bị hư hại, xuống cấp: Miếu Ngũ Hành - khối 1: đòn tay bị mối mọt, bờ nóc bị nứt; Lăng Ông Ngọc: một số con giống bị gãy, tường và nền một số nơi bị nứt; Mộ tổ tộc Trần Trung: bình phong bị nứt, lư hương bị gãy hai tai hai bên.

✿ **Phường Cẩm Châu:** 23/30 di tích được bảo quản tốt, 7 di tích xuống cấp: Đình Đế Võng bị dột nặng, nhiều cấu kiện gỗ bị mục, hiện đang làm hồ sơ tu bổ; Nhà thờ tộc Huỳnh, chùa Nam Tôn, miếu Ông Địa dột nặng; Đình Sơn Phô bị dột một số nơi, chủ di tích có kiến nghị làm lại cổng ngõ của đình. Khu mộ tổ tộc Trần - khối Thanh Tây phần mộ bị hư hỏng nặng. Đình áp Trường Lệ nguyên trạng đã hỏng nặng, chỉ còn nền và vài đoạn tường.

✿ **Phường Sơn phong:** 7/10 di tích được bảo quản tốt, 4 di tích xuống cấp: Di tích mộ ông Chu Kỳ Sơn đã bị lấn chiếm, đang bị rào vào trong khuôn viên quán cà phê, hiện đang lập hồ sơ tu bổ; Nhà Lao Hội An xuống cấp nghiêm trọng, đang lập dự án xin tu bổ; Miếu xóm An Hòa - khối 5 phần mái bị hư hỏng nặng, nhân dân đang dự kiến xin hỗ trợ tu bổ.

✿ **Xã Cẩm Kim:** 19/29 di tích được bảo quản tốt, 9 di tích xuống cấp

cụ thể: Giếng trong vườn Bà Thủ Khóa - thôn Trung Châu bị bỏ hoang lâu ngày nên dây leo che phủ, gạch xây giếng bị tụt vài nơi; Giếng tứ tộc - thôn Phước Thắng bị sụt lún, nứt thành; Chùa Kim Bửu - thôn Phước Thắng: mái ngói chính điện bị dột vài nơi, một vài cây đoạn đòn tay bị mối mọt; Miếu Ba Giò (*Trung Châu*); Miếu Hà Nối; Miếu Trung Gian bị gãy con giống ở bờ nóc; Nhà ông Trương Kim Sen bị hư hại một số cấu kiện gỗ, mái ngói bị dột vài nơi. Miếu Hà Tân mái ngói bị hư hại vài nơi, con giống bị gãy. Nhà ông Lê Độ mái ngói bị dột vài nơi. Riêng nhà bà Phạm Thị Xuân (*Phước Thắng*) mái ngói bị hư hại hoàn toàn sau bão và thay mới bằng tole sau bão năm 2009.

✿ **Xã Tân Hiệp:** 19/35 di tích được bảo quản tốt. Các di tích xuống cấp trước đây như: Miếu Hiệp Hoà, Lăng Ông Ngự, Lăng Thành Hoàng, Miếu Bà Mộc, miếu tổ nghề Yên sẽ tiến hành tu bổ trong năm 2010.

Một số di tích khác cũng nằm trong tình trạng xuống cấp: Lăng Bà Bạch, Miếu Ngũ Hành Bãi Hương: bị tróc ngói; Đình Đại Càn - thôn Bãi Làng: bình phong bị lún chiếm; Chùa Hải Tạng - thôn Bãi Làng: tam quan bị xuống cấp, mái ngói chính điện bị dột vài nơi; Miếu Thổ Thần, Lăng Bà Mụ bị gãy con giống; Lăng Tiền Hiền bị bong tróc tường bên trái; Giếng Xóm Cẩm đang có dấu hiệu xuống cấp; Miếu Đồi (*Bãi Hương*) bị hư hại nặng,

hiện nằm trong doanh trại quân đội. Các di tích khác như miếu Mũi Thờ (*Mũi Thờ*), miếu Cây Bàng (*Hòn Tai*), miếu Cây Đông (*Hòn Dài*) không khảo sát được.

Trước mắt, đối với các di tích bị hư hại nhỏ cần vận động các chủ di tích có biện pháp bảo quản, gia cố tránh để tình trạng di tích xuống cấp nặng trước khi tiến hành tu bổ. Những di tích xuống cấp nghiêm trọng đã khảo sát đề xuất những biện pháp tu bổ phù hợp. Riêng bia di tích lịch sử cách mạng bị xuống cấp đề nghị các đơn vị phụ trách có kế hoạch bảo quản, sơn phết lại cho đảm bảo.

Qua đợt khảo sát di tích này, chúng tôi nhận thấy hiện nay một số di tích nằm ngoài khu phố cổ đang xuống cấp ngoài nguyên nhân khách quan do thời tiết còn có nguyên nhân chủ quan do sự thiếu quan tâm chăm nom của các chủ di tích. Chính vì vậy, cần kiện toàn lại bộ máy các tổ, ban quản lý từng di tích ở địa phương, tăng cường hơn nữa chức năng quản lý nhà nước của UBND các xã, phường trong công tác bảo tồn phát huy giá trị các di tích, thường xuyên tuyên truyền sâu rộng đến các chủ di tích, kêu gọi cộng đồng quan tâm hơn nữa đối với công tác bảo vệ, giữ gìn các di tích của địa phương mình●

TIN HOẠT ĐỘNG THÁNG 4 - 2010

Năm mới thi đua lập nhiều thành tích mới!

VĂN BẢN, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH MỚI

- Ngày 05/04/2010, UBND thành phố Hội An ra Quyết định số 854/QĐ-UBND về việc hỗ trợ kinh phí đầu tư sửa chữa, tu bổ di tích tư nhân, tập thể đợt 1 năm 2010.

Ngày 09/04/2010, UBND thành phố Hội An ra Quyết định số 931/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí tổ chức triển lãm ảnh Thành tựu kinh tế - xã hội của thành phố Hội An qua 35 năm xây dựng và phát triển.

Ngày 12/4/2010, Phòng Nội vụ thành phố Hội An có Công văn số 49/NV về việc thống nhất cho Trung tâm QLBT Di tích Hội An bổ sung 03 hợp đồng lao động mới.

Ngày 22/4/2010, Trung tâm VHTT có Thông báo số 13/TB-TTVHTT về việc thay đổi thời gian thực hiện đề án “*Phố dành cho người đi bộ và xe thô sơ*” và đề án “*Thử nghiệm mở rộng thời gian và nội dung phục vụ khách tham quan Khu phố cổ Hội An vào ban đêm*” vào mùa hè.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRONG THÁNG 4/2010

1. Công tác nghiên cứu khoa học:

Tiếp tục đôn đốc các công việc tiếp theo của đề tài “*Văn hoá Hội An*”, tiếp tục điều tra tư liệu đề tài cấp cơ sở “*Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An*”, Hoàn thành 01 hồ sơ (*nhà lao Hội An*) và triển khai xây dựng 02 hồ sơ (*làng gốm Thanh Hà và Rừng dừa Bảy mẫu*) trình xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Đăng ký thực hiện 03 đề tài nghiên cứu cấp thành phố: “*Điều tra sự thay đổi, biến dạng của di tích trong khu phố cổ Hội An*”, “*Nghiên cứu, phục hồi sản xuất gạch ngói truyền thống ở Thanh Hà phục vụ cho công tác tu bổ di tích*” và Sưu tầm, biên soạn sách “*Địa chí thành phố Hội An*”. Thực hiện Bản tin chuyên môn quý I.

Làm tư liệu về các hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân dịp tổ chức các ngày lễ lớn trong tháng 4 (*Giỗ tổ Hùng Vương, giải phóng miền Nam...*).

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích:

Khảo sát, viết lý lịch cho 05 nghề truyền thống và 02 di tích trên địa bàn thành phố. Phối hợp theo dõi, khảo sát dự án tôn tạo cơ sở hạ tầng ở 02 tuyến đường trong khu phố cổ. Tiến hành lập hồ sơ về “*lễ giỗ tổ nghề may ở Hội An*”.

Tập hợp nội dung chuẩn bị tổ chức Hội nghị bàn về công tác cấp phép, giám sát xây dựng và tu bổ di tích trong khu phố cổ. Tiếp tục tham mưu bổ sung để hoàn thiện quy chế về quản lý, tu bổ di tích và quy trình về tham mưu cấp phép hồ sơ sửa chữa di tích, nhà ở, giám sát, kiểm tra xây dựng, tu bổ di tích trong khu phố cổ.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch PCLB của cơ quan năm 2010. Phối hợp liên ngành thường xuyên kiểm tra xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích, nhà ở và trưng bày kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ.

Giám sát tu bổ 07 di tích có nguồn vốn từ ngân sách Thành phố do Trung tâm làm chủ đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng 02 di tích đã hoàn thành.

Giám sát tu bổ 01 công trình và tiến hành quyết toán 03 công trình thuộc di tích tư nhân - tập thể của đề án cho vay vốn.

Xây dựng hồ sơ tu bổ Nhà lao Hội An; Tiếp tục thực hiện các dự án, đề án trọng điểm: Đề án trưng bày Bảo tàng Hội An, PCCC, mỗi một... liên hệ làm việc để xin kinh phí của Trung ương từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu tu bổ 08 di tích; Tiếp tục xúc tiến các công việc tiếp theo của dự án Quy hoạch tổng thể.

Thực hiện quy trình về tiếp nhận và giải quyết đơn xin sửa chữa di tích trong khu vực I, II phố cổ. Trong tháng 4, đơn vị tiếp nhận 28 hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố và 11 hồ sơ chuyển sang từ tháng 3 (*tổng cộng 39 hồ sơ: KVI: 11, KVIA: 12, KVIB: 16*), trong đó giải quyết 27 hồ sơ (*KVI: 10, KVIA: 7, KVIB: 10*), trả và hướng dẫn cho công dân 06 hồ sơ (*KVI: 0, KVIA: 03, KVIB: 03*), đang tham mưu giải quyết 06 hồ sơ (*KVI: 01, KVIA: 02, KVIB: 03*), tham mưu cho UBND thành phố ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá - thông tin đối với 02 trường hợp vi phạm.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị:

Hoàn thành một số nhiệm vụ trong kế hoạch tổ chức lễ Giỗ tổ Hùng Vương năm 2010 của thành phố. Tham gia triển lãm trưng bày trong chương trình “*Tuần Văn hoá - Du lịch và Kinh tế xứ Quảng*” tại thành phố Đà Nẵng theo kế hoạch của UBND thành phố.

Triển khai xây dựng form của Website về công tác bảo tồn di tích từ nguồn kinh phí hỗ trợ của tổ chức DED (Đức).

Tiếp tục sưu tầm ảnh về Hội An xưa trong nhà dân.

Trong tháng 4, Văn phòng Tư vấn thông tin di sản đã tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin cho 15 lượt khách có nhu cầu tìm hiểu về Hội An, bổ sung 35

bài viết giới thiệu về Hội An. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và đón tiếp khách đến tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý. Trong tháng 4, các điểm đã đón tiếp 61.900 lượt khách đến tham quan ban ngày (*trong đó 44.000 lượt khách quốc tế, 17.900 lượt khách Việt Nam*) và 1.320 lượt khách ban đêm (*trong đó 99 lượt khách quốc tế, 1.221 lượt khách Việt Nam*).

4. Công tác đào tạo và tổ chức:

06 đ/c tiếp tục tham gia các lớp đào tạo Đại học hệ Tại chức; 02 đ/c tham gia học lớp Cao học.

Làm thủ tục nâng lương 6 tháng đầu năm cho CB, CC, VC, nâng lương cho 02 cán bộ biên chế (*đ/c Minh, Hoàng Nguyên*) và 01 cán bộ hợp đồng chính thức (*đ/c Tư*). Thực hiện các thủ tục bổ sung hợp đồng lao động chính thức cho 03 đồng chí của bộ phận NV. Bảo tàng (*đ/c Linh, Đăng, Vân*).

5. Công tác đối ngoại:

Phối hợp thực hiện 01 đợt tập huấn thuộc dự án lồng ghép văn hoá vào du lịch của UNESCO tại Quảng Nam. Hoàn chỉnh hồ sơ và gửi UNESCO để công nhận cho nhà thờ tộc Nguyễn Tường đạt giải thưởng di sản Châu Á Thái Bình Dương năm 2010. Tham gia xây dựng đề cương nghiên cứu hành động cho Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm. Hoàn thành hồ sơ dự án xin Jica hỗ trợ đầu tư thiết bị trưng bày Bảo tàng Hội An.

Làm việc với Bà Carol Howland - nhà văn Anh nhằm trao đổi thông tin viết sách giới thiệu, quảng bá hình ảnh Hội An với thế giới. Tiếp nhận 01 tình nguyện viên Nhật Bản tham gia công tác tại đơn vị (*Eri*). Tham gia nội dung hợp tác Hội An - Tân Trung (*Trung Quốc*).

6. Công tác Hành chính - Tài vụ:

Trong tháng 04, cơ quan đã phát hành 67 văn bản (*gồm: 16 TTr, 27 CV, 10 BC, 03 TB, 02 QĐ, 03 PC, 02 PB, 02 BB, loại khác: 02*); Nhập dữ liệu phần mềm kế toán và phần mềm văn bản tháng 04 năm 2010; Kinh phí hoạt động hành chính sự nghiệp trong 4 tháng đầu năm là: 676.780.000đ/2.315.042.000đ đạt 30% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

Chi bộ: Họp Chi bộ tháng 04/2010. Tổ chức cho đảng viên trong Chi bộ tham gia học tập chuyên đề tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “*là đạo đức, là văn minh*”. Tiếp tục chuẩn bị các nội dung tiên tiến tổ chức Đại Hội Chi bộ lần thứ V. Tiếp tục liên hệ xác minh lý lịch cho 01 quần chúng ưu tú để kết nạp Đảng (*Q. Phương*), chuyển Đảng viên chính thức cho 01 đ/c (*Hoàng Vinh*). Phát động thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và hướng đến chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Chi bộ Trung tâm lần thứ V.

Công đoàn: Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn; Tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “Nuôi heo đất” cho toàn thể cán bộ công nhân viên cơ quan. Chuẩn bị nội dung để tổ chức Đại hội Công đoàn lần thứ V. Phát động đăng ký thi đua năm 2010.

Chi đoàn: 04 đoàn viên tham gia lớp tập huấn “*Thanh niên với công tác bảo vệ môi trường năm 2010*”. 12 đoàn viên dâng hương Quốc Tổ trong ngày mùng 10/3 (ÂL). Thăm hỏi và trao quà cho gia đình em Kim Môn - nạn nhân chất độc da cam tại phường Cửa Đại (600.000đ/quý). Tổ chức hoạt động dã ngoại về các địa chỉ đỏ trên địa bàn thành phố nhân kỷ niệm 35 năm giải phóng Hội An.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG THÁNG 05/2010

A. Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích:

Tiếp tục đôn đốc các công việc tiếp theo đề tài “*Văn hóa Hội An*”; Chuẩn bị nội dung để nghiệm thu 02 đề tài tài cấp cơ sở “*Điều tra và dịch thuật tư liệu về nghề Yến Thanh Châu*” và “*Trò chơi dân gian ở Hội An*”; Tiếp tục thực hiện đề tài “*Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An*”.

Tiếp tục lập dự án “*Điều tra tổng thể, nhận diện di sản phi vật thể của Hội An*” theo chủ trương của Cục Di Sản Văn hóa, Tiếp tục xây dựng hồ sơ khoa học cho 02 di tích trình Bộ VH&TT&DL công nhận là di tích cấp quốc gia. Đôn đốc UBND thành phố ban hành “*Cơ chế đầu tư, hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích ngoài khu vực phố cổ*” và hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích không có người trông nom. Lưu trữ hồ sơ nghiên cứu và hồ sơ di tích.

Làm tư liệu về các sự kiện văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân các ngày lễ lớn trong tháng 5 (*Sinh nhật Bác...*).

B. Bộ phận Nghiệp vụ Tu bổ Di tích:

Tiếp tục tham mưu bổ sung để hoàn thiện quy chế về quản lý, tu bổ di tích và quy trình về tham mưu cấp phép hồ sơ sửa chữa di tích, nhà ở, giám sát, kiểm tra xây dựng, tu bổ di tích trong khu phố cổ. Chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị bàn về công tác giám sát, cấp phép xây dựng, tu bổ di tích.

Tiếp tục phối hợp giám sát thi công các công trình do Thành phố, Trung tâm và chủ di tích làm chủ đầu tư.

Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án trọng điểm: Chương trình mục tiêu, Quy hoạch tổng thể đầu tư bảo tồn và phát huy du lịch Đô thị cổ Hội An, Đề án trưng bày Bảo tàng Hội An, Phòng chống mối mọt, PCCC, Dự án tôn tạo Nhà lao Hội An...

Khảo sát các điểm di tích trong khu phố cổ để có kế hoạch phòng chống trong mùa mưa bão năm 2010.

Tư vấn cho nhân dân tu bổ di tích, tham mưu cấp phép xây dựng đồng thời thường xuyên phối hợp giám sát xây dựng, tu bổ di tích/nhà ở trong khu phố cổ. Tham mưu các quyết định của UBND Thành phố về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng. Lưu trữ giấy phép, hồ sơ tu bổ di tích tư nhân, tập thể.

C. Bộ phận Văn phòng Lưu trữ Tư vấn & Thông tin Di sản:

Nâng cấp, bổ sung hệ thống thông tin-tư liệu, kiện toàn công tác lưu trữ, tư vấn và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu; Tiếp nhận và xử lý tư liệu từ các bộ phận. Đón tiếp, làm việc với các đoàn khách quốc tế đến liên hệ công tác tại đơn vị.

Tiếp tục sưu tầm ảnh Hội An xưa trong nhà dân. Tham mưu xây dựng nội dung Website về công tác bảo tồn di tích.

Đôn đốc dự án xin Jica hỗ trợ đầu tư thiết bị trưng bày Bảo tàng Hội An.

D. Bộ phận Nghiệp vụ Bảo tàng:

Nâng cấp hiện vật ở các Bảo tàng; xây dựng kế hoạch trưng bày BT VHSH.

Tiếp tục thực hiện đề án thử nghiệm mở rộng thời gian và nội dung phục vụ khách tham quan ban đêm của thành phố. Chú trọng công tác ANTT-PCCC và phục vụ khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý.

E. Bộ phận Hành chính - Tài vụ:

Thực hiện thử nghiệm gửi văn bản qua mạng, báo cáo và đôn đốc việc giải quyết công văn tồn đọng, đôn đốc kinh phí các lễ hội, chuẩn bị hồ sơ đề phòng Tài chính-Kế hoạch kiểm tra quyết toán năm 2009, chuyển khoản các khoản chi hoạt động tháng 5, làm thủ tục rút và chi tiền các đề tài văn hoá phi vật thể, tiếp tục kiểm kê tài sản cơ quan năm 2010.

CÔNG TÁC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

Chi bộ: Họp chi bộ tháng 05, tổ chức Đại hội Chi bộ Trung tâm lần thứ V. Đôn đốc bài thu hoạch tư tưởng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “*là đạo đức, là văn minh*”. Đôn đốc bài dự thi tìm hiểu 80 năm truyền thống ngành tuyên giáo. Tiếp tục đôn đốc việc xác minh lý lịch cho 01 quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng (Q. Phương).

Công đoàn: Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn, tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “*Nuôi heo đất*” cho toàn thể cán bộ công nhân viên cơ quan, tiếp tục chuẩn bị nội dung tổ chức Đại hội Công đoàn lần thứ V.

Chi đoàn: Tham gia các hoạt động do Thành đoàn phát động, tổ chức các hoạt động TDTT rèn luyện sức khỏe cho đoàn viên thanh niên (*bóng đá*).

TIN HOẠT ĐỘNG THÁNG 2

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

VĂN BẢN, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH MỚI

Ngày 07/5/2010, UBND thành phố Hội An có kế hoạch số 566/KHUBND về việc thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện mùa khô năm 2010.

Ngày 08/5/2010, UBND thành phố Hội An ra Công văn số 568/UBND về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động của thành viên cơ quan lãnh sự nước ngoài trên địa bàn thành phố Hội An.

Ngày 25/5/2010, UBND thành phố Hội An có Tờ trình số 98/TTr-UBND về việc đề nghị bố trí vốn thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích nhà lao Hội An tại phường Sơn Phong, thành phố Hội An.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRONG THÁNG 01

1. Công tác nghiên cứu khoa học:

Tiếp tục đôn đốc các công việc tiếp theo của đề tài “Văn hoá Hội An”, họp bàn biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề tài nghiên cứu cấp cơ sở “Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An”, chuẩn bị nội dung nghiệm thu 02 đề tài cấp cơ sở “Điều tra và dịch thuật tư liệu về nghề Yến Thanh Châu” và “Trò chơi dân gian ở Hội An”, tiếp tục xây dựng 02 hồ sơ (làng gốm Thanh Hà và Rừng dừa Bảy mẫu) trình xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Bảo vệ để thực hiện 03 đề tài nghiên cứu cấp thành phố: “Điều tra sự thay đổi, biến dạng của di tích trong khu phố cổ Hội An”, “Nghiên cứu, phục hồi sản xuất gạch ngói truyền thống ở Thanh Hà phục vụ cho công tác tu bổ di tích” và Sưu tầm, biên soạn sách “Địa chí thành phố Hội An”.

Hoàn thành việc lập dự án “Kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể của Hội An” theo chủ trương của Cục Di sản.

Làm tư liệu về các hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân các ngày lễ lớn (Sinh nhật Bác...).

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích:

Đôn đốc UBND thành phố ban hành “Cơ chế đầu tư, hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích ngoài khu vực phố cổ” và hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích không có người trông nom.

Tiếp tục tham mưu bổ sung đề hoàn thiện quy chế về quản lý, tu bổ di tích và quy trình về tham mưu cấp phép hồ sơ sửa chữa di tích, nhà ở, giám sát, kiểm tra xây dựng, tu bổ di tích trong khu phố cổ. Tiếp tục chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị bàn về công tác cấp phép, giám sát xây dựng và tu bổ di tích trong khu phố cổ.

Phối hợp kiểm tra, giám sát 34 công trình thi công về sửa chữa, tu bổ di tích, nhà ở (trong đó 07 công trình hoàn thành thi công và việc trưng bày kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ).

Hoàn thành lý lịch 01 di tích trên địa bàn thành phố; làm thủ tục bàn giao 03 di tích hoàn thành tu bổ cho các địa phương.

Báo cáo tình hình tiếp dân, giải quyết đơn thư của công dân quý II năm 2010.

Khảo sát di tích (vùng ven và trong khu phố cổ) để có kế hoạch phòng chống trong mùa mưa bão năm 2010.

Công tác tu bổ di tích tư nhân - tập thể: tham mưu và nộp hồ sơ phê duyệt Báo cáo KTKT 04 công trình, hướng dẫn 02 chủ di tích lập hồ sơ Báo cáo KTKT để tu bổ.

Công tác tu bổ di tích nhà nước: Hoàn thành hồ sơ nhà lao Hội An trình phê duyệt, khảo sát 03 di tích chuẩn bị đầu tư năm 2011, kiểm tra điều chỉnh hồ sơ dự toán các công trình thuộc vốn chương trình mục tiêu.

Tiếp tục thực hiện các dự án, đề án trọng điểm: PCCC, môi một,... liên hệ làm việc đề xin kinh phí của Trung ương từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu tu bổ 08 di tích; Tiếp tục xúc tiến các công việc tiếp theo của dự án Quy hoạch tổng thể.

Thực hiện quy trình về tiếp nhận và giải quyết đơn xin sửa chữa di tích trong khu vực I, II phố cổ. Trong tháng 5, đơn vị tiếp nhận 43 hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố và 06 hồ sơ chuyển sang từ tháng 4 (tổng cộng 49 hồ sơ: KVI: 12, KVIIA: 16, KVIIB: 21) trong đó giải quyết 23 hồ sơ (KVI: 09, KVIIA: 05, KVIIB: 09), trả và hướng dẫn cho công dân 09 hồ sơ (KVI: 01, KVIIA: 03, KVIIB: 05), tham mưu cho UBND thành phố ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá - thông tin đối với 01 trường hợp vi phạm.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị:

Bổ sung, nâng cấp hiện vật tại các điểm bảo tàng.

Xây dựng nội dung Website về công tác bảo tồn di tích từ nguồn kinh phí hỗ trợ của tổ chức DED (Đức).

Tiếp tục sưu tầm ảnh Hội An xưa trong nhà dân.

Trong tháng 5, Văn phòng Tư vấn Thông tin di sản đã tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin cho 15 lượt khách có nhu cầu tìm hiểu về Hội An (trong đó 05 lượt khách quốc tế, 10 lượt khách Việt Nam), bổ sung 41 bài viết giới thiệu về Hội An. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và đón tiếp khách đến tham quan tại

các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý. Trong tháng 5, các điểm đã đón tiếp 46.600 lượt khách đến tham quan ban ngày (trong đó 29.200 lượt khách quốc tế, 17.400 lượt khách Việt Nam) và 1.821 lượt khách tham quan ban đêm (trong đó 18 lượt khách quốc tế, 1.803 lượt khách Việt Nam).

4. Công tác đào tạo và tổ chức:

06 đồng chí tiếp tục tham gia các lớp đào tạo Đại học hệ Tại chức; 02đ/c tham gia học lớp Cao học.

Tiếp nhận 02 đồng chí mới về công tác tại Bộ phận NV. Tu bổ Di tích (đ/c Hưng, Tâm), 01 đồng chí được biên chế vào ngạch công chức của thành phố (đ/c D. Trung).

5. Công tác đối ngoại:

Tiếp tục tham gia xây dựng đề cương nghiên cứu hành động cho Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm.

Tiếp tục đơn đốc dự án xin Jica hỗ trợ đầu tư thiết bị trưng bày Bảo tàng Hội An, triển khai các công việc để xây dựng báo cáo định kỳ UNESCO về các vấn đề liên quan đến các khu di sản, xin chủ trương xây dựng hồ sơ tu bổ nhà 14 Nguyễn Thái Học từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Quỹ Cứu trợ khẩn cấp văn hoá (CER).

6. Công tác Hành chính - Tài vụ:

Trong tháng 05 năm 2010, cơ quan đã phát hành 57 văn bản (gồm: 15TTY, 25CV, 07BC, 030Đ, 01PC, 03PA, 01 BB, 01KH, 01TB), nhập dữ liệu phần mềm kế toán và phần mềm văn bản tháng 05 năm 2010, hoàn thành kiểm kê tài sản cơ quan năm 2010. Kinh phí hoạt động hành chính sự nghiệp trong 5 tháng đầu năm là: 929.685.7154/2.315.042.000đ, đạt 41% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

Đảng bộ: Họp Chi bộ tháng 05/2010. Thực hiện các thủ tục chuyển Chi bộ thành Đảng bộ và tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Trung tâm lần thứ V. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong BCH Đảng uỷ. Đơn đốc bài thu hoạch chuyên đề tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”. Đơn đốc bài dự thi tìm hiểu 80 năm truyền thống ngành tuyên giáo. Tiếp tục liên hệ xác minh lý lịch cho 01 quần chúng ưu tú để kết nạp Đảng (Q. Phương).

Công đoàn: Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn, tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “Nuôi heo đất” cho toàn thể cán bộ công nhân viên cơ quan, Chuẩn bị nội dung để tổ chức Đại hội Công đoàn lần thứ V. Làm văn bản đề nghị Sở VH TT&DL Quảng Nam tặng thưởng cho tập thể Trung tâm và 01 cá nhân nhân kỷ niệm 50 năm ngành du lịch Việt Nam.

Chi đoàn: Phối hợp tổ chức sinh hoạt giao lưu với các chi đoàn nhân kỷ niệm 120 năm sinh nhật Bác. 07 đồng chí tham gia huấn luyện DQTV năm 2010 do BCHQS thành phố tổ chức, kết quả đơn vị đạt loại khá.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG THÁNG 06

A. Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích:

Tiếp tục đôn đốc các công việc tiếp theo đề tài “Văn hóa Hội An”; Chuẩn bị nội dung để nghiệm thu 02 đề tài tài cấp cơ sở “Điều tra và dịch thuật tư liệu về nghề Yến Thanh Châu” và “Trò chơi dân gian ở Hội An”, Tiếp tục thực hiện đề tài “Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An”.

Tiếp tục đôn đốc phê duyệt dự án “Điều tra tổng thể, nhận diện di sản phi vật thể của Hội An” theo chủ trương của Cục Di sản Văn hóa và phim tư liệu về truyền thống đấu tranh cách mạng Hội An. Tiếp tục xây dựng hồ sơ khoa học cho 02 di tích trình Bộ VH TT & DL công nhận là di tích cấp quốc gia. Đôn đốc UBND thành phố ban hành “Cơ chế đầu tư, hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích ngoài khu vực phố cổ” và hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích không có người trông nom. Thực hiện bản tin chuyên môn quý II. Lưu trữ hồ sơ nghiên cứu và hồ sơ di tích. Làm tư liệu về các sự kiện văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân các sự kiện, các ngày lễ lớn trong tháng 6.

B. Bộ phận Nghiệp vụ Tu bổ Di tích:

Tiếp tục tham mưu bổ sung để hoàn thiện quy chế quản lý, tu bổ di tích trong khu phố cổ.

Tiếp tục phối hợp giám sát thi công các công trình do Thành phố, Trung tâm và chu di tích làm chủ đầu tư.

Họp bàn với các phòng ban liên quan giải quyết 07 hồ sơ hỗ trợ di tích tư nhân - tập thể tồn đọng.

Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án trọng điểm: Chương trình mục tiêu, Quy hoạch tổng thể đầu tư bảo tồn và phát huy du lịch Đô thị cổ Hội An, Đề án trưng bày Bảo tàng Hội An, Phòng chống mối mọt, PCCC, Dự án tôn tạo nhà lao Hội An...

Tiếp tục khảo sát các điểm di tích trong khu phố cổ để có kế hoạch phòng chống trong mùa mưa bão năm 2010.

Tư vấn cho nhân dân tu bổ di tích, tham mưu cấp phép xây dựng đồng thời thường xuyên phối hợp giám sát xây dựng và tu bổ di tích trong khu phố cổ, tham mưu các quyết định của UBND Thành phố về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Lưu trữ giấy phép, hồ sơ tu bổ di tích tư nhân, tập thể.

C. Bộ phận Văn phòng Lưu trữ Tư vấn & Thông tin Di sản:

Nâng cấp, bổ sung hệ thống thông tin-tư liệu, kiện toàn công tác lưu trữ, tư vấn và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu; Tiếp nhận và xử lý tư liệu từ các bộ phận. Đón tiếp, làm việc với các đoàn khách quốc tế đến liên hệ công tác tại đơn vị.

Tiếp tục sưu tầm ảnh Hội An xưa trong nhà dân, đôn đốc dự án xin Jica hỗ trợ đầu tư thiết bị trưng bày Bảo tàng Hội An.

Tiếp tục xây dựng nội dung Website về công tác bảo tồn di tích.

Triển khai thực hiện báo cáo theo yêu cầu của UNESCO về các vấn đề liên quan đến khu di sản.

D. Bộ phận Nghiệp vụ Bảo tàng:

Triển khai thực hiện kế hoạch trưng bày Bảo tàng VHSH.

Nâng cấp hiện vật ở các bảo tàng, tiếp tục thực hiện đề án mở của ban đêm của thành phố, chú trọng công tác ANTT-PCCC và phục vụ khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý.

Chuẩn bị các nội dung thực hiện triển lãm chào mừng Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2010 - 2015.

E. Bộ phận Hành chính - Tài vụ:

Đôn đốc kinh phí các lễ hội, chuyển khoản các khoản chi hoạt động tháng 6, làm thủ tục rút và chi tiền các đề tài văn hoá phi vật thể, tham mưu thanh lý tài sản cơ quan năm 2010, xây dựng quy chế về việc mua sắm phương tiện của cơ quan.

CÔNG TÁC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

Đảng bộ: Tiếp tục đôn đốc bài dự thi tìm hiểu 80 năm truyền thống ngành tuyên giáo, tiếp tục đôn đốc việc xác minh lý lịch cho 01 quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng (Q. Phương).

Công đoàn: Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn, tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “Nuôi heo đất” cho toàn thể cán bộ công nhân viên cơ quan, tiếp tục chuẩn bị nội dung tổ chức Đại hội Công đoàn lần thứ V. Tổ chức sinh hoạt và phát quà cho các cháu là con của CB, CNV cơ quan nhân ngày quốc tế thiếu nhi, tổ chức sinh hoạt nhân ngày Gia đình Việt Nam.

Chi đoàn: Tham gia các hoạt động do Thành đoàn phát động. Tổ chức thi đấu bóng đá trong đoàn viên thanh niên.



TIN TỨC HOẠT ĐỘNG THÁNG 6 - 2010

Gia đình là môi trường quan trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

VĂN BẢN, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH MỚI

Ngày 11/6/2010, UBND thành phố Hội An ra Công văn số 782/UBND gửi Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch Quảng Nam về việc thống nhất thay đổi kết cấu một số tuyến đường giao thông thuộc dự án tôn tạo hạ tầng kỹ thuật phố cổ Hội An.

Ngày 16/6/2010, UBND thành phố Hội An ra Công văn số 803/UBND về việc triển khai vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em năm 2010.

Ngày 22/6/2010, UBND thành phố Hội An ra Quyết định số 1573/QĐUBND về việc phân khai nguồn kinh phí phòng chống lụt bão năm 2010 của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN THÁNG 6

1. Công tác nghiên cứu khoa học:

Tiếp tục đôn đốc các công việc tiếp theo của đề tài “Văn hoá Hội An”, chuẩn bị nội dung nghiệm thu 02 đề tài cấp cơ sở “Điều tra và dịch thuật tư liệu về nghề Yên Thanh Châu” và “Trò chơi dân gian ở Hội An”, hoàn thành báo về đề tài nghiên cứu cấp thành phố về Suru tầm, biên soạn sách “Địa chí thành phố Hội An”. Tiếp tục triển khai xây dựng 02 hồ sơ (làng gồm Thanh Hà và Rừng dừa Bảy Mẫu trình xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Đôn đốc phê duyệt dự án “Kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể của Hội An”

Tiếp tục thực hiện đề tài nghiên cứu cấp cơ sở “Suru tầm, khảo sát địa danh Hội An”

Làm tư liệu về các hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân các ngày lễ lớn trong tháng 6.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích:

Tiếp tục đôn đốc UBND thành phố ban hành “Cơ chế đầu tư, hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích ngoài khu vực phố cổ” và hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích không có người trông nom.

Tiếp tục tham mưu bổ sung để hoàn thiện quy chế về quản lý, tu bổ di tích và quy trình về tham mưu cấp phép hồ sơ sửa chữa di tích, nhà ở, giám sát, kiểm tra xây dựng, tu bổ di tích trong khu phố cổ.

Ban hành quy định khi tham gia phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai năm 2010.

Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị bàn về công tác cấp phép, giám sát xây dựng và tu bổ di tích trong khu phố cổ.

Hướng dẫn cho 02 lượt công dân làm thủ tục xin phép xây dựng, tu bổ di tích nhà ở trong khu phố cổ.

Phối hợp kiểm tra, giám sát 39 công trình thi công trong khu phố cổ (trong đó 09 công trình đã hoàn thành thi công) và việc trưng bày kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ.

Họp bàn với các phòng ban liên quan giải quyết 07 hồ sơ hỗ trợ di tích TNTT tồn đọng.

Công tác tu bổ di tích tự nhiên - tập thể: Tham mưu giải quyết 03 đơn cứu xét của nhân dân và trả lời 01 đơn xin hỗ trợ tu bổ di tích nhà ở trong khu phố cổ, nghiệm thu công trình cây xanh bảo tàng Hội An.

Công tác tu bổ di tích nhà nước: Tham mưu hồ sơ thẩm tra dự toán thiết kế 04 công trình thuộc dự án Chương trình mục tiêu, tập hợp các văn bản liên quan, tóm tắt thuyết minh và tham mưu thủ tục trình phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể, làm việc với các đơn vị liên quan để thống nhất điều chỉnh hồ sơ Bảo tàng Hội An.

Thực hiện quy trình về tiếp nhận và giải quyết đơn xin sửa chữa di tích trong khu vực I, II phố cổ. Trong tháng 6, đơn vị tiếp nhận 21 hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố và 17 hồ sơ chuyển sang từ tháng 5 (tổng cộng 38 hồ sơ: KVI: 06, KVIIA: 15, KVIIB: 17) trong đó giải quyết 20 hồ sơ (KVI: 07, KVIIA: 07, KVIIB: 06), trả và hướng dẫn cho công dân 05 hồ sơ (KVI: 0, KVIIA: 02, KVIIB: 03).

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị:

Bổ sung và nâng cấp hiện vật tại các điểm bảo tàng, triển khai kế hoạch trưng bày Bảo tàng VHSH.

Tiếp tục xây dựng nội dung Website về công tác bảo tồn di tích từ nguồn kinh phí hỗ trợ của tổ chức DED (Đức).

Tổ chức 02 đợt sinh hoạt chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức của CB, CNV đối với các giá trị của di sản Hội An và Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm.

Chuẩn bị nội dung thực hiện triển lãm chào mừng Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2010 - 2015. - Tiếp tục sưu tầm ảnh Hội An xưa trong nhà dân.

Trong tháng 6, Văn phòng Tư vấn Thông tin di sản đã tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin cho 02 lượt khách có nhu cầu tìm hiểu về Hội An, bổ sung 56 bài viết giới thiệu về Hội An. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và đón tiếp khách đến tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản

lý. Trong tháng 6, các điểm đã đón tiếp 47.500 lượt khách đến tham quan ban ngày (trong đó 16.600 lượt khách quốc tế, 30.900 lượt khách Việt Nam) và 6.006 lượt khách tham quan ban đêm (trong đó 64 lượt khách quốc tế, 5.942 lượt khách Việt Nam).

4. Công tác đào tạo và tổ chức:

06 đồng chí tiếp tục tham gia các lớp đào tạo Đại học hệ Tại chức; 02đ/c tham gia học lớp Cao học.

Thực hiện các thủ tục đề nghị xét tuyển biên chế cho 02 đồng chí (đ/c Quốc Hưng, Văn Quý).

5. Công tác đối ngoại:

01 đồng chí tham gia chương trình “Bảo tồn di sản và phát triển du lịch 5 nước sông Mê Kông” tại Nhật Bản, tham gia 01 đợt hội thảo thuộc dự án lồng ghép văn hoá vào du lịch của UNESCO tại Quảng Nam.

Tiếp tục tham gia xây dựng đề cương nghiên cứu hành động cho Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm, đơn đốc dự án xin Jica hỗ trợ đầu tư thiết bị trưng bày Bảo tàng Hội An.

Triển khai xây dựng báo cáo định kỳ của UNESCO về các vấn đề liên quan đến các khu di sản.

Thực hiện các thủ tục để tiếp nhận nguồn kinh phí hỗ trợ của Quỹ Cứu trợ khẩn cấp văn hoá (CER) tu bổ nhà 14 Nguyễn Thái Học.

6. Công tác Hành chính - Tài vụ:

Trong tháng 06 năm 2010, cơ quan đã phát hành 72 văn bản (gồm: 20TT, 17CV, 18BC, 06QĐ, 02PC, 01KH, 06TB, loại khác: 02); Nhập dữ liệu phần mềm kế toán và phần mềm văn bản tháng 06 năm 2010; Tham mưu báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm của đơn vị. Kinh phí hoạt động hành chính sự nghiệp trong 6 tháng đầu năm là: 1.149.680.000đ/2.315.042.000đ, đạt 50% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

Đảng bộ: Hoàn thành hồ sơ Đại hội Đảng bộ Trung tâm lần V, kiện toàn tổ chức hoạt động của Đảng bộ. Đơn đốc bài dự thi tìm hiểu 80 năm truyền thống ngành tuyên giáo, tiếp tục liên hệ xác minh lý lịch cho 01 quần chúng ưu tú để kết nạp Đảng (Q. Phương). .

Công đoàn: Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn, tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “Nuôi heo đất” cho toàn thể cán bộ công nhân viên cơ quan. Tiếp tục chuẩn bị nội dung tổ chức Đại hội Công đoàn lần thứ V. Tổ chức sinh hoạt và phát quà cho các cháu là con của CB, CNV cơ quan nhân ngày quốc tế thiếu nhi, các tổ công đoàn tổ chức sinh hoạt nhân ngày Gia đình Việt Nam. UBKT Công đoàn tổ chức kiểm tra tình hình hoạt động của các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý.

Chi đoàn: Tổ chức 01 đợt thi đấu bóng đá trong đoàn viên thanh niên.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG THÁNG 7

A. Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Di tích:

Tiếp tục đôn đốc các công việc tiếp theo đề tài “Văn hóa Hội An; nghiệm thu 01 đề tài tài cấp cơ sở “Điều tra và dịch thuật tư liệu về nghề Yến Thanh Châu và chuẩn bị nội dung nghiệm thu đề tài “Trò chơi dân gian ở Hội An”, Tiếp tục thực hiện đề tài “Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An”. Triển khai thực hiện đề tài sưu tầm, biên soạn sách “Địa chỉ thành phố Hội An”.

Tiếp tục đôn đốc phê duyệt dự án “Điều tra tổng thể, nhận diện di sản phi vật thể của Hội An” theo chủ trương của Cục Di sản Văn hóa, phát hành phim tư liệu về truyền thống đấu tranh cách mạng Hội An, tiếp tục xây dựng hồ sơ khoa học cho 02 di tích trình Bộ VH,TT&DL công nhận là di tích cấp quốc gia, đôn đốc UBND thành phố ban hành “Cơ chế đầu tư, hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích ngoài khu vực phố cổ” và hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích không có người trông nom. Thực hiện bản tin chuyên môn quý II. Lưu trữ hồ sơ nghiên cứu và hồ sơ di tích. Làm tư liệu về các sự kiện, các ngày lễ lớn trong tháng 7 (Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 16, ngày thương binh liệt sĩ...).

B. Bộ phận Nghiệp vụ Tu bổ Di tích:

Tiếp tục phối hợp giám sát thi công các công trình do Thành phố, Trung tâm và chu di tích làm chủ đầu tư.

Họp bàn với các phòng ban liên quan giải quyết 07 hồ sơ hỗ trợ di tích tư nhân - tập thể tồn đọng.

Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án trọng điểm: Chương trình mục tiêu, Quy hoạch tổng thể đầu tư bảo tồn và phát huy du lịch Đô thị cổ Hội An, Đề án trưng bày Bảo tàng Hội An, Phòng chống mối mọt, PCCC, Dự án tôn tạo nhà lao Hội An...

Tiếp tục khảo sát các điểm di tích trong khu phố cổ để có kế hoạch phòng chống trong mùa mưa bão năm 2010.

Tư vấn cho nhân dân tu bổ di tích, tham mưu cấp phép xây dựng đồng thời thường xuyên phối hợp giám sát xây dựng, tu bổ di tích trong khu phố cổ. Tham mưu các quyết định của UBND Thành phố về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Lưu trữ giấy phép, hồ sơ tu bổ di tích tư nhân, tập thể.

C. Bộ phận Văn phòng Lưu trữ Tư vấn & Thông tin Di sản:

Nâng cấp, bổ sung hệ thống thông tin - tư liệu, kiện toàn công tác lưu trữ, tư vấn và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu; Tiếp nhận và xử lý tư

liệu từ các bộ phận. Đón tiếp, làm việc với các đoàn khách quốc tế đến liên hệ công tác tại đơn vị.

Tiếp tục sưu tầm ảnh Hội An xưa trong nhà dân, biên soạn nội dung Website về công tác bảo tồn di tích.

Tiếp tục đôn đốc dự án xin Jica hỗ trợ đầu tư thiết bị trưng bày Bảo tàng Hội An.

Triển khai thực hiện báo cáo theo yêu cầu của UNESCO về các vấn đề liên quan đến khu di sản.

D. Bộ phận Nghiệp vụ Bảo tàng:

Tiếp tục thực hiện kế hoạch trưng bày Bảo tàng VHSH.

Nâng cấp hiện vật ở các bảo tàng, tiếp tục thực hiện đề án mở cửa ban đêm của thành phố, chú trọng công tác ANTT-PCCC và phục vụ khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý.

Thực hiện triển lãm ảnh chào mừng Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2010 - 2015.

E. Bộ phận Hành chính - Tài vụ:

Đôn đốc kinh phí các lễ hội, chuyển khoản các khoản chi hoạt động tháng 6, làm thủ tục rút và chi tiến các đề tài văn hoá phi vật thể, tham mưu thanh lý tài sản cơ quan năm 2010, xây dựng quy chế về việc mua sắm tài sản, phương tiện của cơ quan.

CÔNG TÁC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ

Đảng bộ: Tiếp tục đôn đốc bài dự thi tìm hiểu 80 năm truyền thống ngành tuyên giáo, tiếp tục liên hệ xác minh lý lịch cho 01 quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng (Q. Phương).

Công đoàn: Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn, tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “Nuôi heo đất” cho toàn thể cán bộ công nhân viên cơ quan, tiếp tục chuẩn bị nội dung tổ chức Đại hội Công đoàn lần thứ V.

Chi đoàn: Tham gia các hoạt động do Thành đoàn phát động, tổ chức các hoạt động TDTT rèn luyện sức khoẻ cho đoàn viên thanh niên (bóng đá).



CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Ban Giám đốc

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Trần Văn An

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

Tống Quốc Hưng, Quảng Văn Quý
Võ Hồng Việt, Nguyễn Tuyết Phi

LƯU HÀNH NỘI BỘ